

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ
KHOA KẾ TOÁN – TÀI CHÍNH

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM, TỰ LUẬN & BÀI TẬP
KẾ TOÁN QUẢN TRỊ 1

Biên soạn: Đào Nguyên Phi

Khoa: Kế toán – Tài chính

HUẾ - 2023

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ

PHẦN I: TÓM TẮT LÝ THUYẾT

1. Khái niệm về kế toán quản trị

Hilton & PLatt (2015) cho rằng, kế toán quản trị (Managerial Accounting) là một bộ phận trong hệ thống thông tin của một tổ chức. Các nhà quản lý dựa vào thông tin kế toán quản trị để hoạch định, điều hành và kiểm soát hoạt động của tổ chức. Còn theo Luật Kế toán Việt Nam, kế toán quản trị được định nghĩa là “việc thu thập, xử lý, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính theo yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính trong nội bộ đơn vị kế toán (Luật Kế toán, khoản 3, điều 4). Những nội dung chủ yếu và phổ biến của kế toán quản trị trong một doanh nghiệp có thể bao gồm:

- Kế toán quản trị chi phí và tính giá thành sản phẩm.
- Kế toán quản trị bán hàng và kết quả kinh doanh.
- Phân tích mối quan hệ chi phí - sản lượng - lợi nhuận.
- Lập dự toán sản xuất kinh doanh.
- Phân tích biến động chi phí sản xuất kinh doanh.
- Phân tích thông tin thích hợp cho việc quyết định kinh doanh.
- Thu thập và phân tích thông tin cho quyết định đầu tư.

2. Quá trình quản lý hoạt động của tổ chức

Một tổ chức có thể được xác định như là một nhóm người liên kết với nhau để thực hiện một mục tiêu chung nào đó. Một ngân hàng thực hiện các dịch vụ tài chính là một tổ chức, một trường đại học thực hiện nhiệm vụ giáo dục và đào tạo cũng là một tổ chức. Một tổ chức phải được hiểu là những con người trong tổ chức chứ không phải là của cải vật chất (hay tài sản) của tổ chức.

Một số mục tiêu thường gặp của các tổ chức hoạt động vì mục tiêu lợi nhuận: Tối đa hóa lợi nhuận hoặc đạt được mức lợi nhuận mong muốn; Cực tiểu chi phí; Tối đa hóa thị phần hoặc đạt được một mức thị phần nào đó; Nâng cao chất lượng sản phẩm, dẫn đầu chất lượng sản phẩm; Đa dạng hóa thị trường; Duy trì được sự tồn tại của doanh nghiệp; Tự chủ về tài chính; Đạt mức tăng trưởng cao; Cực đại giá trị tài sản; Đạt được sự ổn định trong nội bộ; Trách nhiệm đối với môi trường; Cung cấp các dịch vụ công cộng với chi phí tối thiểu; ...

Cho dù mục tiêu hoạt động của một tổ chức là gì đi nữa, công việc của các nhà quản lý là phải đảm bảo các mục tiêu được thực hiện. Trong quá trình theo đuổi mục tiêu của tổ chức, các nhà quản lý thực hiện bốn hoạt động (chức năng) cơ bản như sau: (1) Lập kế hoạch; (2) Điều hành; (3) Kiểm soát; và (4) Ra quyết định.

3. Mục tiêu của kế toán quản trị

Hệ thống thông tin kế toán quản trị trong tổ chức có nhiệm vụ cung cấp thông tin cho các nhà quản lý để thực hiện các hoạt động quản lý. Kế toán quản trị có bốn mục tiêu chủ yếu như sau: (i) Cung cấp thông tin cho nhà quản lý để lập kế hoạch và ra quyết định; (ii) Trợ giúp nhà quản lý trong việc điều hành và kiểm soát hoạt động của tổ chức; (iii) Thúc đẩy các nhà quản lý đạt được các mục tiêu của tổ chức; và (iv) Đo lường hiệu quả hoạt động của các nhà quản lý và các bộ phận, đơn vị trực thuộc trong tổ chức.

4. Vai trò của nhân viên kế toán quản trị trong tổ chức

Vai trò chủ yếu của nhân viên kế toán quản trị trong một tổ chức là thu thập và cung cấp thông tin thích hợp và nhanh chóng cho các nhà quản lý để họ thực hiện việc lập kế hoạch, điều hành, kiểm soát hoạt động của tổ chức và ra quyết định.

5. Những điểm khác của kế toán quản trị và kế toán tài chính

Các chỉ tiêu	Kế toán quản trị	Kế toán tài chính
1. Đối tượng sử dụng thông tin	Các nhà quản trị bên trong tổ chức	Những thành phần bên ngoài tổ chức
2. Đặc điểm của thông tin cung cấp	Hướng về tương lai, nhanh, thích hợp Biểu diễn dưới hình thái giá trị và vật chất	Phản ánh quá khứ, chính xác; Biểu diễn dưới hình thái giá trị
3. Tính chất bắt buộc của thông tin và báo cáo	Không tuân thủ các nguyên tắc chung của kế toán	Tuân thủ các nguyên tắc của kế toán (GAAPs)
4. Phạm vi báo cáo	Từng bộ phận, khâu công việc	Toàn doanh nghiệp
5. Kỳ báo cáo	Bất kỳ khi nào cần cho quản lý	Định kỳ hàng tháng, quý, năm
6. Tính pháp lệnh	Không có tính pháp lệnh.	Có tính pháp lệnh
7. Quan hệ với các ngành khoa học	Nhiều	Ít

6. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển của kế toán quản trị

Dưới đây là một số thay đổi trong môi trường kinh doanh có ảnh hưởng lớn đến sự thay đổi và phát triển của kế toán quản trị.

- Sự xuất hiện ngày càng nhiều các ngành dịch vụ.
- Sự xuất hiện những ngành công nghiệp mới.
- Sự toàn cầu hóa nền kinh tế.
- Sự ra đời của hệ thống tồn kho kịp thời.

- Yêu cầu ngày càng cao về chất lượng sản phẩm và năng suất lao động.
- Chu kỳ sống của sản phẩm ngày càng bị rút ngắn.
- Sự thay đổi của các hệ thống sản xuất (CAM, CIM).

7. Nghề kế toán quản trị và đạo đức nghề nghiệp

Các tổ chức nghề nghiệp và việc chứng nhận hành nghề

Các nước có nền kinh tế phát triển như Mỹ, Canada và Anh quốc, các nhân viên kế toán quản trị thường tham gia vào các tổ chức nghề nghiệp. Chẳng hạn ở Mỹ, có rất nhiều tổ chức nghề nghiệp như Hiệp Hội Kế Toán Quốc Gia (the National Association of Accountants - NAA), Viện Kế Toán Công Chứng Hoa Kỳ (the American Institute of Certified Public Accountants - AICPA) và Hiệp Hội Kế Toán Hoa Kỳ (the American Accounting Association - AAA) (Hilton & Platt, 2015).

Ở Việt Nam, các nhân viên kế toán có thể tham gia các tổ chức nghề nghiệp như Hiệp Hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (VAA), Hiệp Hội Kiểm toán Viên Hành Nghề Việt Nam (VACPA).

Để được xã hội thừa nhận cũng như để duy trì kiến thức chuyên môn, các nhân viên kế toán nên sở hữu giấy chứng nhận hành nghề. Ở Mỹ, Hiệp Hội Kế Toán Quốc gia (NAA) thiết lập Viện Kế Toán Quản Trị Công Chứng (Institute of Certified Managerial Accountants - ICMA) và tổ chức này chịu trách nhiệm quản lý chương trình đào tạo và cấp chứng chỉ hành nghề kế toán quản trị. Ở Việt Nam, Bộ Tài chính giao trách nhiệm cho Hiệp Hội Kế Toán và Kiểm Toán Việt Nam (VAA) quản lý chương trình học tập và tổ chức kỳ thi cấp chứng chỉ hành nghề kế toán. Để được cấp chứng chỉ hành nghề, nhân viên kế toán phải đáp ứng các tiêu chuẩn cơ bản sau đây:

- Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật.
- Có chuyên môn, nghiệp vụ về tài chính, kế toán từ trình độ đại học trở lên và thời gian công tác thực tế về tài chính, kế toán từ năm năm trở lên.
- Đạt kỳ thi tuyển do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tổ chức (trích dẫn Luật Kế toán, Điều 57, Khoản 1).

Đạo đức hành nghề kế toán

Kế toán nói chung và kế toán quản trị nói riêng được công nhận là một nghề nghiệp. Khi hành nghề, các kế toán viên kế toán quản trị phải duy trì những phẩm chất đạo đức cao quý trong nghề nghiệp của mình. Chuẩn mực đạo đức hành nghề kế toán, kiểm toán của Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành (theo quyết định số 87/2005/QĐ-BTC, ngày 01/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) quy định chung những nguyên tắc cơ bản về đạo đức hành nghề kế toán và kiểm toán.

8. Tổ chức thực hiện kế toán quản trị

Vì kế toán quản trị là công việc của nội bộ doanh nghiệp và không có tính pháp lệnh, do vậy việc tổ chức thực hiện hệ thống chứng từ, hệ thống tài khoản, hệ thống sổ kế

toán và hệ thống báo cáo kế toán không bắt buộc phải tuân thủ chế độ kế toán được ban hành. Doanh nghiệp căn cứ vào yêu cầu thu thập, ghi chép, xử lý, cung cấp thông tin trong nội bộ của doanh nghiệp để thiết lập hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách và báo cáo kế toán sao cho phù hợp với yêu cầu của mình.

Theo quyết định số 53/2006/TT-BTC, ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện kế toán quản trị trong doanh nghiệp, việc tổ chức thực hiện công tác kế toán quản trị trong doanh nghiệp có thể thực hiện theo các nội dung như sau:

- Tổ chức vận dụng chế độ chứng từ kế toán
- Tổ chức vận dụng tài khoản kế toán
- Tổ chức vận dụng sổ kế toán
- Tổ chức báo cáo kế toán quản trị

PHẦN II: CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

Câu hỏi dạng trắc nghiệm

1. Thông tin được cung cấp bởi hệ thống kế toán rất hữu ích cho việc phân bổ nguồn lực và định giá sản phẩm/dịch vụ.

a. Đúng

b. sai

2. Các nguyên tắc kế toán được chấp nhận rộng rãi (GAAPs) đóng vai trò quan trọng trong việc soạn thảo các báo cáo kế toán quản trị.

a. Đúng

b. sai

3. Kế toán chi phí cung cấp thông tin cho cả kế toán tài chính và kế toán quản trị.

a. Đúng

b. sai

4. Kế toán tài chính báo cáo thông tin rất chi tiết về tình hình tài chính của tổ chức cho những người sử dụng thông tin để ra quyết định.

a. Đúng

b. sai

5. Thông tin kế toán quản trị khách quan hơn thông tin kế toán tài chính để phục vụ tốt cho công việc của các nhà quản lý.

a. Đúng

b. sai

6. Thông tin kế toán quản trị được cung cấp cho những người bên ngoài tổ chức như các nhà đầu tư, các chủ nợ và khách hàng.

a. Đúng

b. sai

7. Các kế toán viên kế toán quản trị cần phải hiểu rõ các công việc của nhà quản lý và cách nhà quản lý sử dụng thông tin kế toán.

a. Đúng

b. sai

8. Để cung cấp các thông tin kế toán trung thực và khách quan, các kế toán viên kế toán quản trị phải tuân thủ theo các nguyên tắc kế toán được chấp nhận rộng rãi (GAAPs)

a. Đúng

b. sai

9. Kiểm soát hoạt động là việc lựa chọn phương án tốt nhất để thực hiện và đảm bảo rằng phương án đó được thực hiện tốt.

a. Đúng

b. sai

10. Việc thu thập, xử lý, và cung cấp thông tin kế toán cho những người sử dụng để ra quyết định được gọi là:

A. Kế toán quản trị

B. Kế toán

C. Kế toán tài chính

D. Kế toán chi phí

11. Đặc điểm nào sau đây không phải là của kế toán quản trị?

A. Định hướng tương lai

B. Cung cấp thông tin tài chính và phi tài chính

C. Không tuân thủ các nguyên tắc kế toán (GAAPs)

D. Cung cấp thông tin rất khách quan

12. Nhân viên kế toán quản trị phải thỏa mãn được nhu cầu của những người sử dụng thông tin kế toán, vì vậy họ thực hiện các công việc sau đây, ngoại trừ:

A. Cung cấp thông tin có chất lượng cao cho các nhà quản lý

B. Cung cấp thông tin kịp thời cho các nhà quản lý với chi phí thấp

C. Cung cấp thông tin hữu ích cho các nhà đầu tư

D. Cung cấp thông tin phù hợp cho các nhà quản lý

13. Đặc điểm nào sau đây là của kế toán quản trị

A. Tuân thủ nguyên tắc kế toán (GAAPs)

B. Báo cáo thông tin ra bên ngoài

C. Báo cáo cả thông tin tài chính và thông tin phi tài chính

D. Báo cáo thông tin quá khứ

14. Những thay đổi trong cách nhà quản lý quản trị hoạt động của tổ chức thường buộc họ phải đánh giá lại việc thiết kế và vận hành:

- A. Hệ thống kế toán
- B. Hệ thống kế toán tài chính
- C. Hệ thống kế toán quản trị
- D. Hệ thống báo cáo thông tin

15. Công việc của nhân viên kế toán quản trị được cho là thành công nhất nếu nó

- A. Giúp các nhà quản lý đánh giá được khả năng thanh toán của tổ chức
- B. Nhanh chóng và chính xác
- C. Giúp các nhà quản lý cải thiện việc ra quyết định
- D. Dễ hiểu bởi các nhà quản lý

Câu hỏi dạng tự luận

1. Hãy liệt kê một số mục tiêu (có thể) của các tổ chức sau đây: Trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế, Công ty bia HUDA, Cục thuế Thừa Thiên Huế, Bệnh viện Trung ương Huế.

2. Liệt kê và định nghĩa các công việc trong quá trình quản lý hoạt động của tổ chức.

3. Hãy cho những ví dụ minh họa cho từng công việc/chức năng của nhà quản lý, xét trong trường hợp của Khách sạn bờ sông thanh lịch - Century Huế.

4. Hãy liệt kê và cho ví dụ về các mục tiêu của kế toán quản trị.

5. Theo bạn, kế toán quản trị có đóng vai trò quan trọng trong một tổ chức phi lợi nhuận không? Giải thích câu trả lời của bạn.

6. Trình bày những điểm khác biệt giữa kế toán quản trị và kế toán tài chính.

7. Trình bày mối quan hệ giữa các hệ thống kế toán (kế toán chi phí, kế toán quản trị, kế toán tài chính) trong một tổ chức.

8. Việc sở hữu một chứng chỉ hành nghề kế toán đóng vai trò như thế nào đối với một nhân viên kế toán quản trị. Điều kiện để được cấp chứng chỉ này là gì?

9. Hãy giải thích nghĩa của các chuẩn mực đạo đức sau đây: độc lập, chính trực, khách quan, năng lực chuyên môn, bảo mật thông tin.

10. Hệ thống thông tin kế toán quản trị đóng vai trò quan trọng trong một tổ chức. Theo bạn, ngoài thông tin được cung cấp bởi kế toán quản trị, các nhà quản lý cần những thông tin nào cho công việc quản lý và những thông tin này được cung cấp bởi ai?

CHƯƠNG 2: KHÁI NIỆM VÀ PHÂN LOẠI CHI PHÍ

PHẦN I: TÓM TẮT LÝ THUYẾT

1. Một số khái niệm

Khái niệm chi phí

Chi phí có thể được định nghĩa như là khoản hao phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để đạt được kết quả nào đó. Hao phí này bao gồm hao phí lao động vật hóa (như nguyên vật liệu, năng lượng, hao mòn tài sản cố định) và hao phí lao động sống (như tiền công, tiền lương, các khoản phụ cấp). Các nhân viên kế toán thường định nghĩa “chi phí như là một nguồn lực hy sinh hoặc mất đi để đạt được một mục đích cụ thể” (Horngren *et al.*, 1999). Hầu hết mọi người đều xem chi phí là hao phí nguồn lực tính bằng tiền (ví dụ như đồng Việt Nam - VNĐ) để đổi lấy hàng hóa và dịch vụ.

Đối tượng chi phí

Để trợ giúp cho việc ra quyết định, các nhà quản lý muốn biết chi phí tính cho một đối tượng cụ thể nào đó (ví dụ như một sản phẩm, dịch vụ, một dự án, hoặc một chương trình) là bao nhiêu. Chúng ta gọi “đối tượng này” là một đối tượng chi phí (cost object).

Tập hợp chi phí và quy nạp chi phí

Một hệ thống kế toán chi phí thường xác định chi phí theo hai giai đoạn cơ bản: tập hợp chi phí và quy nạp chi phí.

Giai đoạn 1: Tập hợp chi phí:

Tập hợp chi phí (cost accumulation) là việc thu thập số liệu chi phí theo một cách có tổ chức thông qua hệ thống kế toán. Ví dụ, chi phí được tập hợp theo cách phân loại chi phí theo khoản mục, bao gồm chi phí nguyên liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp, chi phí sản xuất chung...

Giai đoạn 2: Quy nạp chi phí:

Quy nạp chi phí (cost assignment) là một thuật ngữ nhằm chỉ việc tính toán các chi phí tập hợp được cho các đối tượng chi phí. Việc quy nạp chi phí có thể bao gồm: việc tính trực tiếp chi phí cho các đối tượng chịu chi phí (áp dụng cho các chi phí trực tiếp như chi phí nguyên vật liệu trực tiếp) hoặc phân bổ chi phí cho các đối tượng chịu chi phí (áp dụng cho các chi phí gián tiếp như chi phí sản xuất chung).

Chi phí chênh lệch

Có những khoản chi phí hiện diện trong phương án này nhưng lại không hiện diện hoặc chỉ hiện diện một phần trong phương án khác. Những chi phí này được gọi là chi phí chênh lệch (differential costs). Chi phí chênh lệch có hai loại là: chi phí tăng thêm (incremental costs), trường hợp chi phí trong phương án này lớn chi phí trong phương án kia và chi phí giảm xuống (decremental costs), trong trường hợp chi phí trong phương án này bé hơn chi phí trong phương án kia.

Chi phí cơ hội

Chi phí cơ hội (opportunity costs) được định nghĩa là lợi ích (lợi nhuận) tiềm tàng bị mất đi khi chọn một phương án này thay vì chọn phương án khác. Nếu bia và rượu là hai lựa chọn về thức uống cho một buổi tiệc, chi phí cơ hội của việc uống bia là mức hữu ích/niềm vui gắn liền với việc uống rượu bị hy sinh.

Chi phí cơ hội, mặc dù không phải là một chi phí thực tế phát sinh, nhưng được sử dụng phổ biến trong nhiều tình huống ra quyết định của các nhà quản lý. Giả sử một công ty đang xem xét nhận được một đơn hàng đặc biệt từ một khách hàng. Nếu nhà quản lý chấp nhận đơn hàng này, công ty sẽ không đủ khả năng sản xuất (số giờ máy, số giờ lao động) để sản xuất những sản phẩm hiện tại của công ty. Chi phí cơ hội của việc chấp nhận đơn hàng đặc biệt này sẽ là lợi ích/lợi nhuận bị hy sinh do hoạt động kinh doanh hiện của công ty bị cắt giảm.

Chi phí chìm

Chi phí chìm (sunk costs) là những chi phí đã phát sinh do quyết định trong quá khứ. Do vậy, chúng không ảnh hưởng các chi phí tương lai và không thể thay đổi bởi các hành động hiện tại và trong tương lai. Doanh nghiệp phải luôn gánh chịu chi phí này cho dù bất kỳ phương án nào được chọn. Vì vậy, trong việc lựa chọn các phương án khác nhau, chi phí này không được đưa vào xem xét, nó không thích hợp cho việc ra quyết định.

Chi phí đơn vị và chi phí biên tế

Hệ thống kế toán thường cung cấp thông tin về tổng chi phí (total costs - TC) và chi phí đơn vị (unit costs). Chi phí đơn vị hay còn được gọi là chi phí bình quân là mức chi phí tính cho một đơn vị sản phẩm.

2. Phân loại chi phí

Căn cứ vào cách ứng xử

Một trong những phương pháp phân loại chi phí quan trọng bậc nhất là dựa vào mối quan hệ giữa độ lớn của chi phí và mức hoạt động (level of activity) của tổ chức. Dựa vào cách ứng xử của chi phí theo sự biến đổi của mức hoạt động, chi phí của tổ chức được phân loại thành chi phí biến đổi (variable costs-VC) và chi phí cố định (fixed costs-FC).

Căn cứ vào phương pháp quy nạp chi phí

Theo phương pháp phân phối chi phí cho một đối tượng chịu chi phí, các chi phí được phân loại thành chi phí trực tiếp (direct costs) và chi phí gián tiếp (indirect costs).

Căn cứ vào khả năng kiểm soát chi phí

Nếu một nhà quản lý có thể kiểm soát hoặc quyết định về một loại chi phí, thì chi phí ấy được gọi là chi phí kiểm soát được bởi nhà quản lý đó. Ngược lại, chi phí mà nhà quản lý không có khả năng kiểm soát hoặc gây ảnh hưởng lớn lên nó thì được phân loại là chi phí không kiểm soát được đối với nhà quản lý đó (Hilton & Platt, 2015).

Căn cứ vào lĩnh vực/chức năng

Để trợ giúp các nhà quản lý trong việc vạch kế hoạch và kiểm soát chi phí, các nhân viên kế toán quản trị phân loại chi phí theo lĩnh vực chức năng của tổ chức. Theo đó, chi phí có thể được phân loại thành chi phí sản xuất (manufacturing costs) và chi phí ngoài sản xuất (non-manufacturing costs).

Căn cứ vào thời điểm ghi nhận chi phí

Một điều quan trọng đối với cả kế toán tài chính và kế toán quản trị là việc xác định thời điểm ghi nhận các khoản chi tiêu trong việc mua sắm tài sản hoặc dịch vụ được ghi nhận là chi phí. Thuật ngữ chi phí sản phẩm (product costs) và chi phí thời kỳ (period costs) được sử dụng để mô tả thời điểm ghi nhận các loại chi phí khác nhau.

PHẦN II: CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

Câu hỏi trắc nghiệm

1. “Chi phí” được định nghĩa là một khoản chi bằng tiền để mua sắm tài sản.
 - a. Đúng
 - b. Sai
2. Trong một hệ thống kế toán chi phí, các chi phí được tính cho một đối tượng chi phí thông qua hai bước: (1) tập hợp, và (2) tính trực tiếp hoặc phân bổ.
 - a. Đúng
 - b. Sai
3. Các chi phí gián tiếp không thể xác định được cho một đối tượng chi phí.
 - a. Đúng
 - b. Sai
4. Chi phí biến đổi đơn vị thay đổi tỷ lệ theo sự thay đổi của mức hoạt động (như sản lượng).
 - a. Đúng
 - b. Sai
5. Chi phí cố định đơn vị là chi phí không thay đổi theo mức hoạt động (như sản lượng).
 - a. Đúng
 - b. Sai
6. Chi phí quảng cáo của một doanh nghiệp thay đổi hàng năm, vì vậy nó là một chi phí biến đổi.
 - a. Đúng
 - b. Sai
7. Chi phí lãi vay là một chi phí cố định vì chi phí này không thay đổi theo sản lượng tiêu thụ.

a. Đúng

b. Sai

8. Một chi phí được phân loại là chi phí cố định hoặc chi phí biến đổi căn cứ theo mối quan hệ giữa mức độ hoạt động (như sản lượng) và độ lớn của chi phí.

a. Đúng

b. Sai

9. Chi phí cố định là chi phí thay đổi tính trên từng đơn vị khi mức độ hoạt động (như sản lượng) thay đổi.

a. Đúng

b. Sai

10. Chi phí cố định là chi phí không thể thay đổi được.

a. Đúng

b. Sai

11. Khi sản lượng tiêu thụ của một doanh nghiệp tăng lên, chi phí quảng cáo của doanh nghiệp cũng sẽ tăng lên tương ứng.

a. Đúng

b. Sai

12. Việc thu thập thông tin chi phí một cách có hệ thống trong hệ thống thông tin kế toán được gọi là:

A. Qui nạp/phân phối chi phí

B. Phân bổ chi phí

C. Đối tượng chi phí

D. Tập hợp chi phí

13. Tất cả những cái sau đây đều là đối tượng chi phí, ngoại trừ:

A. Đơn hàng

B. Bộ phận sản xuất

C. Việc tập hợp và phân bổ chi phí

D. Qui trình sản xuất

14. Khoản mục nào sau đây là chi phí thời kỳ của một doanh nghiệp sản xuất?

A. NVL trực tiếp

B. Sản xuất chung

C. Chi phí bán hàng

D. Lao động trực tiếp

15. Các chi phí sau đây là thông tin thích hợp cho việc ra quyết định, ngoại trừ:

- A. Chi phí chênh lệch
- B. Chi phí tương lai
- C. Chi phí cơ hội
- D. Chi phí chìm

Câu hỏi tự luận

1. Hãy trình bày mục đích của việc phân loại chi phí.
2. Cho ví dụ minh họa về việc sử dụng thông tin chi phí cho việc lập kế hoạch, kiểm soát, và ra quyết định tài Công ty bia HUDA Huế.
3. Phân biệt giữa chi phí cố định và chi phí biến đổi.
4. Chi phí cố định đơn vị thay đổi như thế nào khi mức độ hoạt động (ví dụ, sản lượng sản phẩm) tăng? Cho một ví dụ minh họa.
5. Chi phí biến đổi đơn vị thay đổi như thế nào khi mức độ hoạt động tăng?
6. Phân biệt giữa chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp. Liệt kê hai loại chi phí trực tiếp và năm loại chi phí gián tiếp phát sinh trong phân xưởng sản xuất mì ăn liền của Công ty VIFON.
7. Hãy liệt kê ba loại chi phí có khả năng kiểm soát được và ba loại chi phí không có khả năng kiểm soát được bởi nhà quản lý Sân bay Phú Bài Huế.
8. Phân biệt giữa chi phí sản phẩm và chi phí thời kỳ. Hãy liệt kê các chi phí sản phẩm và chi phí thời kỳ trong một doanh nghiệp sản xuất.
9. Trình bày sự khác biệt chỉ tiêu “giá vốn hàng bán” trong doanh nghiệp sản xuất và doanh nghiệp thương mại.
10. Vì sao chi phí sản phẩm được gọi là chi phí tồn kho (hay chi phí vốn)?
11. Hãy phân biệt chi phí thực tế phát sinh (out-of-pocket costs) với chi phí cơ hội.
12. Hãy định nghĩa và cho ví dụ minh họa về chi phí chìm.
13. Hãy chỉ ra mỗi loại chi phí sau đây là chi phí trực tiếp hay chi phí gián tiếp đối với bộ phận nhà hàng của Khách sạn Hương Giang.
 - a. Chi phí thực phẩm và đồ uống.
 - b. Tiền lương và phụ cấp của quản lý nhà hàng.
 - c. Chi phí quảng cáo của Khách sạn được phân bổ một phần cho nhà hàng.
 - d. Chi phí bảo trì hệ thống điều hòa của Khách sạn được phân bổ một phần cho nhà hàng.
14. Trong các chi phí được liệt kê ở câu 13, chi phí nào là chi phí không kiểm soát được bởi người quản lý nhà hàng và chi phí nào là chi phí kiểm soát được?

Bài tập

Bài tập 1. Các chi phí phát sinh tại một Công ty được liệt kê trong bảng dưới đây. Hãy chỉ ra mỗi loại chi phí này thuộc cách phân loại chi phí nào? Lưu ý rằng, một loại chi

phí có thể thuộc nhiều cách phân loại khác nhau. Ví dụ, chi phí nguyên vật liệu có thể là một chi phí sản phẩm, nó cũng là một chi phí biến đổi và là một chi phí trực tiếp.

	Chi phí biến đổi	Chi phí cố định	Chi phí sản phẩm	Chi phí thời kỳ	Chi phí sản xuất	Chi phí ngoài sản xuất	Chi phí NVL trực tiếp	Chi phí LĐ trực tiếp	Chi phí sản xuất chung	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Chi phí bán hàng
Khấu hao máy móc thiết bị sản xuất											
Tiền lương công nhân sản xuất											
Tiền lương quản đốc phân xưởng											
Nguyên vật liệu trực tiếp											
Nguyên vật liệu gián tiếp											
Hoa hồng bán hàng											
Khấu hao dụng cụ quản lý											
Tiền lương nhân viên bán hàng											
Tiền lương giám đốc DN											
Điện dùng cho sản xuất											
Điện thoại dùng trong văn phòng											
Nhiên liệu dùng cho sản xuất											
Bảo hiểm cháy nổ cho phân xưởng sản xuất											
Công cụ xuất dùng cho sản xuất											
Quảng cáo											
Văn phòng phẩm											
Lương nhân viên văn											

phòng											
Tiền trả lãi vay											

Bài tập 2. Hai năm trước, nhà quản lý một cửa hàng thương mại mua 10 máy tính tiền (cash registers) với giá 500 triệu đồng (50 triệu đồng/máy). Thời gian sử dụng của loại máy tính tiền này là 10 năm. Gần đây, một công ty chuyên cung cấp các hệ thống tính tiền và thanh toán tự động đến thuyết phục nhà quản lý mua một hệ thống tính tiền và thanh toán tự động hiện đại cho cửa hàng. Hệ thống mới này nếu đưa vào sử dụng có thể giảm thiểu khá nhiều chi phí hoạt động hàng năm cho cửa hàng. Nếu các máy tính tiền cũ được bán lại thì có thể thu hồi được 300. Nhà quản lý cửa hàng cho rằng, hệ thống máy tính tiền cũ được mua vào với giá 500 triệu và chỉ sử dụng được hai năm. Nếu bán đi mà chỉ thu hồi được 300 triệu thì cửa hàng bị lỗ, do vậy ông ta từ chối lời đề nghị của công ty cung cấp hệ thống tính tiền và thanh toán tự động.

- Chi phí mua các máy tính tiền cũ là loại chi phí gì?
- Theo bạn, vì sao nhà quản lý từ chối lời đề nghị?
- Bạn có suy nghĩ giống như nhà quản lý không? Nếu bạn có suy nghĩ khác, đó là gì và vì sao bạn suy nghĩ như vậy?
- Giả sử rằng, hệ thống tính tiền và thanh toán tiền tự động có thể sử dụng được 8 năm và có giá bán là 800 triệu đồng. Nếu mua hệ thống thanh toán này để thay thế cho các máy tính tiền cũ thì cửa hàng sẽ tiết kiệm được chi phí hoạt động hàng năm là 70 triệu đồng? Nếu là nhân viên kế toán quản trị, bạn có tư vấn cho nhà quản lý như thế nào?

Bài tập 3. Một công ty sản xuất một loại sản phẩm X có các số liệu dự toán chi phí được lập cho ba mức hoạt động là 5.000, 6.000 và 7.000 sản phẩm. Hãy điền các con số thích hợp vào những ô trống (?) trong bảng sau:

Số lượng sản phẩm	5.000	6.000	7.000
Tổng chi phí (TC)	?	72.000	?
- Chi phí cố định (FC)	?	42.000	?
- Chi phí biến đổi (VC)	?	30.000	?
Chi phí đơn vị (AC)	?	?	?
- Chi phí cố định đơn vị (AFC)	?	?	?
- Chi phí biến đổi đơn vị (AVC)	?	?	?

Bài tập 4. Hãy điền vào ô trống (?) trong bảng những con số thích hợp:

	Sản phẩm A	Sản phẩm B	Sản phẩm C
Tồn kho thành phẩm đầu kỳ	10.000	?	5.000
Trị giá sản phẩm hoàn thành trong kỳ	95.000	428.000	?

Tồn kho thành phẩm cuối kỳ	8.000	98.000	21.000
Giá vốn hàng bán trong kỳ	?	405.000	304.000

Bài tập 5. Trong tháng 1 năm 2014, công ty ABC thực hiện doanh thu bán hàng là 750.000.000 đồng. Công ty đã mua 143.000.000 đồng nguyên vật liệu (trực tiếp). Các chi phí khác phát sinh trong năm được phân bổ cho bộ phận sản xuất, bán hàng và quản lý như sau:

	Bộ phận sản xuất	Bộ phận quản lý	Bộ phận bán hàng
Khấu hao TSCĐ	18.000.000	7.000.000	5.000.000
Bảo hiểm	6.000.000	3.000.000	2.000.000
Tiền lương	310.000.000	90.000.000	20.000.000
Khác	12.000.000	3.000.000	50.000.000
Cộng	346.000.000	103.000.000	77.000.000

Chi phí tiền lương của bộ phận sản xuất bao gồm 250.000.000 đồng là tiền lương lao động trực tiếp và 60.000.000 là tiền lương gián tiếp.

Số liệu kiểm kê hàng tồn kho như sau:

	Đầu tháng	Cuối tháng
Tồn kho nguyên liệu	57.000.000	40.000.000
Sản phẩm dở dang	34.000.000	10.000.000
Tồn kho thành phẩm	37.000.000	25.000.000

Yêu cầu:

- Hãy lập bảng kê chi phí sản xuất trong tháng 1 năm 2014.
- Hãy lập bảng kê giá vốn hàng bán trong tháng 1 năm 2014.
- Hãy lập báo cáo kết quả kinh doanh tháng 1 năm 2014.

CHƯƠNG 3: MÔ HÌNH CHI PHÍ VÀ DỰ BÁO CHI PHÍ

PHẦN I: TÓM TẮT LÝ THUYẾT

1. Các mô hình ứng xử của chi phí

Mô hình ứng xử chi phí, hay còn gọi là hàm chi phí (cost functions). Một hàm chi phí là một hàm toán học biểu diễn mối quan hệ giữa chi phí và mức độ hoạt động (Horngren *et al.*, 1999). Các hàm chi phí có thể được biểu diễn thành đồ thị trên trục tọa độ Decac, theo đó trục hoành (ox) biểu thị cho mức hoạt động và trục tung (oy) biểu thị cho độ lớn của chi phí.

Mô hình chi phí biến đổi

Phương trình biểu diễn chi phí biến đổi có dạng: $VC = AVC \times Q$ (hay $y = ax$)

Đồ thị của chi phí biến đổi là đường thẳng đi qua gốc tọa độ và có hệ số góc là biến phí đơn vị (AVC)

Mô hình chi phí cố định

Phương trình của chi phí cố định có dạng $FC = a$ (hay $y = \text{constant}$)

Đồ thị của chi phí cố định là đường thẳng song song với trục hoành (phản ánh mức độ hoạt động) và cắt trục tung tại giá trị định phí FC.

Mô hình của chi phí hỗn hợp

Phương trình biểu diễn chi phí hỗn hợp có dạng: $TC = AVC \times Q + FC$ (hay $y = ax + b$)

Đồ thị của chi phí biến đổi là đường thẳng cắt trục tung tại điểm có tung độ là FC và có hệ số góc là biến phí đơn vị (AVC)

Mô hình của Chi phí cấp bậc

Chi phí cố định là chi phí không thay đổi theo mức độ hoạt động chỉ trong một phạm vi hoạt động thích hợp nào đó (relevant range of activity). Khi mức hoạt động vượt quá phạm vi phù hợp này thì chi phí cố định sẽ tăng lên một mức cao hơn. Chi phí cố định có đặc điểm như vậy được gọi là chi phí cố định cấp bậc (step-fixed costs).

2. Dự báo chi phí

Phương pháp phân tích tài khoản

Phương pháp phân tích tài khoản (account analysis) ước lượng hàm chi phí bằng cách phân loại các tài khoản chi phí trong sổ kế toán thành chi phí biến đổi, chi phí cố định, hoặc chi phí hỗn hợp. Việc phân loại này dựa trên kiến thức và kinh nghiệm của người phân tích về mức hoạt động và chi phí của tổ chức. Sau khi các khoản mục chi phí đã được phân loại, người phân tích sẽ nghiên cứu số liệu quá khứ và bằng sự phán đoán của mình để dự báo chi phí trong tương lai.

Phương pháp đồ thị phân tán

Dựa vào dữ liệu quá khứ biểu diễn các điểm đồ thị phân tán;

Vẽ đường thẳng đi qua các điểm đồ thị phân tán sao cho các điểm nằm trên và nằm dưới cân bằng với nhau;

Giá trị định phí FC chính là điểm giao của đường thẳng đã vẽ với trục tung;

Để xác định hệ số góc (thành phần biến phí đơn vị AVC) ta cho Q một giá trị bất kỳ dựa vào đồ thị ta xác định được tổng chi phí với mức hoạt động đã chọn; từ đó ta suy ra giá trị của biến phí VC từ đó suy ra biến phí đơn vị AVC.

Căn cứ vào giá trị định phí FC và biến phí đơn vị AVC ta xác định được phương trình ước lượng chi phí cần tìm $TC = AVC \times Q + FC$

Khi muỗn dự báo chi phí cho một kỳ nào trong tương lai ta thay mức độ hoạt động của kỳ đó vào phương trình trên.

Phương pháp điểm cao - điểm thấp

Người phân tích dựa vào chi phí ở mức độ hoạt động thấp nhất và mức độ hoạt động cao nhất trong tập dữ liệu thu thập được để ước lượng hàm chi phí. Từ số liệu thu thập được về chi phí và các mức hoạt động tương ứng, thành phần chi phí biến đổi và chi phí cố định được tính toán như sau:

$$\text{Chi phí biến đổi đơn vị} = \frac{\text{Chênh lệch chi phí giữa hai mức hoạt động}}{\text{Chênh lệch giữa hai mức hoạt động}}$$

$$\text{Chi phí cố định} = \text{Tổng chi phí} - \text{Chi phí biến đổi đơn vị} \times \text{mức hoạt động}$$

Từ đó suy ra phương trình ước lượng chi phí cần tìm $TC = AVC \times Q + FC$

Khi muỗn dự báo chi phí cho một kỳ nào trong tương lai ta thay mức độ hoạt động của kỳ đó vào phương trình trên.

Phương pháp phân tích hồi quy

Phân tích hồi quy là một phương pháp thống kê nhằm đo lường sự thay đổi kỳ vọng của biến phụ thuộc (ví dụ như chi phí) theo sự thay đổi đơn vị của một hoặc nhiều biến phụ thuộc (ví dụ như sản lượng, hoặc số giờ máy).

Theo phương pháp hồi quy bình phương bé nhất, đường chi phí ước lượng được xác định sao cho tổng bình phương các độ lệch giữa đường chi phí và các điểm số liệu quan sát được là cực tiểu. Một điều cần lưu ý rằng, độ lệch giữa đường chi phí và các điểm số liệu được đo theo chiều dọc, chứ không phải là độ lệch được đo thẳng góc với đường chi phí. Độ lệch này chính là sự khác biệt giữa chi phí thực tế với chi phí ước lượng tại mỗi điểm quan sát.

Tr
ng
i h C Kinh t Hu

PHẦN II: CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

Câu hỏi

1. Hãy định nghĩa các thuật ngữ sau đây: Cách ứng xử của chi phí (cost behavior), phân tích chi phí (cost estimation) và dự báo chi phí (cost prediction).
2. Trình bày tầm quan trọng của cách ứng xử của chi phí theo mức hoạt động trong việc lập kế hoạch và ra quyết định.
3. Vẽ đồ thị của chi phí biến đổi, chi phí cố định, chi phí cố định cấp bậc (step-variable costs) và chi phí hỗn hợp trên trục tọa độ Decac.
4. Hãy giải thích ảnh hưởng của sự gia tăng mức độ hoạt động lên chi phí cố định, chi phí cố định đơn vị.
5. Hãy giải thích ảnh hưởng của sự gia tăng mức độ hoạt động lên chi phí biến đổi, chi phí biến đổi đơn vị.
6. Đối với mỗi loại hình doanh nghiệp sau đây, hãy thử đề xuất một tiêu thức đo lường mức hoạt động của nó: (a) Khách sạn; (b) Bệnh viện; (c) Công ty sản xuất máy tính; (d) Cửa hàng bán lẻ thiết bị điện tử; (f) Công ty dịch vụ kế toán.
7. Theo bạn, chi phí tiền lương của người giám sát sản xuất là loại chi phí gì? Hãy giải thích cho câu trả lời của bạn.
8. Trong trường hợp nào, chi phí dạng cong (curvilinear cost) có thể được xem như là một chi phí dạng tuyến tính (linear cost). Có thể sử dụng đồ thị để minh họa cho câu trả lời.
9. Hãy cho biết, trong các khoản mục chi phí dưới đây, khoản mục nào là chi phí bắt buộc, khoản mục nào là chi phí tùy ý:
 - a. Chi phí bảo trì đường cao tốc liên tỉnh hàng năm.
 - b. Chi phí quảng cáo của Khách sạn Morin.
 - c. Khấu hao thiết bị sản xuất của công ty bia Huda.
 - d. Chi phí nghiên cứu và phát triển của hãng Nokia.
 - e. Chi phí tiền lương của giám đốc công ty P&G Việt Nam.
 - f. Chi phí bồi dưỡng nhân viên hàng năm tại Lever-Viso.
10. Một nhân viên kế toán quản trị trình cho giám đốc một đồ thị biểu diễn chi phí bảo trì thiết bị của công ty. Đó là một chi phí hỗn hợp. Vị giám đốc sau khi xem đồ thị chi phí bảo trì cho rằng, thành phần chi phí cố định không đúng. Ông ta bảo rằng: “Chi phí cố định bảo trì sẽ không phát sinh nhiều như vậy nếu nhà máy không hoạt động trong sáu tháng”. Nhân viên kế toán quản trị sẽ giải trình như thế nào?
11. Trình bày phương pháp phân tích chi phí “Điểm cao - Điểm thấp”. Ưu và nhược điểm của phương pháp này là gì?

12. Hãy trình bày phương pháp phân loại tài khoản. Phương pháp này có ích như thế nào trong việc dự báo chi phí?
13. Hãy giải thích thuật ngữ “bình phương bé nhất” trong phương pháp phân tích hồi quy bình phương bé nhất.
14. Làm thế nào để đánh giá tính phù hợp của đường hồi quy (với số liệu quan sát được)? Hệ số xác định (R^2) là gì? Ý nghĩa của hệ số này là gì?

Bài tập

Bài tập 1. WMEJ là một trạm phát sóng truyền hình độc lập của một trường đại học lớn. Số giờ phát sóng của trạm dao động quanh năm, phụ thuộc vào hoạt động nhà trường. Chi phí hoạt động của trạm trong tháng 7 và tháng 9 được ghi nhận như sau:

	Chi phí (\$)	Số giờ phát sóng
Chi phí biến đổi		
Tháng 7	5.000	400
Tháng 9	8.000	640
Chi phí cố định		
Tháng 7	5.000	400
Tháng 9	5.000	640

Yêu cầu:

- a. Tính chi phí cho một giờ phát thanh trong tháng 7, tháng 9.
- b. Tổng chi phí của trạm phát sinh trong tháng 12 sẽ là bao nhiêu, nếu số lượng giờ phát sóng này là 420 giờ? Chi phí tính cho mỗi giờ phát sóng như thế nào?

Bài tập 2. Hãy vẽ đồ thị biểu diễn đường chi phí cho mỗi loại chi phí phát sinh tại một bệnh viện. Bệnh viện này đo lường mức độ hoạt động theo số ngày của bệnh nhân.

- a. Chi phí tiền lương và phụ cấp của các nhân viên hành chính, mỗi tháng là \$15.000.
- b. Chi phí thức ăn của bệnh nhân. Trong tháng 1, bệnh viện cung cấp 3.000 suất ăn và tổng chi phí thức ăn trong tháng là \$24.000.
- c. Chi phí của phòng xét nghiệm: chi phí khấu hao máy móc thiết bị y khoa là \$40.000/tháng và \$10 là tiền hóa chất và vật tư khác sử dụng trong các xét nghiệm tính cho một bệnh nhân/ngày.
- d. Chi phí tiện ích hàng tháng phụ thuộc vào số lượng khu chăm sóc bệnh nhân được sử dụng. Nếu trong một tháng số ngày bệnh dưới 2.000 thì có 2 khu chăm sóc được sử dụng và chi phí tiện ích sẽ là \$10.000. Nếu số ngày bệnh lớn hơn 2.000 thì 3 khu chăm sóc bệnh sẽ được sử dụng và chi phí tiện ích tương ứng là \$15.000.
- e. Chi phí tiền lương của các y tá. Rất nhiều y tá của bệnh viện làm việc bán thời gian. Số giờ làm việc của y tá trong tháng sẽ thay đổi theo yêu cầu hoạt động của

bệnh viện. Chi phí tiền lương của các y tá ước tính khoảng \$2.500 mỗi tháng, ứng với số ngày chăm sóc bệnh nhân từ 0 đến 200. Chi phí tiền lương y tá sẽ là \$5.000 mỗi tháng cho số ngày bệnh chăm sóc từ 201 đến 400...

Bài tập 3. Chi phí bảo trì xe tại Công ty vận tải ABC được ghi nhận trong 6 tháng đầu năm 2005 như sau:

Tháng	Quãng đường đi được (km)	Chi phí bảo trì (1.000 đồng)
1	8.000	11.000
2	8.500	11.400
3	10.600	11.600
4	12.700	11.700
5	15.000	12.000
6	20.000	12.500

Yêu cầu:

- Ước tính chi phí bảo trì biến đổi tính cho 1 km quãng đường và chi phí bảo trì cố định hàng tháng bằng phương pháp “Điểm cao - Điểm thấp”. Hàm chi phí bảo trì xe của công ty có dạng như thế nào? Vẽ đồ thị biểu diễn đường chi phí bảo trì xe.
- Nếu trong một tháng, quãng đường đi được là 25.000 km, chi phí bảo trì xe ước tính trong tháng sẽ là bao nhiêu?

Bài tập 4. Công ty XYZ có 4 cửa hàng bán lẻ. Chi phí bảo trì cửa hàng, văn phòng làm việc và các thiết bị của công ty thu thập được như sau:

Tháng	Chi phí bảo trì (\$)	Doanh thu (\$)
1	53.000	600.000
2	55.000	700.000
3	47.000	550.000
4	51.000	650.000
5	45.000	500.000
6	49.000	610.000

Sử dụng phương pháp “Điểm cao - Điểm thấp”, hãy ước lượng hàm chi phí bảo trì của công ty. Vẽ đường biểu diễn chi phí này.

Bài tập 5. Công ty N sản xuất một trong những loại tương ớt tốt nhất trong nước. Các thông tin về chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty được nhân viên kế toán chi phí của Công ty thu thập được như sau:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: 1.100 đồng/1 chai.
- Khấu hao máy móc thiết bị và nhà xưởng của Công ty: 20.000.000 đồng/tháng.
- Tiền lương trả cho công nhân trực tiếp sản xuất: 700 đồng/1 chai.

- Tiền lương trả cho ban giám đốc Công ty: 8.000.000 đồng/tháng.
- Chi phí tiện ích (điện, nước, điện thoại) là 4.000.000 đồng/tháng, cộng với 200 đồng/1 chai tương ớt sản xuất và tiêu thụ.

Yêu cầu:

- Hãy phân loại từng khoản mục chi phí nêu trên theo cách ứng xử của chúng.
- Viết phương trình biểu diễn tổng chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Từ câu b, anh/chị hãy ước tính tổng chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty ở mức hoạt động 50.000 chai/1 tháng.

Bài tập 6. Số liệu về chi phí tiện ích hàng tháng trong năm trước của một công ty sản xuất thực phẩm đóng hộp xuất khẩu như sau:

Tháng	Số lượng sản phẩm (hộp)	Chi phí điện nước (\$)
1	21.000	22.100
2	22.000	22.000
3	24.000	22.450
4	30.000	22.900
5	32.000	23.350
6	40.000	28.000
7	41.000	24.100
8	39.000	24.950
9	35.000	23.400
10	30.000	22.800
11	30.000	23.000
12	28.000	22.700

Yêu cầu:

- Sử dụng phương pháp “Điểm cao - Điểm thấp” để phân tích cách ứng xử chi phí điện nước của công ty. Viết phương trình biểu diễn chi phí điện nước hàng tháng của công ty.
- Sử dụng phương pháp “Hồi quy bình phương bé nhất” để phân tích cách ứng xử chi phí điện nước của công ty. Viết phương trình biểu diễn chi phí điện nước hàng tháng của công ty.
- Dự báo chi phí điện nước cho một tháng hoạt động với sản lượng sản xuất là 25.000 hộp (dựa theo kết quả câu b).

CHƯƠNG 4:

PHÂN TÍCH MỐI QUAN HỆ CHI PHÍ - SẢN LƯỢNG - LỢI NHUẬN

PHẦN I: TÓM TẮT LÝ THUYẾT

1. Phân tích hòa vốn

Phương trình CVP

Công thức CVP:	
(1) Phương trình CVP cơ bản:	$NPBT = (P-UVC)Q - FC$
(2) Phương trình CVP có ảnh hưởng của thuế TNDN:	$NPAT = [(P-UVC)Q - FC](1-t)$
(3) Sản lượng hòa vốn:	FC/UCM
(4) Doanh thu hòa vốn:	FC/CMR
(5) Sản lượng để đạt lợi nhuận mục tiêu trước thuế	$(FC+NPBT)/UCM$
(6) Doanh thu để đạt lợi nhuận mục tiêu trước thuế	$(FC+NPBT)/CMR$
(7) Sản lượng để đạt lợi nhuận mục tiêu sau thuế	$[FC+NPAT \div (1-t)]/UCM$
(8) Doanh thu để đạt lợi nhuận mục tiêu sau thuế	$[FC+NPAT \div (1-t)]/CMR$
Các chữ viết tắt:	
▪ P	= Giá bán đơn vị
▪ UVC	= Biến phí
▪ FC	= Định phí
▪ Q	= Sản lượng (quantity)
▪ UCM	= Số dư đảm phí đơn vị (=P-UVC)
▪ CMR	= Tỷ lệ số dư đảm phí (=UCM÷P)
▪ NPBT	= Lợi nhuận trước thuế
▪ t	= thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp
▪ NPAT	= Lợi nhuận sau thuế

(Nguồn: Hiệu đính từ Sollenberger & Schneider, 1996)

Các giả thiết

Trong phân tích CVP các giả thiết cơ bản sau đây phải được thỏa mãn:

1. Phạm vi hoạt động thích hợp (relevant range of activity): Phân tích CVP được giới hạn trong phạm vi hoạt động thích hợp của doanh nghiệp.
2. Cách ứng xử của các chi phí phải được xác định: Các biến phí và định phí có thể được xác định rõ ràng.

3. Doanh thu là một hàm tuyến tính: Giá bán sản phẩm hoặc dịch vụ không thay đổi khi sản lượng tiêu thụ thay đổi trong phạm vi hoạt động thích hợp của doanh nghiệp.
4. Chi phí là một hàm tuyến tính theo sản lượng: Biến phí đơn vị và tổng định phí không thay đổi khi sản lượng thay đổi trong phạm vi hoạt động thích hợp của doanh nghiệp.
5. Sự cân bằng giữa sản xuất và tiêu thụ: Sản lượng sản phẩm hoặc dịch vụ sản xuất và sản lượng tiêu thụ trong kỳ kế toán bằng nhau.
6. Cơ cấu hàng bán (sales mix) không thay đổi: Trong các doanh nghiệp kinh doanh đa sản phẩm, cơ cấu sản phẩm tiêu thụ không thay đổi.

Điểm hòa vốn (break-even point) là khối lượng hoạt động (đo lường bằng sản lượng hoặc doanh thu) tại đó tổng doanh thu và tổng chi phí của doanh nghiệp cân bằng nhau. Điểm hòa vốn cho biết sản lượng sản phẩm tiêu thụ hoặc mức doanh thu mà doanh nghiệp phải đạt được để trang trải đủ toàn bộ chi phí. Tại điểm hòa vốn, doanh nghiệp không lãi, cũng không lỗ hay nói một cách ngắn gọn là doanh nghiệp hòa vốn.

Tính toán điểm hòa vốn

Sản lượng hòa vốn và Doanh thu hòa vốn được ký hiệu lần lượt là: Q_{BEP} và TR_{BEP}

$$Q_{BEP} = \frac{FC}{P - UVC} = \frac{FC}{UCM}$$

$$TR_{BEP} = \frac{FC}{CMR}$$

Đồ thị hòa vốn

Các nhà quản lý thường sử dụng đồ thị biểu diễn mối quan hệ giữa chi phí, sản lượng và lợi nhuận (gọi tắt là đồ thị CVP) hay còn gọi là đồ thị hòa vốn để phân tích sự thay đổi của lợi nhuận theo mức hoạt động của doanh nghiệp. Cách vẽ đồ thị hòa vốn như sau:

- Hai trục của đồ thị: Trục hoành (ox) biểu thị cho sản lượng, trục tung (oy) biểu thị cho doanh thu và chi phí.
- Vẽ đường biểu diễn chi phí cố định: Đường thẳng song song với trục hoành và cắt trục tung tại điểm có tung độ bằng độ lớn của tổng chi phí cố định.
- Vẽ đường biểu diễn tổng chi phí: $TC = AVC \times Q + FC$ là đường thẳng có hệ số góc là AVC và cắt trục tung tại FC
- Vẽ đường biểu diễn doanh thu: $TR = P \times Q$ là đường thẳng đi qua gốc tọa độ và có hệ số góc là P

Đồ thị lợi nhuận

Một dạng đồ thị CVP khác mà các nhà quản lý có thể sử dụng để phân tích CVP đó là đồ thị lợi nhuận: $NP = UCM \times Q - FC$ đây là một đường thẳng cắt trục tung tại $-FC$ và có hệ số góc là UCM.

2. Phân tích lợi nhuận mục tiêu

$$\text{Sản lượng để đạt lợi nhuận mục tiêu trước thuế} = \frac{\text{Tổng chi phí cố định (FC) + Lợi nhuận mục tiêu trước thuế (NPBT)}}{\text{Số dư đảm phí đơn vị (UCM)}}$$

$$\text{Doanh thu để đạt lợi nhuận mục tiêu trước thuế} = \frac{\text{Tổng chi phí cố định (FC) + Lợi nhuận mục tiêu trước thuế (NPBT)}}{\text{Tỷ lệ số dư đảm phí (CMR)}}$$

$$\text{Sản lượng để đạt lợi nhuận mục tiêu sau thuế} = \frac{\text{Tổng chi phí cố định (FC) + } \frac{\text{Lợi nhuận mục tiêu sau thuế (NPAT)}}{(1-t)}}{\text{Số dư đảm phí đơn vị (UCM)}}$$

$$\text{Doanh thu để đạt lợi nhuận mục tiêu sau thuế} = \frac{\text{Tổng chi phí cố định (FC) + } \frac{\text{Lợi nhuận mục tiêu sau thuế (NPAT)}}{(1-t)}}{\text{Tỷ lệ số dư đảm phí (CMR)}}$$

3. Phân tích CVP trường hợp đa sản phẩm, dịch vụ

Khi doanh nghiệp bán nhiều loại sản phẩm khác nhau, tỷ lệ tương đối của mỗi loại sản phẩm trong tổng sản lượng tiêu thụ được gọi là cơ cấu hàng bán (sales mix).

Số dư đảm phí đơn vị bình quân có trọng số (WAUCM) được xác định bằng công thức sau đây:

$$\text{WAUCM} = t_1(P_1 - \text{UVC}_1) + t_2(P_2 - \text{UVC}_2) + \dots + t_N(P_N - \text{UVC}_N)$$

Trong đó, t_1, t_2, \dots, t_N là tỷ trọng của từng loại sản phẩm trong tổng sản lượng tiêu thụ, được tính bằng sản lượng của từng loại sản phẩm chia cho tổng số lượng sản phẩm.

Công thức trên có thể được viết lại một cách gọn hơn như sau:

$$\text{WAUCM} = \sum_{i=1}^N t_i(P_i - \text{UVC}_i)$$

Từ phương trình này, chúng ta tính toán được sản lượng hòa vốn của doanh nghiệp bằng công thức sau:

$$Q_{\text{BEP}} = \frac{\text{FC}}{\text{WAUCM}}$$

Để tính toán sản lượng của từng loại sản phẩm, chúng ta cũng dựa vào cơ cấu hàng bán đã xác định và tính toán theo công thức sau:

$$Q_i = Q_{\text{BEP}} \times t_i$$

4. Phân tích mối quan hệ giữa cấu trúc chi phí và lợi nhuận

Kết cấu chi phí

Kết cấu chi phí (cost structure) của một tổ chức là một chỉ tiêu tương đối phản ánh mối quan hệ tỷ lệ giữa các chi phí khả biến và chi phí bất biến trong một tổ chức, doanh nghiệp. Kết cấu chi phí giữa các doanh nghiệp, các ngành công nghiệp là khác nhau.

Đòn bẩy hoạt động

Đòn bẩy hoạt động (Operating Leverage) là khái niệm đề cập đến mức độ sử dụng chi phí cố định của một doanh nghiệp. Ở những doanh nghiệp có tỷ trọng định phí trong tổng chi phí lớn thì đòn bẩy hoạt động sẽ lớn, dẫn đến tỷ lệ số dư đảm phí của doanh nghiệp cao (tỷ lệ biến phí so với doanh thu thấp). Trường hợp này, các nhà quản lý có thể gia tăng lợi nhuận đáng kể với mức tăng trưởng doanh thu tương đối thấp.

$$\text{Hệ số đòn bẩy hoạt động} = \frac{\text{Số dư đảm phí}}{\text{Lợi nhuận trước thuế}}$$

Một cách tổng quát, mối quan hệ giữa hệ số đòn bẩy kinh doanh, sự biến động của doanh thu và sự biến động của lợi nhuận được thể hiện qua đẳng thức:

$$\% \text{ thay đổi lợi nhuận} = \% \text{ thay đổi doanh thu} \times \text{hệ số đòn bẩy kinh doanh}$$

Số dư an toàn

Số dư an toàn (safety margin) của một doanh nghiệp là chênh lệch giữa doanh thu thực tế hoặc doanh thu dự toán và doanh thu hòa vốn. Số dư an toàn cũng có thể được tính toán theo tỷ lệ phần trăm của doanh thu thực tế hoặc doanh thu dự toán. Số dư an toàn là một chỉ tiêu đo lường mức độ an toàn của doanh nghiệp trong hoạt động, nó chỉ ra mức doanh thu có thể giảm xuống mà doanh nghiệp không bị thua lỗ.

$$\text{Số dư an toàn} = \text{Doanh thu thực tế (hoặc dự toán)} - \text{Doanh thu hòa vốn}$$

$$\text{Tỷ lệ số dư an toàn} = \frac{\text{Số dư an toàn}}{\text{Doanh thu thực tế (hoặc dự toán)}}$$

PHẦN II: CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

Câu hỏi trắc nghiệm

- Doanh thu hòa vốn được tính bằng cách lấy tổng chi phí cố định chia cho tỷ lệ số dư đảm phí.
 - Đúng
 - Sai
- Số dư an toàn là chênh lệch giữa doanh thu thực tế và doanh thu dự toán.
 - Đúng
 - Sai
- Sản lượng hòa vốn được tính bằng cách lấy tổng chi phí cố định chia cho số dư đảm phí.
 - Đúng
 - Sai

4. Nếu giá bán sản phẩm tăng lên, sản lượng hòa vốn sẽ giảm xuống. (giả sử các yếu tố khác không thay đổi)

a. Đúng

b. Sai

5. Doanh thu hòa vốn được tính bằng cách lấy tổng chi phí cố định chia cho số dư đảm phí.

a. Đúng

b. Sai

6. Nếu chi phí biến đổi đơn vị tăng lên, sản lượng hoặc doanh thu hòa vốn sẽ giảm xuống. (giả sử các yếu tố khác không thay đổi)

a. Đúng

b. Sai

7. Tại điểm hòa vốn, tổng số dư đảm phí cân bằng với tổng chi phí cố định.

a. Đúng

b. Sai

8. Số liệu thu thập được tại Công ty A trong năm 20x5 như sau: Tỷ lệ số dư đảm phí (CMR) là 50% và Chi phí cố định (FC) là 1.000.000.000 đồng.

Sản lượng hòa vốn của Công ty A trong năm 20x5 là 2.000.000.000 đơn vị?

a. Đúng

b. Sai

9. Số liệu thu thập được tại Công ty X trong năm 20x6 như sau: Giá bán đơn vị (P) là 20.000 đồng/chiếc; Chi phí biến đổi đơn vị (UVC) là 10.000 đồng/chiếc; Chi phí cố định (FC) là 5.000.000.000 đồng.

Sản lượng hòa vốn Năm 20x6 của Công ty X là 500.000 chiếc.

a. Đúng

b. Sai

10. Để thực hiện việc phân tích mối quan hệ “chi phí – sản lượng – lợi nhuận” (gọi tắt là phân tích CVP), chi phí của một tổ chức được phân loại theo cách nào trong các cách phân loại sau?

A. Chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp

B. Chi phí kiểm soát được và chi phí không kiểm soát được

C. Chi phí sản xuất và chi phí ngoài sản xuất

D. Chi phí biến đổi và chi phí cố định

11. Công thức sau đây được sử dụng để tính toán chỉ tiêu nào?

Số dư đảm phí/Lợi nhuận hoạt động

- A. Hệ số đòn bẩy hoạt động
- B. Hệ số đòn bẩy tài chính
- C. Hệ số đòn bẩy kinh doanh
- D. Hệ số đòn cân nợ

12. Giả sử rằng, các chi phí cố định tăng lên 5%. Điều này sẽ ảnh hưởng như thế nào đến điểm hòa vốn?

- A. Doanh thu hòa vốn tăng 5%
- B. Doanh thu hòa vốn tăng 5%
- C. Sản lượng hòa vốn tăng 5%
- D. Sản lượng hòa vốn giảm 5%

13. Phân tích mối quan hệ “chi phí – sản lượng – lợi nhuận” (phân tích CVP) căn cứ trên các giả định sau đây, ngoại trừ:

- A. Hàm chi phí của công ty là tuyến tính trong phạm vi hoạt động phù hợp.
- B. Sản lượng tiêu thụ bằng với sản lượng sản xuất trong kỳ kế toán
- C. Cơ cấu hàng bán không thay đổi (Trường hợp công ty kinh doanh nhiều loại sản phẩm)
- D. Phân tích này chỉ áp dụng được cho trường hợp công ty kinh doanh một loại sản phẩm.

14. Điều nào sau đây sẽ làm tăng điểm hòa vốn của một công ty?

- A. Giảm chi phí cố định
- B. Tăng chi phí biến đổi đơn vị
- C. Tăng giá bán đơn vị
- D. Tăng số dư đảm phí đơn vị

15. Điều nào sau đây sẽ làm giảm điểm hòa vốn của một công ty?

- A. Tăng giá bán
- B. Tăng chi phí biến đổi đơn vị
- C. Tăng chi phí cố định
- D. Giảm số dư đảm phí đơn vị

Câu hỏi tự luận

1. Trình bày khái niệm và ý nghĩa của phân tích CVP.
2. Ý nghĩa của số dư đảm phí là gì?
3. Chỉ tiêu số dư đảm phí khác với chỉ tiêu lãi gộp như thế nào?
4. Giải thích một cách ngắn gọn các phương pháp xác định sản lượng hòa vốn: (a) Phương pháp số dư đảm phí; (b) Phương pháp phương trình và phương pháp đồ thị.

5. Trên đồ CVP, ngoài thông tin về điểm hòa vốn của doanh nghiệp, chúng ta có thể đọc thêm được những thông tin gì khác?
6. Đồ thị lợi nhuận được sử dụng để xác định sản lượng để công ty đạt được mức lợi nhuận mục tiêu như thế nào?
7. Thuật ngữ “số dư an toàn” có nghĩa là gì?
8. Giả sử rằng chi phí cố định của một doanh nghiệp lữ hành gia tăng, điểm hòa vốn của doanh nghiệp sẽ như thế nào? Tại sao?
9. Nếu một doanh nghiệp tìm cách cắt giảm được chi phí biến đổi, doanh thu hòa vốn của doanh nghiệp bị ảnh hưởng như thế nào?
10. Trong một cuộc họp bàn thảo về chiến lược, vị giám đốc của một công ty phát biểu rằng, “nếu chúng ta tăng giá bán sản phẩm, điểm hòa vốn của công ty sẽ giảm xuống”. Trưởng phòng tài chính - kế toán cho ý kiến rằng: “Như vậy, thì chúng ta nên tăng giá. Như vậy, Công ty sẽ khó bị lỗ”. Bạn có đồng ý với vị giám đốc không? Bạn có đồng ý với ý kiến của Trưởng phòng tài chính - kế toán không? Tại sao?
11. Điểm hòa vốn của công ty sẽ thay đổi thế nào nếu giá bán và chi phí biến đổi đơn vị tăng lên cùng một lượng?
12. Một viện bảo tàng chỉ thu vé vào cửa đủ để trang trải các chi phí hoạt động. (đây là một tổ chức phi lợi nhuận, mục tiêu của nó là hòa vốn). Một nhà hảo tâm muốn đóng góp 500 triệu đồng mỗi năm cho viện bảo tàng này. Khoản đóng góp này sẽ ảnh hưởng như thế nào đến điểm hòa vốn của viện bảo tàng?
13. Các nhà quản lý thích sử dụng báo cáo thu nhập theo số dư đảm phí hơn báo cáo thu nhập truyền thống. Tại sao vậy?
14. X là một công ty chuyên sản xuất đầu DVD bằng công nghệ hoàn toàn tự động. Y cũng là một công ty sản xuất đầu DVD nhưng bằng lắp ráp thủ công? Cấu trúc chi phí của hai công ty này khác nhau ở điểm nào? Công ty nào có hệ số đòn bẩy kinh doanh cao hơn? Lợi nhuận của công ty nào nhạy cảm hơn khi doanh thu biến động.
15. Kết cấu bán hàng là gì? Số dư đảm phí đơn vị bình quân có trọng số được tính như thế nào?
16. Ban Giám đốc Khách sạn Century - Huế có thể sử dụng phân tích CVP trong quyết định giá phòng như thế nào?
17. Phân tích CVP được sử dụng như thế nào trong việc lập dự toán? Trong quyết định về chi phí quảng cáo?
18. Hai công ty A và B có cùng chi phí cố định, chi phí biến đổi đơn vị, và lợi nhuận? Giá bán sản phẩm của Công ty A thấp hơn nhiều so với giá bán sản phẩm của Công ty B. Giải thích vì sao điều này có thể xảy ra?

Bài tập

Bài tập 1: UP, một cửa hàng phân phối pizza. Chi phí cố định hàng năm của cửa hàng là \$40.000. Giá bán mỗi chiếc pizza là \$10 và chi phí biến đổi để sản xuất và phân phối mỗi chiếc pizza là \$5.

Yêu cầu:

1. Xác định sản lượng hòa vốn của cửa hàng.
2. Tỷ lệ số dư đảm phí của cửa hàng là bao nhiêu?
3. Dựa vào tỷ lệ số dư đảm phí, tính doanh thu hòa vốn của cửa hàng.
4. Cửa hàng phải bán bao nhiêu pizza mỗi năm để đạt được mức lợi nhuận mục tiêu là \$50.000 (lợi nhuận trước thuế).

Bài tập 2: Một đoàn văn nghệ ở thành phố Hồ Chí Minh sẽ trình diễn một đêm ở Nhà văn hóa thành phố Huế. Rạp hát của Nhà văn hóa có 1.000 chỗ ngồi và giá vé của đêm diễn được bán với giá 50.000 đồng. Người quản lý đội văn nghệ ước tính chi phí cố định của đêm diễn là 30.000 đồng và chi phí biến đổi tính cho mỗi vé bán ra là 5.000 đồng.

Yêu cầu

1. Hãy vẽ đồ thị CVP. Trên đồ thị chỉ rõ điểm hòa vốn, vùng lãi, vùng lỗ, đường chi phí cố định, chi phí biến đổi, tổng chi phí và tổng doanh thu.
2. Sử dụng phương pháp phương trình, hãy tính toán xem bao nhiêu khán giả đến xem thì đội văn nghệ sẽ hòa vốn cho đêm diễn ấy.

Bài tập 3: ASC, một công ty chuyên sản xuất một hệ thống linh kiện được sử dụng trong các hệ thống radar của máy bay. Chi phí cố định hàng năm của công ty là \$4.000.000. Chi phí biến đổi tính cho một linh kiện là \$2.000 và linh kiện này sẽ được bán với giá \$3.000. Trong năm trước, công ty bán được 5.000 linh kiện này.

Yêu cầu

1. Xác định điểm hòa vốn của công ty.
2. Nếu chi phí cố định của công ty tăng 10% thì điểm hòa vốn của công ty sẽ thế nào?
3. Thu nhập trước thuế năm trước của công ty là bao nhiêu?
4. Người quản lý bán hàng tin rằng nếu giá bán giảm xuống còn \$2.500/linh kiện thì công ty sẽ bán thêm được 1.000 mỗi năm. Nếu giá bán thay đổi thì điểm hòa vốn của công ty sẽ thế nào?
5. Theo bạn, quyết định giảm giá có nên thực hiện không? Vì sao?

Bài tập 4: Hãy điền số liệu thích hợp vào các chỗ trống trong bảng sau đây (các tình huống là độc lập với nhau):

Tình huống	Sản lượng	Giá bán	Doanh thu	Biến phí	Số dư đảm phí đơn vị	Định phí	Lãi (Lỗ)
1	540	?	16.200	9.720	?	5.400	?
2	?	?	21.000	?	0,9	10.200	2.400

3	1.200	?	?	16.800	3,6	?	2.100
4	300	?	9.600	?	?	4.920	(720)

Bài tập 5: Công ty M chuyên sản xuất và kinh doanh xe đạp, với năng lực hiện tại là 1500 chiếc/tháng. Công ty sản xuất và cung cấp ba loại xe với chất lượng khác nhau:

	Loại xe		
	Loại I (chất lượng cao)	Loại II (chất lượng trung bình)	Loại III (chất lượng thấp)
Giá bán/chiếc (đồng)	1.000.000	700.000	500.000
Biến phí đơn vị (đồng)	600.000	400.000	300.000

Một phần hai số lượng xe của công ty là xe chất lượng thấp, một phần năm số lượng xe là loại xe chất lượng cao. Tổng định phí hàng tháng của Công ty M là 200 triệu đồng. Công ty M chịu mức thuế thu nhập doanh nghiệp 25%.

Yêu cầu

1. Tính số dư đảm phí đơn vị cho mỗi loại xe.
2. Cơ cấu bán hàng của công ty như thế nào?
3. Tính số dư đảm phí đơn vị bình quân có trọng số của công ty.
4. Tính tổng sản lượng và sản lượng tiêu thụ của từng loại sản phẩm để Công ty hòa vốn. Doanh thu hòa vốn của Công ty là bao nhiêu?
5. Để đạt được lợi nhuận sau thuế là 200 triệu đồng/tháng, Công ty M phải sản xuất và tiêu thụ bao nhiêu chiếc xe đạp mỗi tháng? Sản lượng của từng loại xe phải tiêu thụ là bao nhiêu? (Giả thiết rằng cơ cấu sản phẩm không đổi).
6. Giả sử rằng sản lượng tiêu thụ thực tế của công ty trong một tháng là 200, 400 và 600 chiếc tương ứng cho các loại xe chất lượng cao, trung bình và chất lượng thấp. Hãy lập báo cáo thu nhập của Công ty trong tháng đó.

Bài tập 6: SP, một nhà xuất bản sách tham khảo về khoa học tự nhiên. Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm trước của công ty được ghi nhận dưới đây. Tất cả sách được in trong năm trước đều được bán.

Doanh thu	\$2.000.000
Chi phí sản xuất:	
Chi phí cố định	500.000
Chi phí biến đổi	1.000.000
Chi phí bán hàng:	

Chi phí cố định	50.000
Chi phí biến đổi	100.000
Chi phí quản lý:	
Chi phí cố định	120.000
Chi phí biến đổi	30.000

Yêu cầu:

1. Hãy thiết lập báo cáo thu nhập của công ty theo mẫu báo cáo truyền thống.
2. Với doanh thu thực hiện được trong năm trước, hệ số đòn bẩy kinh doanh của công ty là bao nhiêu?
3. Giả sử rằng, doanh thu của công ty tăng 20%. Lợi nhuận ròng của công ty sẽ bị ảnh hưởng như thế nào?
4. Mẫu báo cáo thu nhập nào được nhà quản lý sử dụng để trả lời câu hỏi trên? Tại sao?

Bài tập 7: Báo cáo thu nhập theo số dư đảm phí của Khách sạn X như sau:

Doanh thu	\$500.000
Chi phí biến đổi	300.000
Số dư đảm phí	200.000
Chi phí cố định	150.000
Lợi nhuận	\$50.000

Yêu cầu:

1. Hãy cho biết cấu trúc chi phí của Khách sạn như thế nào?
2. Giả sử rằng, doanh thu của Khách sạn giảm 20%. Sử dụng tỷ lệ số dư đảm phí để tính toán sự thay đổi của lợi nhuận.
3. Hệ số đòn bẩy kinh doanh của khách sạn là bao nhiêu tại mức doanh thu là \$500.000. Sử dụng chỉ tiêu này để trả lời câu hỏi 2 ở trên.
4. Khi doanh thu tăng 10% thì lợi nhuận của Khách sạn thay đổi thế nào?
5. Hãy thiết lập lại báo cáo thu nhập cho Khách sạn trong trường hợp mức hoạt động của Khách sạn tăng 20% và chi phí cố định tăng 30%.

Bài tập 8: CEA, một công ty tư vấn, cung cấp các dịch vụ tư vấn thiết kế cho các nhà thầu xây dựng. Tỷ lệ số dư đảm phí của công ty là 20%, và chi phí cố định hàng năm là \$100.000. Thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty là 28%.

Yêu cầu:

1. Tính doanh thu hòa vốn của công ty.
2. Để đạt được mức lợi nhuận sau thuế \$50.000 thì công ty phải đạt được mức lợi nhuận trước thuế là bao nhiêu?

- Công ty phải đạt được doanh thu bao nhiêu để đạt được mức lợi nhuận sau thuế \$50.000?
- Giả sử rằng, thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty tăng lên thành 32%. Doanh thu hòa vốn của công ty bị ảnh hưởng thế nào?

Bài tập 9: Công ty PC sản xuất và tiêu thụ 60.000 sản phẩm trong năm 2005 với mức giá đơn vị là \$20. Chi phí sản xuất biến đổi đơn vị là \$8/sản phẩm, và chi phí biến đổi bán hàng và quản lý đơn vị là \$4/sản phẩm. Chi phí cố định sản xuất hàng năm là \$188.000, và chi phí cố định bán hàng và quản lý hàng năm là \$64.000.

Yêu cầu:

- Tính sản lượng hòa vốn của công ty.
- Công ty muốn đạt lợi nhuận mục tiêu là \$180.000 thì công ty phải sản xuất và tiêu thụ bao nhiêu sản phẩm?
- Chi phí sản xuất biến đổi của công ty dự kiến sẽ tăng 10% trong năm tới. Trong năm tới, doanh thu hòa vốn của công ty sẽ thế nào?
- Nếu chi phí sản xuất biến đổi của công ty thực sự tăng 10%, công ty sẽ bán sản phẩm với giá bao nhiêu để giữ nguyên tỷ lệ số dư đảm phí như năm trước.

Bài tập 10: DC là một cửa hàng bán lẻ đĩa phim (DVD). Với sản lượng đĩa bán ra dự kiến trong năm là 200.000 chiếc thì công ty đạt được mức lợi nhuận dự kiến là \$200.000. Công ty bán đĩa phim với giá \$16/đĩa. Chi phí biến đổi bao gồm giá mua đĩa mỗi chiếc \$10 và chi phí lưu kho và quản lý là \$2/đĩa. Tổng chi phí cố định hàng năm của công ty là \$600.000.

Ban giám đốc công ty đang lập kế hoạch cho năm tới, dự báo rằng, giá mua đĩa có thể tăng 30%.

Yêu cầu:

- Xác định điểm hòa vốn của công ty trong năm hiện hành.
- Lợi nhuận của công ty ở năm hiện tại sẽ thay đổi thế nào nếu số lượng đĩa bán ra tăng 10% so với dự kiến?
- Nếu giá bán đĩa trong năm tới vẫn giữ nguyên \$16/chiếc, công ty phải bán được bao nhiêu chiếc đĩa để vẫn đạt được lợi nhuận dự kiến cho năm hiện tại?
- Để trang trải được 30% gia tăng ở chi phí mua đĩa trong năm tới, đồng thời duy trì được tỷ lệ số dư đảm phí như năm hiện tại, giá bán đĩa trong năm tới của công ty phải là bao nhiêu?

Bài tập 11: Số liệu dự toán hàng năm của Công ty ABC như sau:

Doanh thu (tại 100.000 đơn vị)		\$1.000.000
Chi phí:	<i>Định phí</i>	<i>Biến phí</i>
Nguyên liệu trực tiếp	-	\$300.000
Lao động trực tiếp	-	200.000

Sản xuất chung	100.000	150.000	
Chi phí bán hàng và quản lý	110.000	50.000	
Tổng chi phí	210.000	700.000	910.000
Lợi nhuận hoạt động dự kiến			<u>\$90.000</u>

Yêu cầu:

1. Xác định sản lượng và doanh thu hòa vốn.
2. Nếu công ty ABC chịu mức thuế thu nhập doanh nghiệp 40%, công ty phải bán bao nhiêu sản phẩm để đạt được lợi nhuận sau thuế là \$90.000?
3. Nếu chi phí cố định của công ty tăng thêm \$31.500 mà không có sự thay đổi nào về doanh thu và chi phí khác, sản lượng hòa vốn của công ty sẽ là bao nhiêu?
4. Vẽ đồ thị CVP cho công ty.

Bài tập 12: Công ty XYZ sản xuất và tiêu thụ một loại sản phẩm. Giá bán sản phẩm là \$5/chiếc. Chi phí cố định dự kiến của công ty là \$60.000/tháng. Các chi phí biến đổi sản xuất và quản lý hành chính ước tính \$3/chiếc. Công ty có 2 nhân viên bán hàng, được trả lương theo hoa hồng bán hàng, với mức 10% trên doanh thu bán hàng mà họ thực hiện được.

Yêu cầu:

1. Giả sử rằng, ban giám đốc công ty thay đổi kế hoạch hiện tại bằng cách chi thêm \$5.000 cho quảng cáo và tăng giá bán lên thành \$6/chiếc. Nếu 60.000 chiếc được bán ra thì công ty đạt được lợi nhuận bao nhiêu?
2. Một khách hàng đàm phán với công ty về một đơn hàng đặt biệt, với số lượng mua là 10.000 chiếc. Đơn hàng này không phải được thực hiện bởi các nhân viên bán hàng, do vậy công ty không phải chi trả hoa hồng bán hàng. Công ty XYZ sẽ định giá bán cho đơn hàng này như thế nào nếu nó muốn kiếm thêm được \$20.000 từ việc thực hiện đơn hàng này.

Bài tập 13: Công ty M có một mạng lưới gồm 10 rạp chiếu phim, tọa lạc trên khắp thành phố. Hội đồng quản trị của công ty đang xem xét việc lắp đặt các máy rang bắp ở các rạp chiếu phim. Những chiếc máy này sẽ trực tiếp rang bắp bán mỗi ngày thay vì các rạp chiếu phim phải mua các bịch bắp rang sẵn về bán. Máy rang bắp có nhiều kích cỡ. Các thông tin về công suất và chi phí dự toán của từng loại máy như sau:

	Máy nhỏ	Máy vừa	Máy lớn
Công suất hàng năm (hộp)	50.000	120.000	300.000

Các khoản chi phí dự kiến (đồng):			
- Chi phí thuê máy/năm	8.000.000	11.000.000	20.000.000
- Chi phí bắp hạt/hộp	130	130	130
- Chi phí bao bì/hộp	80	80	80
- Chi phí khác/hộp	220	140	50

Yêu cầu:

Là nhân viên kế toán quản trị, bạn hãy cố vấn cho Hội đồng quản trị của Công ty M trong trường hợp nào thì nên chọn loại máy nhỏ/máy vừa/máy lớn để lắp đặt tại các rạp chiếu phim.

Bài tập 14: RRC, một công ty sản xuất các loại máy radio bỏ túi. Năm trước, công ty bán được 25.000 chiếc, với kết quả đạt được như sau:

Doanh thu	\$625.000
Chi phí biến đổi	375.000
Chi phí cố định	150.000
Lợi nhuận	<u>\$100.000</u>

Trong nỗ lực nhằm cải tiến chất lượng sản phẩm, công ty đang xem xét sẽ thay thế một linh kiện có giá \$2/linh kiện bằng một loại linh kiện mới tốt hơn có giá mua \$4.5/linh kiện trong năm tới. Đồng thời, công ty phải mua thêm một thiết bị sản xuất để gia tăng công suất của nhà máy. Thiết bị có giá \$18.000, có thời gian sử dụng hữu ích là 6 năm (giả sử giá trị thanh lý bằng 0), được khấu hao theo mô hình khấu hao đều.

Yêu cầu:

1. Sản lượng hòa vốn của RRC trong năm trước là bao nhiêu?
2. Để đạt được mức lợi nhuận trước thuế \$140.000 trong năm ngoài, công ty phải bán được bao nhiêu chiếc radio?
3. Nếu công ty thực hiện các thay đổi trên (thay thế linh kiện và mua thiết bị), nhưng vẫn giữ nguyên giá bán thì công ty phải bán được bao nhiêu sản phẩm để đạt được hòa vốn trong năm tới.
4. Nếu công ty thực hiện các thay đổi trên (thay thế linh kiện và mua thiết bị), nhưng vẫn giữ nguyên giá bán thì công ty phải bán được bao nhiêu sản phẩm để đạt được lợi nhuận như năm trước?
5. Nếu công ty muốn duy trì tỷ lệ số dư đảm phí như năm trước, công ty phải bán sản phẩm với giá bao nhiêu để bù đắp chi phí nguyên vật liệu gia tăng?

Chương 5: DỰ TOÁN

Phần I: TÓM TẮT LÝ THUYẾT

1. Định nghĩa dự toán

Một dự toán là một hình thức biểu hiện định lượng kế hoạch của một tổ chức, trình bày cách huy động và sử dụng các nguồn lực của tổ chức trong một thời kỳ nào đó ở tương lai (Hilton & Platt, 2015).

2. Mối quan hệ giữa lập kế hoạch và dự toán

	Người thực hiện	Mục đích	Kết quả
Kế hoạch chiến lược	Quản lý cao cấp	Thiết lập tầm nhìn, mục tiêu dài hạn, các chiến lược (kế hoạch dài hạn) và sự cam kết đối với mục tiêu	Báo cáo về sứ mạng, mục tiêu dài hạn, và các chiến lược, dài hạn (5 đến 10 năm)
Kế hoạch tác nghiệp	Quản lý cao cấp và quản lý trung gian	Thiết lập mục tiêu ngắn hạn và các kế hoạch tác nghiệp nhằm hướng đến đạt mục tiêu và kế hoạch chiến lược	Báo cáo về các mục tiêu ngắn hạn và các kế hoạch tác nghiệp, ngắn hạn (1 đến 18 tháng)
Dự toán	Quản lý cao cấp, quản lý trung gian và quản lý tác nghiệp	Chỉ ra cách thức huy động và sử dụng các nguồn lực để thực hiện kế hoạch, phục vụ cho việc kiểm soát và đánh giá hiệu quả	Các báo cáo dự toán - các báo cáo trình bày các chỉ tiêu định lượng (số lượng, giá trị) về kế hoạch

3. Vai trò của dự toán

- Thúc đẩy việc lập kế hoạch
- Thúc đẩy việc phối hợp và hợp tác
- Trợ giúp cho việc phân bổ nguồn lực
- Kiểm soát
- Đánh giá hiệu quả công việc

4. Các loại dự toán và kỳ dự toán

Dự toán tổng thể (master budget), hay còn gọi là một kế hoạch lợi nhuận (profit plan), là một hệ thống dự toán liên quan đến tất cả các mặt hoạt động của một tổ chức cho một thời kỳ trong tương lai.

Dự toán vốn (capital budget) là kế hoạch mua sắm các tài sản vốn (capital assets) như máy móc thiết bị và nhà xưởng. Dự toán vốn sẽ được thảo luận ở những phần sau của cuốn sách này.

Dự toán báo cáo tài chính trình bày dự kiến về tình hình tài chính của tổ chức tại một thời điểm cụ thể trong tương lai nếu các hoạt động diễn ra theo đúng kế hoạch. Các báo cáo tài chính dự toán bao gồm một bảng cân đối kế toán dự toán, một báo cáo kết quả kinh doanh dự toán và một báo cáo dòng tiền dự toán.

Các doanh nghiệp sử dụng ngày càng nhiều các dự toán cuốn chiếu. Dự toán cuốn chiếu (rolling budgets) được cập nhật liên tục một cách định kỳ bằng việc thêm vào một thời kỳ mới, chẳng hạn như một tháng và loại bỏ thời kỳ dự toán đã được thực hiện. Quá trình dự toán được cập nhật liên tục theo cách như vậy nên doanh nghiệp luôn có được một kế hoạch hoạt động cho 12 tháng tới. Dự toán cuốn chiếu còn được gọi bằng một thuật ngữ khác là dự toán liên tục.

5. Các giai đoạn của quy trình dự toán

Quy trình dự toán (budgeting process) là quá trình mà tổ chức sử dụng để xây dựng, thực hiện và kiểm soát dự toán. Quy trình dự toán bao gồm 3 giai đoạn: (i) Giai đoạn lập kế hoạch; (ii) Giai đoạn thực hiện dự toán và (iii) Giai đoạn kiểm soát.

6. Phương pháp lập dự toán

Có hai phương pháp cơ bản được sử dụng để xây dựng dự toán: phương pháp dự toán trên xuống (dự toán áp đặt) và dự toán dưới lên (dự toán có sự tham gia).

Một dự toán tham gia (participatory budget) là một dự toán được xây dựng thông qua một quá trình ra quyết định với sự tham gia của cả các nhà quản lý cấp cao và các nhân sự tác nghiệp. Mức độ tham gia của các nhà quản lý tác nghiệp cấp thấp trong quá trình xây dựng dự toán phụ thuộc vào hai yếu tố: sự nhận thức của các nhà quản lý cấp cao về những lợi ích của sự tham gia và sự tin tưởng của họ về các lợi ích đó.

7. Các bộ phận cấu thành và trình tự lập

Một dự toán tổng thể gồm có dự toán tiêu thụ (sales budgets), các dự toán hoạt động (operational budgets) và dự toán các báo cáo tài chính (budgeted financial statements).

Dự toán tiêu thụ

Việc soạn thảo một dự toán tổng thể được bắt đầu bằng dự toán tiêu thụ sản phẩm hoặc dịch vụ, căn cứ vào dự báo về mức tiêu thụ sản phẩm hoặc dịch vụ.

Dự toán tiêu thụ trình bày hai loại thông tin chủ yếu là số lượng và doanh thu tiêu thụ dự kiến cho sản phẩm hoặc dịch vụ của doanh nghiệp. Bộ phận bán hàng và thị trường trong một doanh nghiệp sẽ chịu trách nhiệm chính trong việc soạn thảo dự toán tiêu thụ. Nhà quản lý của bộ phận sẽ thảo luận với các nhân viên của bộ phận để đưa ra số liệu dự báo về mức tiêu thụ sản phẩm hoặc dịch vụ. Tất nhiên, số liệu dự báo này sẽ được các nhà quản lý cấp cao của doanh nghiệp xem xét lại và đề xuất các điều chỉnh trước khi chấp thuận.

Dự toán hoạt động

Dựa vào dự toán tiêu thụ, doanh nghiệp sẽ xây dựng các dự toán hoạt động chi rõ cách hoạt động của doanh nghiệp để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ sản phẩm, hoặc dịch vụ. Trình tự lập các dự toán hoạt động như sau:

- Căn cứ trên dự toán tiêu thụ, dự toán sản xuất được thiết lập, chỉ rõ số lượng sản phẩm cần phải sản xuất để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ và tồn kho cuối kỳ. Từ dự toán sản xuất, các dự toán nguyên vật liệu, dự toán lao động trực tiếp và dự toán chi phí sản xuất chung sẽ được thiết lập.

- Dự toán chi phí bán hàng và dự toán chi phí quản lý được soạn thảo căn cứ trên dự toán tiêu thụ. Một điểm cần lưu ý là các dự toán này cũng có tác động ngược trở lại đối với dự toán tiêu thụ.

- Dự toán vốn bằng tiền (cash budget) trình bày các khoản tiền thu được dự kiến (từ tiêu thụ sản phẩm hoặc dịch vụ và các hoạt động khác của doanh nghiệp) và các khoản chi tiền dự kiến cho các hoạt động của doanh nghiệp.

Dự toán báo cáo tài chính

Các dự toán báo cáo tài chính bao gồm báo cáo thu nhập dự toán, bảng cân đối kế toán dự toán, và báo cáo lưu dòng tiền tệ dự toán. Những dự toán này trình bày các kết quả tài chính dự kiến của các hoạt động của doanh nghiệp cho kỳ dự toán. Các báo cáo tài chính dự toán được thiết lập bằng cách tổng hợp các thông tin (bằng tiền) từ dự toán tiêu thụ và các dự toán hoạt động.

PHẦN II: CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

Câu hỏi trắc nghiệm

1. Một trong những lợi ích lớn nhất của dự toán là nó buộc các nhà quản lý phải lập kế hoạch.
 - a. Đúng
 - b. Sai
2. Dự toán tài chính là một phần của dự toán tổng thể (master budget), bao gồm dự toán vốn, dự toán tiền mặt, dự toán hoạt động, và dự toán các báo cáo tài chính.
 - a. Đúng
 - b. Sai
3. Trong dự toán tổng thể, các dự toán hoạt động được thiết lập sau khi dự toán tiêu thụ được hoàn thành.
 - a. Đúng
 - b. Sai
4. Khối lượng sản phẩm sản xuất dự toán được xác định bằng cách lấy khối lượng sản phẩm tiêu thụ dự toán cộng với khối lượng sản phẩm tồn kho đầu kỳ dự toán rồi trừ cho khối lượng sản phẩm tồn kho cuối kỳ dự toán.

a. Đúng

b. Sai

5. Dự toán là một trong những công cụ được sử dụng bởi các nhà quản lý trong việc điều hành, kiểm soát, và đánh giá hiệu quả trong các tổ chức.

a. Đúng

b. Sai

6. Một dự toán là một hình thức biểu hiện định lượng kế hoạch của một tổ chức, trình bày cách huy động và sử dụng các nguồn lực của tổ chức trong một thời kỳ nào đó ở tương lai.

a. Đúng

b. Sai

7. Dự toán là một phương tiện trợ giúp cho việc phân bổ các nguồn lực hữu hạn cho các bộ phận trong tổ chức.

a. Đúng

b. Sai

8. Dự toán tổng thể, hay còn được gọi là kế hoạch lợi nhuận, là kết quả của quá trình dự toán. Nó phản ánh một cách toàn diện các kế hoạch hoạt động và tài chính của nhà quản lý cho một thời kỳ cụ thể trong tương lai.

a. Đúng

b. Sai

9. Một dự toán tổng thể gồm có dự toán tiêu thụ, các dự toán hoạt động, và dự toán các báo cáo tài chính.

a. Đúng

b. Sai

10. Dự toán là một công cụ để các nhà quản lý căn cứ vào đó để lập các kế hoạch hoạt động.

a. Đúng

b. Sai

11. Một dự toán được điều chỉnh theo kết quả đầu ra thực tế vào cuối kỳ báo cáo được gọi là:

A. Dự toán điều chỉnh

B. Dự toán linh hoạt

C. Dự toán tĩnh

D. Dự toán cân bằng

12. Loại dự toán không thay đổi cho dù có những thay đổi về hoạt động hoặc sự thay đổi về tài chính được gọi là:

A. Dự toán cân bằng

B. Dự toán không thay đổi

C. Dự toán linh hoạt

D. Dự toán tĩnh

13. Quy trình soạn thảo dự toán tổng thể thường kết thúc bằng việc soạn thảo dự toán:

A. Dự toán tiền mặt

B. Dự toán chi phí bán hàng

C. Dự toán báo cáo tài chính

D. Dự toán chi phí nghiên cứu và phát triển

14. Dự toán nào sau đây được thiết lập không căn cứ vào dự toán sản xuất?

A. Dự toán nguyên vật liệu trực tiếp

B. Dự toán nhân công trực tiếp

C. Dự toán sản xuất chung

D. Dự toán vốn

15. Trong một doanh nghiệp sản xuất, một dự toán sản xuất, bao gồm cả dự toán nguyên vật liệu, dự toán nhân công và dự toán sản xuất chung là một phần của:

A. Dự toán tiêu thụ

B. Dự toán tài chính

C. Dự toán hoạt động

D. Dự toán chi phí

Câu hỏi tự luận

1. Hãy giải thích vì sao dự toán sẽ thúc đẩy việc liên kết và hợp tác giữa các bộ phận, đơn vị trong một tổ chức.

2. Cho một ví dụ minh họa làm thế nào một dự toán có thể được sử dụng để phân bổ nguồn lực trong một trường đại học.

3. Dự toán chủ đạo là gì? Hãy liệt kê các thành phần của dự toán chủ đạo và trình bày trình tự lập dự toán này.

4. Hãy vẽ sơ đồ trình bày hệ thống dự toán chủ đạo trong một doanh nghiệp thương mại?

5. Hãy giải thích vì sao những xu hướng chung của nền kinh tế có thể ảnh hưởng đến việc dự báo nhu cầu trong ngành công nghiệp hàng không?

6. Các dự toán hoạt động (“operational budgets” là gì? Hãy liệt kê các dự toán hoạt động được thiết lập bởi một công ty sản xuất bia (ví dụ Công ty bia Huda - Huế).

7. Hãy trình bày vai trò của giám đốc dự toán?

8. Mục đích của cuốn cẩm nang dự toán (budget manual) là gì?

9. Phương pháp quản trị theo mục tiêu (management by objectives) có thể được sử dụng như thế nào bởi một trường Đại học. Hãy cho ví dụ minh họa.
10. Giải thích tại sao việc huy động mọi người trong tổ chức vào quá trình lập dự toán là một công cụ quản lý hiệu quả?
11. Hãy cho biết bạn lập kế hoạch (dự toán) để đáp ứng các chi phí cho việc học tập của bạn ở trường đại học như thế nào?
12. Một vị giám đốc một doanh nghiệp tư nhân cho rằng: “Lập dự toán mất nhiều thời gian. Tôi đã điều hành doanh nghiệp trong nhiều năm mà chẳng cần lập dự toán”. Bạn hãy thảo luận câu phát biểu của vị giám đốc này.

Bài tập

Bài tập 1: Công ty XYZ dự kiến sẽ bán được 200.000 sản phẩm trong tháng 7 năm 2006. Ban giám đốc hy vọng rằng, tốc độ tăng trưởng doanh thu là 5% mỗi tháng. Nhu cầu tồn kho thành phẩm cuối mỗi tháng bằng 80% số lượng sản phẩm dự kiến sẽ tiêu thụ trong tháng tới. Số lượng sản phẩm tồn kho ngày 30/6/2006 là 150.000 đơn vị. Mỗi sản phẩm sản xuất cần 4kg nguyên vật liệu với giá mua dự kiến là 12.000 đồng/kg. Có 800.000kg nguyên vật liệu tồn kho vào ngày 30/6/2006.

Yêu cầu

1. Lập dự toán sản xuất của công ty XYZ cho thời kỳ ba tháng 7, 8, và 9 năm 2006.
2. Giả sử rằng, công ty lập kế hoạch sản xuất 600.000 sản phẩm trong quý 3 năm 2006. Nhu cầu tồn kho nguyên vật liệu cuối quý 3 bằng 25% tổng lượng nguyên vật liệu sử dụng trong quý. Hãy tính chi phí mua nguyên vật liệu ước tính trong quý. (câu hỏi này là độc lập với câu 1).

Bài tập 2: Công ty N ghi nhận số liệu quá khứ về việc thu tiền bán hàng cho những giao dịch bán hàng trả chậm như sau:

70% doanh thu trong tháng sẽ thu được tiền trong tháng ấy.

15% doanh thu trong tháng sẽ thu được tiền trong tháng tiếp theo.

10% doanh thu trong tháng sẽ thu được tiền trong tháng thứ hai sau tháng bán hàng.

5% doanh thu trong tháng sẽ thu được tiền trong tháng thứ ba sau tháng bán hàng.

Doanh thu dự toán cho 6 tháng tới năm 2006 như sau:

Tháng 7	600.000.000
Tháng 8	700.000.000
Tháng 9	800.000.000
Tháng 10	1.000.000.000
Tháng 11	1.200.000.000
Tháng 12	900.000.000

Yêu cầu:

1. Tính tổng số tiền ước tính sẽ thu được trong tháng 10 năm 2006.
2. Tính tổng số tiền ước tính sẽ thu được trong quý 4 từ việc bán hàng trong quý.

Bài tập 3: Công ty P lập dự toán cho thời kỳ một năm. Dự toán mức tồn kho đầu kỳ và cuối kỳ (chiếc) cho năm 2006 như sau:

	01/01/2006	31/12/2006
Nguyên vật liệu trực tiếp	40.000	50.000
Sản phẩm dở dang	10.000	10.000
Thành phẩm	80.000	50.000

Yêu cầu:

1. Nếu công ty P dự kiến sẽ bán được 480.000 đơn vị sản phẩm trong năm, hãy tính số lượng sản phẩm công ty phải sản xuất trong năm.
2. Nếu 500.000 sản phẩm được sản xuất trong năm, hãy tính số lượng nguyên vật liệu trực tiếp công ty mua vào trong năm. Biết rằng, 2 đơn vị nguyên vật liệu sẽ được dùng để sản xuất 1 đơn vị sản phẩm.

Bài tập 4: Dự kiến về tình hình tiêu thụ sản phẩm của Công ty H các tháng trong quý 1, năm 2006 như sau:

Tháng 1:	1.100 sản phẩm
Tháng 2:	1.200 sản phẩm
Tháng 3:	1.900 sản phẩm

Yêu cầu:

1. Hãy lập dự toán tiêu thụ sản phẩm của Công ty trong quý 1 (theo từng tháng và tổng cộng cả quý). Biết rằng, giá bán sản phẩm dự kiến là $P = 100.000\text{đ/sản phẩm}$.
2. Lập dự toán sản xuất cho Công ty trong quý 1 (theo từng tháng và tổng cộng cả quý). Biết rằng, tình hình tồn kho thành phẩm dự kiến của công ty như sau:

Ngày 01/01/2006:	850 sản phẩm
Ngày 31/01/2006:	750 sản phẩm
Ngày 28/02/2006:	800 sản phẩm
Ngày 31/03/2006:	200 sản phẩm

3. Lập các dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, dự toán chi phí lao động trực tiếp và dự toán chi phí sản xuất chung cho Công ty trong quý 1 (theo từng tháng và tổng cộng cả quý). Biết rằng, định mức chi phí sản xuất như sau:

- Nguyên liệu trực tiếp: 2 kg/sản phẩm, với mức giá 5.000đ/kg.
- Lao động trực tiếp: 3 giờ/sản phẩm, với mức giá 5.000đ/giờ
- Sản xuất chung phân bổ:
 - + Khả biến: 1.500đ/1 giờ lao động trực tiếp.

+ Bất biến: 15.500.000đ/tháng.

Bài tập 5: ABC, một công ty sản xuất bàn ghế cho học sinh. Kế toán trưởng của công ty đang lập dự toán cho quý 1 năm 2006. Nhà quản lý bán hàng dự báo về tiêu thụ sản phẩm của công ty như sau:

Tháng 1	10.000 bộ bàn ghế
Tháng 2	12.000 bộ bàn ghế
Tháng 3	15.000 bộ bàn ghế

Mỗi bộ bàn ghế cần 10 tấm gỗ có kích thước 30cmx30cm để sản xuất và 1.5 giờ lao động trực tiếp. Giá bán của mỗi bộ bàn ghế là \$50. Mỗi tấm gỗ dùng để đóng bàn ghế có giá mua là \$0.5. Nhu cầu tồn kho nguyên liệu (tấm gỗ) mỗi tháng phải đáp ứng được 10% yêu cầu sản xuất trong tháng tới. Đơn giá tiền lương lao động trực tiếp (bao gồm cả phụ cấp) là \$20/1 giờ lao động. Nhu cầu tồn kho thành phẩm cuối mỗi tháng phải đáp ứng 20% số lượng sản phẩm tiêu thụ trong tháng tới.

Yêu cầu: Hãy điền vào những chỗ còn trống trong các bảng dự toán sau đây:

1. Dự toán doanh thu

Chỉ tiêu	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3
Số lượng tiêu thụ dự kiến (bộ)	10.000		
Giá bán/bộ	\$50		
Doanh thu dự kiến	\$500.000		

2. Dự toán sản xuất

Chỉ tiêu	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3
Số lượng tiêu thụ dự kiến (bộ)	10.000		
Cộng: Nhu cầu tồn kho cuối kỳ	2.400		3.000
Tổng nhu cầu	12.400		
Trừ: Tồn kho đầu kỳ	2.000		
Số lượng sản xuất dự kiến (bộ)	10.400		

3. Dự toán nguyên vật liệu trực tiếp

Chỉ tiêu	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3
Số lượng sản xuất dự kiến (bộ)	10.400		
Định mức lượng nguyên liệu (tấm gỗ/1 bộ)	10		
Tổng nguyên liệu cần cho sản xuất (tấm gỗ)	104.000		
Cộng: Nhu cầu tồn kho cuối kỳ (tấm gỗ)	12.600		16.000

Tổng nhu cầu nguyên liệu (tám gỗ)	116.600		
Trừ: Tồn kho nguyên liệu đầu kỳ (tám gỗ)	10.400		
Số lượng nguyên liệu cần mua vào (tám gỗ)	106.200		
Giá mua ước tính/1 tám gỗ	\$0.5		
Chi phí mua nguyên liệu ước tính	\$53.100		

4. Dự toán lao động trực tiếp

Chỉ tiêu	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3
Số lượng sản xuất dự kiến (bộ)	10.400		
Số giờ lao động trực tiếp để sản xuất 1 bộ	1.5		
Tổng nhu cầu thời gian lao động (giờ)	15.600		
Đơn giá tiền lương/1 giờ lao động trực tiếp	\$20		
Dự toán chi phí lao động trực tiếp	\$312.000		

Bài tập 6: Các số liệu ghi nhận được tại Công ty thương mại MC trong năm 2005 như sau:

	Mua hàng	Bán hàng	(ĐVT: Đồng)
Tháng 1	420.000.000	720.000.000	
Tháng 2	480.000.000	660.000.000	
Tháng 3	360.000.000	600.000.000	
Tháng 4	540.000.000	780.000.000	

70% doanh thu bán hàng sẽ thu được tiền trong tháng, 20% sẽ thu được trong tháng tiếp theo, 9% sẽ thu được trong sau hai tháng bán hàng, và số còn lại là nợ khó đòi. Tiền mua hàng tháng trước sẽ được chi trả trong tháng sau. Nếu công ty chi trả tiền mua hàng tháng trước cho người bán trước ngày 10 của tháng sau thì người bán sẽ cho công ty hưởng mức chiết khấu 2% trên tổng trị giá hàng mua vào. Công ty MC dự kiến sẽ thanh toán toàn bộ tiền mua hàng trong tháng 4 cho người trước ngày 10 tháng 5 để được hưởng mức chiết khấu 2% này. Trong tháng 5, công ty dự kiến mua hàng hóa có trị giá 600.000.000 đồng, và doanh thu dự kiến trong tháng 5 là 660.000.000 đồng. Tiền mặt chi ra cho các chi phí kinh doanh (không kể tiền chi trả cho người cung ứng hàng hoá) là 144.000.000 đồng. Số dư vốn bằng tiền của công ty vào đầu tháng 5 là 220.000.000 đồng.

Yêu cầu:

1. Kế hoạch thu tiền trong tháng 5 của công ty như thế nào?
2. Kế hoạch chi tiền trong tháng 5 của công ty như thế nào?

3. Số dư vốn bằng tiền của công ty vào ngày 31 tháng 5 năm 2005 là bao nhiêu?
(Nguồn: Dịch thuật và hiệu chỉnh từ Hilton, 1991).

Tr
ng
i h C Kinh t Hu

Chương 6: KIỂM SOÁT CHI PHÍ BẰNG CHI PHÍ TIÊU CHUẨN

PHẦN I: TÓM TẮT LÝ THUYẾT

1. Hệ thống chi phí chuẩn

Hệ thống kiểm soát chi phí có ba thành phần: chi phí chuẩn, chi phí thực tế và chênh lệch giữa chi phí thực tế và chi phí chuẩn.

Trước tiên, một mức chi phí chuẩn được thiết lập. Thực chất, chi phí chuẩn là chi phí dự toán để sản xuất một đơn vị sản phẩm. Nó là mức chi phí được nhân viên kế toán quản trị sử dụng làm chuẩn mực trong hệ thống kiểm soát chi phí. Khi doanh nghiệp sản xuất nhiều sản phẩm, nhân viên kế toán quản trị sử dụng chi phí chuẩn đơn vị để xác định tổng chi phí chuẩn hay còn gọi là dự toán chi phí.

Tiếp theo, nhân viên kế toán quản trị sẽ đo lường chi phí thực tế phát sinh trong hoạt động sản xuất. Sau đó, chi phí thực tế được đem so sánh với chi phí chuẩn (đã thiết lập trước). Chênh lệch giữa chi phí thực tế và chi phí chuẩn, gọi là biến động chi phí (cost variance), được các nhà quản lý sử dụng để kiểm soát chi phí.

2. Phương pháp xây dựng chi phí chuẩn

Xây dựng chuẩn cho chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Chuẩn về lượng

Việc xác định những loại nguyên vật liệu nào cần sử dụng liên quan đến các tiêu chuẩn kỹ thuật và thiết kế sản phẩm. Có rất nhiều lựa chọn và sự đánh đổi giữa lợi ích - chi phí khác nhau liên quan đến quyết định về chất lượng, vì vậy các nhà quản lý nên tham vấn các chuyên gia về nguyên liệu, các kỹ sư, các kế toán viên kế toán quản trị, nhân viên mua hàng và nhân viên thị trường để quyết định sự lựa chọn nào là thích hợp nhất. Thông thường, chất lượng của nguyên vật liệu tăng thì chi phí gia tăng theo. Nói chung, các quyết định liên quan đến thành phần các nguyên vật liệu và chất lượng của nguyên vật liệu sẽ cố gắng cân bằng được mối quan hệ qua lại giữa chi phí sản xuất, chất lượng và giá bán của sản phẩm.

Với chất lượng của từng loại nguyên vật liệu đã được quyết định, các ước tính về mức tiêu hao (chuẩn về lượng) của từng loại nguyên vật liệu sẽ được thực hiện. Các ước tính này có thể căn cứ vào tiêu chuẩn kỹ thuật, thiết kế sản phẩm, ý kiến của những người sử dụng nguyên vật liệu, kết quả của các thử nghiệm kỹ thuật, và/hoặc các số liệu quá khứ. Ngoài các yếu tố này, mức hao hụt nguyên vật liệu chấp nhận được trong quá trình sản xuất cần được tính đến khi ước tính mức tiêu hao nguyên vật liệu.

Chuẩn về giá

Bộ phận mua hàng thường chịu trách nhiệm chính trong việc ước tính mức giá chuẩn cho các loại nguyên vật liệu. Các thành phần chi phí cấu thành nên mức giá chuẩn của nguyên vật liệu là một vấn đề thuộc chính sách quản lý. Mặc dù giá mua (dự kiến chi trả) là căn cứ chủ yếu để thiết lập mức giá chuẩn, các yếu tố khác cần phải được xem xét

như chi phí bảo hiểm nguyên vật liệu trong quá trình vận chuyển, chi phí vận chuyển, chiết khấu thương mại và tiền mặt, chi phí nhận và kiểm tra nguyên vật liệu.

Khi tất cả thông tin về lượng chuẩn và giá chuẩn được xác định, chi phí chuẩn của mỗi thành phần nguyên vật liệu được xác định bằng lấy lượng chuẩn của thành phần nguyên vật liệu đó nhân với mức giá chuẩn tương ứng. Chi phí nguyên vật liệu chuẩn của một đơn vị sản phẩm được xác định bằng tổng chi phí chuẩn của tất cả các thành phần nguyên vật liệu cần thiết để sản xuất sản phẩm.

Xây dựng chuẩn cho chi phí lao động trực tiếp

Chuẩn thời gian

Có hai vấn đề cần giải đáp khi xây dựng chuẩn về thời gian: (1) Những hoạt động/công việc nào cần phải thực hiện để sản xuất sản phẩm? và (2) Mỗi hoạt động/công việc cần bao nhiêu thời gian để hoàn thành?

Chuẩn về giá

Đơn giá chuẩn của lao động trực tiếp bao gồm tiền lương và các khoản phụ cấp tính cho một giờ lao động. Để được chính xác và giúp cho việc kiểm soát tốt hơn, đơn giá lao động chuẩn cần thiết lập theo từng loại lao động với các kỹ năng và kinh nghiệm khác nhau.

Xây dựng chuẩn cho chi phí sản xuất chung

Đối với chi phí sản xuất chung, giá chuẩn chính là đơn giá sản xuất chung chuẩn và lượng chuẩn được phản ánh thông qua đại lượng đo lường mức hoạt động (được gọi là tiêu thức phân bổ sản xuất chung). Giá chuẩn và lượng chuẩn của chi phí sản xuất chung có mối quan hệ mật thiết, được phản ánh trong dự toán chi phí sản xuất chung. Trong việc thiết lập đơn giá sản xuất chung chuẩn, có những vấn đề sau đây cần được xem xét.

Thứ nhất, cần phải xác định những khoản mục chi phí được tính trong chi phí sản xuất chung? Thông thường, những khoản mục chi phí như các loại nguyên vật liệu gián tiếp và nhiên liệu, tiền lương lao động gián tiếp và các khoản phụ cấp, chi phí bảo trì và sửa chữa, khấu hao thiết bị sản xuất và nhà xưởng, thuế tài sản và chi phí bảo hiểm, chi phí năng lượng là những chi phí được tính vào chi phí sản xuất chung.

Vấn đề thứ hai cần xem xét là việc lựa chọn đại lượng đo lường mức hoạt động. Đại lượng đo lường mức hoạt động là một nhân tố phản ánh mức hoạt động và có mối quan hệ chặt chẽ với chi phí sản xuất chung phát sinh, nghĩa là nhân tố đó phải phản ánh được một cách tốt nhất sự thay đổi của chi phí hay nói một cách khác nó là căn cứ điều khiển sự phát sinh của chi phí.

Vấn đề thứ ba cần xem xét là cách ứng xử của chi phí. Cách ứng xử của từng khoản mục trong chi phí sản xuất chung đóng vai trò quan trọng, vì cách mà các nhà quản lý lập dự toán và kiểm soát các biến phí khác với cách lập dự toán và kiểm soát các định phí.

Vấn đề thứ tư có liên quan đến đại lượng đo lường mức hoạt động và đơn giá phân bổ sản xuất chung là khái niệm khả năng hoạt động hoặc mức hoạt động dự kiến cho kỳ dự toán.

Vấn đề thứ năm cần xem xét là việc tính toán các đơn giá phân bổ sản xuất chung được thực hiện theo cấp độ nào: từng công việc, từng thiết bị sản xuất, từng công đoạn sản xuất, từng bộ phận, hay chung cho cả nhà máy.

3. Phân tích biến động chi phí

Biến động chi phí là chênh lệch giữa chi phí thực tế phát sinh trong kỳ kế toán và chi phí chuẩn được tính tại mức hoạt động thực tế. Phân tích biến động chi phí là quá trình xác định biến động chi phí, xác định nguyên nhân dẫn đến các biến động và đề xuất các biện pháp thích hợp để điều chỉnh.

Biến động giá: Xảy ra do sự khác biệt giữa mức giá thực tế và mức giá chuẩn của các yếu tố đầu vào. Nó phản ánh sự khác biệt giữa chi phí thực tế phải trả cho số lượng yếu tố đầu vào (như tổng số lượng nguyên vật liệu hoặc tổng số giờ lao động) sử dụng trong kỳ và chi phí chuẩn (chi phí dự toán) cho số lượng yếu tố đầu vào đó:

$$\text{Biến động giá} = \text{AQ}(\text{AP} - \text{SP})$$

Biến động lượng: Xảy ra do sự khác biệt về số lượng các yếu tố đầu vào thực tế và số lượng các yếu tố đầu vào chuẩn cho phép, được tính bằng chênh lệch giữa chi phí dự toán theo số lượng yếu tố đầu vào thực tế và chi phí chuẩn tính theo số lượng yếu tố đầu vào cho phép để sản xuất kết quả đầu ra thực tế:

$$\text{Biến động lượng} = \text{SP}(\text{AQ} - \text{SQ})$$

Nếu các biến động mang giá trị dương (khi giá thực tế hoặc lượng thực tế lớn hơn lượng chuẩn hoặc giá chuẩn), biến động được gọi là không thuận lợi hoặc không ưa thích (unfavorable). Ngược lại, biến động (âm) được gọi là thuận lợi hoặc ưa thích (favorable). Biến động thuận lợi hay không thuận lợi không đồng nghĩa với biến động là tốt hay xấu. Biến động là tốt hay xấu còn tùy thuộc vào nguyên nhân vì sao nó xảy ra. Đây là một nhiệm vụ của các nhà quản lý trong việc kiểm soát chi phí.

Tính toán biến động chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

$$\text{TMV} = \text{AQ} \times \text{AP} - \text{SQ} \times \text{SP}$$

TMV là tổng biến động chi phí nguyên vật liệu trực tiếp;

AQ là lượng nguyên vật liệu thực tế sử dụng;

AP là giá mua nguyên vật liệu thực tế;

SQ là lượng nguyên vật liệu chuẩn cho phép tại sản lượng thực tế;

SP là giá mua nguyên vật liệu chuẩn.

Tính toán biến động chi phí lao động trực tiếp

$$\text{TLV} = \text{AH} \times \text{AR} - \text{SH} \times \text{SR}$$

AH là số giờ lao động trực tiếp thực tế sử dụng;

AR là đơn giá lao động trực tiếp thực tế;

SH là số giờ lao động trực tiếp chuẩn cho phép tại sản lượng thực tế;

SR là đơn giá lao động trực tiếp chuẩn.

Tính toán biến động của chi phí sản xuất chung biến đổi

Trong hệ thống chi phí chuẩn, tổng biến động của chi phí sản xuất chung biến đổi (Variable Overhead Variance-VOHV) là chênh lệch giữa tổng chi phí sản xuất chung biến đổi thực tế và chi phí sản xuất chung biến đổi phân bổ theo đơn giá ước tính trước:

$$VOHV = AH \times AVOHR - SH \times SVOHR$$

AH là số giờ (lao động/máy) thực tế;

AVOHR là đơn giá sản xuất chung biến đổi thực tế;

SH là số giờ (lao động/máy) tiêu chuẩn cho phép tại sản lượng thực tế;

SVOHR là đơn giá sản xuất chung biến đổi chuẩn/ước tính.

Biến động chi tiêu chi phí sản xuất chung biến đổi

$$VOHSV = AH(AVOHR - SVOHR)$$

Biến động hiệu suất chi phí sản xuất chung biến đổi

$$VOHEV = SVOHR(AH - SH)$$

Tính toán biến động của chi phí sản xuất chung cố định

Đơn giá sản xuất chung cố định chuẩn

$$SFOHR = \frac{\text{Chi phí sản xuất chung cố định dự toán}}{\text{Số giờ máy hoạt động dự toán}}$$

Mức chi phí sản xuất chung cố định phân bổ cho sản phẩm và dịch vụ trong kỳ:

$$ApFOH = SFOHR \times SH$$

Tổng biến động chi phí sản xuất chung cố định (Fixed Overhead Variance-FOHV) là sự khác biệt giữa tổng chi phí sản xuất chung cố định thực tế phát sinh (Actual Fixed Overhead-AFOV) và tổng chi phí sản xuất chung cố định phân bổ (Applied Fixed Overhead-ApFOH). Sự khác biệt này chính là lượng chi phí sản xuất chung cố định phân bổ thừa hoặc phân bổ thiếu.

$$FOHV = AFOH - ApFOH$$

Biến động chi tiêu: Biến động này phát sinh do mức chi trả thực tế cho các chi phí sản xuất chung cố định cao hoặc thấp hơn mức dự kiến, do vậy nó phản ánh khả năng kiểm soát chi phí sản xuất chung cố định trong kỳ là tốt hay không tốt.

$$FOHSV = AFOH - BFOH$$

Biến động khối lượng: Biến động này xảy ra là do sự khác biệt giữa mức hoạt động dự toán (mức hoạt động được sử dụng để tính toán đơn giá chuẩn) và mức hoạt động thực tế. Vì vậy, biến động này không phản ánh khả năng kiểm soát chi phí là tốt hay không tốt.

$$FOHVV = BFOH - ApFOH$$

4. Kiểm soát chi phí

Xác định tính nghiêm trọng của các biến động

Các nhà quản lý không có nhiều thời gian để điều tra nguyên nhân của tất cả các biến động. Phương pháp quản lý theo ngoại lệ (management by exception) sẽ giúp nhà quản lý tập trung thời gian và nỗ lực vào việc kiểm soát các biến động nghiêm trọng.

Độ lớn của biến động

Tần suất xuất hiện biến động

Xu hướng của biến động

Khả năng kiểm soát được biến động

Các biến động thuận lợi

Lợi ích và chi phí của việc kiểm soát

Sử dụng công cụ thống kê để xác định biến động cần điều tra

Một biểu đồ kiểm soát thống kê biểu diễn biến động chi phí theo thời gian và so sánh những biến động này với một giới hạn kiểm soát (control limits) được xác định bằng phương pháp thống kê. Nhà quản lý giả thiết rằng, biến động chi phí tuân theo một phân phối xác suất chuẩn, với số trung bình là $\mu = 0$ và độ lệch chuẩn là σ . Giới hạn kiểm soát được chọn có thể là " $\mu \pm \sigma$ " hoặc " $\mu \pm 2\sigma$ " hoặc " $\mu \pm 3\sigma$ ". Khi một biến động vượt qua giá trị này, biến động đó cần được kiểm soát.

Nguyên nhân của các biến động chi phí

Nguyên nhân của biến động nguyên vật liệu

Biến động giá nguyên vật liệu có thể một hoặc nhiều nguyên nhân sau đây:

- Sự biến động giá cả của thị trường.
- Được hưởng chiết khấu thương mại do mua hàng với khối lượng lớn.
- Sự đàm phán tốt về giá mua đối với các nhà cung ứng.
- Sự thay đổi trong chất lượng của nguyên vật liệu mua vào.
- Sự thiếu trách nhiệm của bộ phận cung ứng.

Biến động lượng có thể do các nguyên nhân:

- Mức độ giám sát sản xuất, hoạt động kiểm tra chất lượng nhiều hay ít.
- Máy móc thiết bị thường xuyên hỏng hoặc vận hành kém.
- Chất lượng nguyên vật liệu cao hoặc thấp hơn mức dự kiến.
- Công nhân cầu thả, thiếu trách nhiệm trong quá trình làm việc.
- Công nhân thiếu kinh nghiệm trong công việc.

Nguyên nhân của biến động lao động trực tiếp

Biến động đơn giá lao động có thể xảy ra do các nguyên nhân:

- Sự gia tăng của đơn giá tiền lương do sự thay đổi chính sách trả lương hoặc vấn đề đàm phán về mức lương.

- Sự bố trí đội ngũ lao động trực tiếp không hợp lý trong công việc; chẳng hạn sử dụng công nhân có kỹ năng cao để làm một công việc đơn giản.

Biến động hiệu suất lao động do:

- Mức độ giám sát sản xuất và hoạt động kiểm tra chất lượng nhiều hay ít.
- Máy móc thiết bị thường xuyên hỏng hoặc vận hành kém.
- Công nhân ít cố gắng trong quá trình làm việc.
- Công nhân thiếu kinh nghiệm trong công việc.
- Chất lượng nguyên vật liệu cao hay thấp hơn mức dự kiến.

Nguyên nhân của biến động chi phí sản xuất chung

Các biến động của chi phí sản xuất chung phát sinh có thể do các nguyên nhân:

- Sự thay đổi giá không kiểm soát được do nguyên nhân khách quan từ nền kinh tế.
- Máy móc thiết bị sản xuất bị hỏng hóc thường xuyên hoặc vận hành kém.
- Sự quản lý kém các chi phí.
- Các nhà quản lý cải thiện được việc kiểm soát chi phí.

PHẦN II: CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

Câu hỏi trắc nghiệm

1. Mục đích chính của hệ thống chi phí chuẩn là giúp kiểm soát chi phí thông qua phương pháp quản lý bằng ngoại lệ.

a. Đúng

b. Sai

2. Hệ thống chi phí tiêu chuẩn có thể giúp việc ghi chép trong kế toán trở nên phức tạp và tốn kém hơn so với hệ thống chi phí thực tế.

a. Đúng

b. Sai

3. Việc so sánh giữa chi phí thực tế và chi phí chuẩn là một cơ sở quan trọng để đánh giá hiệu quả công việc của các nhà quản lý và đưa ra những giải pháp để cải thiện hoạt động.

a. Đúng

b. Sai

4. Biến động chi phí là chênh lệch giữa chi phí dự toán và chi phí thực tế (Biến động chi phí = Chi phí dự toán – Chi phí thực tế)

a. Đúng

b. Sai

5. Để đảm bảo tính chính xác, các chi phí chuẩn chỉ nên được thiết lập bởi các nhà quản lý cấp cao trong tổ chức.

a. Đúng

b. Sai

6. Câu phát biểu nào sau đây đúng nhất?

- A. Một biến động thuận lợi luôn có lợi cho tổ chức.
- B. Các nhà quản lý cố gắng duy trì các biến động không thuận lợi
- C. Các biến động thuận lợi không được ưa thích bởi các nhà quản lý
- D. Một biến động thuận lợi không phải luôn có lợi đối với tổ chức

7. Tất cả những thông tin sau đây được sử dụng để soạn thảo một dự toán chi phí linh hoạt, ngoại trừ:

- A. Chi phí biến đổi dự toán tính cho một đơn vị sản lượng đầu ra
- B. Chi phí cố định dự toán
- C. Sản lượng đầu ra thực tế
- D. Dự báo nhu cầu tiêu thụ

8. Biến động so với dự toán linh hoạt cho biết:

- A. Các chi phí là bao nhiêu tại mức sản lượng thực tế đầu ra.
- B. Chênh lệch giữa chi phí thực tế tại mức sản lượng dự toán và chi phí dự toán
- C. Chênh lệch giữa chi phí thực tế tại mức sản lượng thực tế và chi phí dự toán tại sản lượng dự toán.
- D. Chênh lệch giữa chi phí thực tế tại mức sản lượng thực tế và chi phí dự toán tại sản lượng thực tế.

9. Chi phí chuẩn các yếu tố đầu vào được tính cho một đơn vị sản phẩm hoàn thành được xác định bằng cách:

- A. Lấy giá chuẩn của một đơn vị đầu vào nhân với số lượng đơn vị đầu vào cần để sản xuất một đơn vị sản phẩm.
- B. Lấy giá chuẩn của một đơn vị đầu vào nhân với số lượng đơn vị sản phẩm.
- C. Lấy giá chuẩn của một đơn vị đầu ra nhân với số lượng đơn vị đầu vào cần để sản xuất một đơn vị sản phẩm.
- D. Lấy giá chuẩn của một đơn vị đầu ra nhân với số lượng đơn vị sản phẩm.

10. Việc phân tách tổng biến động chi phí thành hai thành phần (chẳng hạn như biến động giá và biến động lượng) quan trọng đối với:

- A. Biến động giá nhiều hơn biến động lượng
- B. Biến động giá nhiều hơn biến động hiệu suất
- C. Biến động hiệu suất nhiều hơn biến động giá
- D. Biến động dự toán nhiều hơn biến động khối lượng

11. Các biến động sẽ được điều tra nguyên nhân ngoại trừ khi:

- A. Lợi ích đem lại lớn hơn chi phí cho việc kiểm soát chi phí.
 - B. Chi phí phát sinh phải được cắt giảm.
 - C. Chi phí của việc điều tra nguyên nhân lớn hơn các lợi ích đem lại.
 - D. Các biến động có khả năng kiểm soát được.
13. Biến động giá nguyên vật liệu (NVL) được tính toán như sau:
- A. Lấy chênh lệch giữa giá mua NVL thực tế và giá mua dự toán nhân cho lượng NVL thực tế sử dụng.
 - B. Lấy chênh lệch giữa giá mua NVL thực tế và giá mua dự toán nhân cho lượng NVL dự toán.
 - C. Lấy giá mua thực tế NVL nhân cho chênh lệch lượng NVL thực tế sử dụng và lượng NVL dự toán.
 - D. Lấy giá mua NVL dự toán nhân cho chênh lệch lượng NVL thực tế sử dụng và lượng NVL dự toán.
14. Biến động nào sau đây KHÔNG bằng với: Giá dự toán của yếu tố đầu vào nhân cho chênh lệch giữa tổng lượng thực tế của yếu tố đầu vào và lượng dự toán của yếu tố đầu vào tính theo mức sản lượng đầu ra?
- A. Biến động hiệu suất
 - B. Biến động giá
 - C. Biến động lượng
 - D. Biến động mức sử dụng
15. Nếu một công ty ước tính dự toán chi phí sản xuất chung quá thấp, nhưng lại dự toán mức hoạt động (thể hiện qua độ lớn của tiêu thức phân bổ) quá cao, điều gì sẽ xảy ra?
- A. Chi phí sản xuất chung sẽ được phân bổ thừa
 - B. Chi phí sản xuất chung sẽ được phân bổ thiếu
 - C. Trị giá hàng tồn kho sẽ được đánh giá cao lên
 - D. Không thể xác định được từ thông tin đã cho

Câu hỏi tự luận

1. Hãy liệt kê ba thành phần của một hệ thống kiểm soát chi phí. Giải thích cơ chế hoạt động của hệ thống này.
2. Trình bày hai phương pháp xây dựng chi phí tiêu chuẩn (định mức chi phí).
3. Phân biệt định mức lý tưởng và định mức thực tế. Theo bạn, loại định mức nào có tác dụng tốt trong việc thúc đẩy người lao động là việc tốt?
4. Định mức giá và định mức lượng nguyên vật liệu trực tiếp được xây dựng như thế nào?

5. Biến động giá nguyên vật liệu được diễn giải như thế nào? Nhà quản lý nào đóng vai trò chính trong việc kiểm soát biến động này?

6. Nguyên nhân biến động lượng nguyên vật liệu trực tiếp là gì? Nhà quản lý nào đóng vai trò chính trong việc kiểm soát biến động này?

7. Định mức giá và định mức lượng thời gian lao động trực tiếp được xác định như thế nào?

8. Biến động giá lao động trực tiếp là gì? Liệt kê một số nguyên nhân gây ra biến động giá lao động trực tiếp? Nhà quản lý nào đóng vai trò chính trong việc phân tích nguyên nhân và kiểm soát biến động này?

9. Biến động hiệu suất lao động trực tiếp là gì? Các nguyên nhân gây ra biến động này là gì? Nhà quản lý nào đóng vai trò chính trong việc phân tích nguyên nhân và kiểm soát biến động này?

10. Hãy phân biệt dự toán tĩnh và dự toán linh hoạt. Lợi ích của dự toán linh hoạt là gì?

11. Sử dụng biểu đồ tài khoản chữ T để trình bày phương pháp phân bổ chi phí sản xuất chung vào giá thành sản phẩm trong một hệ thống chi phí tiêu chuẩn.

12. Sự thay đổi công nghệ ảnh hưởng như thế nào đến việc phân bổ chi phí sản xuất chung?

13. Khi soạn thảo chi phí sản xuất chung linh hoạt, nhân viên kế toán quản trị phải lựa chọn một đại lượng đo lường mức hoạt động phù hợp? Hãy cho biết, những nhân tố nào ảnh hưởng đến việc lựa chọn đại lượng đo lường mức hoạt động?

14. Giải thích biến động giá chi phí sản xuất chung biến đổi.

15. Giải thích biến động hiệu suất chi phí sản xuất chung biến đổi. Biến động này khác với biến động hiệu suất lao động trực tiếp ở chỗ nào?

16. Biến động dự toán sản xuất chung cố định là gì? Nguyên nhân của biến động này là gì?

17. Biến động hiệu suất (khối lượng) chi phí sản xuất chung cố định được diễn giải như thế nào?

18. Giữa biến động dự toán và biến động hiệu suất sản xuất chung cố định, biến động nào có ý nghĩa trong việc kiểm soát chi phí sản xuất chung cố định?

19. Liệt kê năm nhân tố mà nhà quản lý thường xem xét khi xác định các biến động cần được xác định nguyên nhân và kiểm soát.

20. Biểu đồ kiểm soát (control chart) được sử dụng trong việc kiểm soát biến động chi phí như thế nào? (Nguồn: Dịch thuật và hiệu chỉnh từ Hilton, 1991).

Bài tập

Bài tập 1: Công ty TNHH C chuyên sản xuất pho mát. Trong tháng 1 năm 2002, công ty lập dự toán sẽ sản xuất 60.000 bánh pho mát, với lượng nguyên liệu dự toán tiêu

hao là 15.000kg. Giá mua ước tính mỗi kg nguyên liệu là 50.000 đồng. Số liệu chi phí thực tế được ghi nhận trong tháng 1 năm 2002 như sau:

Số lượng bánh phở mát sản xuất: 60.800 bánh phở mát.

Lượng nguyên liệu sử dụng: 16.000kg.

Giá mua nguyên liệu: 48.000 đồng/kg.

Yêu cầu: Tính biến động giá và biến động lượng nguyên vật liệu trực tiếp trong tháng 1 năm 2002. (Nguồn: *Hiệu chỉnh từ Horgren et al., 1999*).

Bài tập 2: Công ty H thiết lập định mức chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và lao động trực tiếp cho một đơn vị sản phẩm của công ty như sau:

Nguyên vật liệu trực tiếp

Lao động trực tiếp

Lượng: 2kg/sản phẩm.

Lượng: 3 giờ/sản phẩm.

Giá: 7.000 đồng/kg.

Đơn giá: 18.000 đồng/giờ.

Lượng nguyên vật liệu mua vào trong tháng là 5.000 kg, với giá mua 7.300 đồng/kg. Chi phí thực tế phát sinh trong tháng để sản xuất 2.000 đơn vị sản phẩm được ghi nhận như sau:

Nguyên liệu trực tiếp: 4.200kg.

Lao động trực tiếp: 6.450 giờ và chi phí lao động trực tiếp là 30.660.000 đồng.

Yêu cầu:

1. Tính biến động giá và biến động lượng nguyên vật liệu trực tiếp. Những biến động này là thuận lợi hay không thuận lợi.
2. Tính biến động giá và biến động hiệu suất lao động trực tiếp. Những biến động này là thuận lợi hay không thuận lợi.
3. Dựa vào các số liệu trên, hãy vẽ đồ thị biểu diễn biến động chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và biến động chi phí lao động trực tiếp. (Nguồn: *Hiệu chỉnh từ Hilton, 1991*).

Bài tập 3: Công ty ABC sản xuất lon đựng nước giải khát. Chi phí tiêu chuẩn để sản xuất một thùng lon (gồm 144 lon) được nhân viên kế toán quản trị, nhà quản lý sản xuất, và các kỹ sư phụ trách công nghệ thiết lập như sau:

Nguyên vật liệu trực tiếp

Lao động trực tiếp

Lượng: 4kg.

Lượng: 0.25 giờ.

Giá: 800 đồng/kg.

Đơn giá: 16.000 đồng/giờ.

Lượng nguyên vật liệu trực tiếp mua và là 240.000kg, với giá mua 810 đồng/kg. Chi phí thực tế phát sinh để sản xuất 50.000 thùng lon được ghi nhận như sau:

Nguyên liệu trực tiếp: Lượng sử dụng là 210.000kg.

Lao động trực tiếp: 13.000 giờ và chi phí lao động trực tiếp là 210.600.000 đồng.

Yêu cầu:

1. Sử dụng công thức tính toán biến động để xác định biến động giá và biến động lượng nguyên vật liệu. Những biến động này là thuận lợi hay không thuận lợi.
2. Tính biến động giá và biến động hiệu suất lao động trực tiếp. Những biến động này là thuận lợi hay không thuận lợi.

Bài tập 4: Số liệu về chi phí dự toán và chi phí thực tế được thu thập từ Công ty điện tử ABC trong tháng 5 năm 2005 như sau:

Số liệu dự toán:

Đơn giá sản xuất chung biến đổi ước tính	7.000 đồng/giờ lao động
Số giờ lao động tiêu chuẩn	2 giờ/1 sản phẩm
Chi phí sản xuất chung cố định dự toán	100.000.000 đồng
Sản lượng dự toán	25.000 sản phẩm

Số liệu thực tế:

Chi phí sản xuất chung biến đổi thực tế	320.000.000 đồng
Số giờ lao động thực tế	50.000 giờ
Chi phí sản xuất chung cố định thực tế	98.000.000 đồng
Sản lượng thực tế	20.000 sản phẩm

Yêu cầu: Sử dụng công thức để tính toán các biến động sau đây và cho biết mỗi biến động tính toán được là thuận lợi hay không thuận lợi? Nguyên nhân có thể của từng biến động là gì?

1. Biến động giá sản xuất chung biến đổi.
2. Biến động hiệu suất sản xuất chung biến đổi.
3. Biến động dự toán sản xuất chung cố định.
4. Biến động hiệu suất (Biến động khối lượng) sản xuất chung cố định.

Bài tập 5: Công ty L, một nhà sản xuất quần áo mặc để câu cá. Chi phí để sản xuất mỗi bộ quần áo được xác định bằng tổng của 3 khoản mục chi phí biến đổi (nguyên vật liệu trực tiếp, lao động trực tiếp và sản xuất chung biến đổi) và khoản mục chi phí sản xuất chung cố định. Chi phí sản xuất chung biến đổi được phân bổ vào giá thành sản phẩm dựa trên số giờ lao động trực tiếp ước tính. Trong tháng 6 năm 2002, công ty ước tính rằng mỗi bộ quần áo cần 4 giờ lao động để sản xuất và hoàn thành và đơn giá sản xuất chung biến đổi ước tính là \$12/giờ lao động. Số lượng bộ quần áo dự toán sản xuất trong tháng là 1.040 bộ.

Chi phí sản xuất chung biến đổi thực tế phát sinh trong tháng 6 năm 2002 là \$52.164 với số lượng sản phẩm sản xuất thực tế là 1.080 bộ. Số giờ lao động trực tiếp thực tế sử dụng là 4.536 giờ.

Yêu cầu: Tính biến động giá và biến động hiệu suất chi phí sản xuất chung biến đổi. Những nguyên nhân có thể của từng biến động này là gì?

Bài tập 6: (tiếp theo bài 5) Công ty L phân bổ chi phí sản xuất chung cố định vào giá thành sản phẩm căn cứ trên số giờ lao động trực tiếp ước tính. Số liệu về chi phí sản xuất chung trong tháng 6 năm 2002 của công ty như sau:

Chi phí sản xuất chung cố định dự toán: \$62.400

Chi phí sản xuất chung cố định thực tế phát sinh: \$63.916

Yêu cầu: Tính biến động dự toán và biến động hiệu suất (biến động khối lượng) của chi phí sản xuất chung cố định. Những nguyên nhân có thể của từng biến động này là gì? (Nguồn: Horgren et al., 1999).

Bài tập 7: Nhân viên kế toán quản trị của công ty XYZ sử dụng biểu đồ kiểm tra để giúp ban giám đốc công ty xác định khi nào/biến động nào cần kiểm soát. Giá trị tới hạn (critical value) được chọn là $\pm\sigma$ (σ là độ lệch chuẩn của biến động). Biến động hiệu suất lao động được ghi nhận trong 6 tháng trong năm 200x như sau:

Tháng 1	2.500.000	(thuận lợi)
Tháng 2	8.000.000	(không thuận lợi)
Tháng 3	7.000.000	(không thuận lợi)
Tháng 4	9.000.000	(không thuận lợi)
Tháng 5	10.500.000	(không thuận lợi)
Tháng 6	12.000.000	(không thuận lợi)

Chi phí lao động tiêu chuẩn mỗi tháng được thiết lập là 200.000.000 đồng. Nhân viên kế toán quản trị ước tính rằng, biến động hiệu suất lao động trực tiếp hàng tháng của công ty có độ lệch chuẩn $\sigma = 9.500.000$ đồng.

Yêu cầu:

- Hãy vẽ một biểu đồ kiểm soát thống kê và biểu diễn các biến động trên lên biểu đồ này. Chỉ ra biến động nào cần được kiểm soát.
- Giả sử rằng, nhà quản lý sử dụng một nguyên tắc để kiểm soát biến động như sau: Tất cả biến động nào bằng hoặc vượt quá 6% chi phí tiêu chuẩn sẽ được phân tích và kiểm soát. Bạn hãy cho biết, biến động trong những tháng nào sẽ được điều tra và kiểm soát?
- Ngoài những biến động được xác định bằng các phương pháp/nguyên tắc sử dụng ở mục (1) và (2) cần được điều tra, theo bạn có biến động nào khác cần được điều tra và kiểm soát không? Vì sao?

Chương 7: KẾ TOÁN TRÁCH NHIỆM

1. Khái niệm kế toán trách nhiệm

Kế toán trách nhiệm (responsibility accounting) là một hệ thống báo cáo thông tin về kết quả và hiệu quả hoạt động của các cá nhân và các đơn vị trực thuộc trong một tổ chức, thông qua đó thúc đẩy nỗ lực của mọi người và các bộ phận trong tổ chức hướng đến các mục tiêu chung của tổ chức.

Hệ thống kế toán trách nhiệm tạo ra các báo cáo trách nhiệm (responsibility reports) hay còn gọi là các báo cáo kết quả hoạt động (performance reports) để trợ giúp cho mỗi cấp quản lý cao hơn đánh giá hiệu quả các nhà quản lý trực thuộc, cũng như các bộ phận thuộc thẩm quyền quản lý của họ. Các báo cáo hiệu quả phản ánh doanh thu và/hoặc chi phí, và/hoặc vốn đầu tư thuộc quyền kiểm soát của từng nhà quản lý của các bộ phận trực thuộc.

2. Sự phân cấp quản lý

Sự phân cấp xảy ra khi các nhà quản lý của các đơn vị/bộ phận trực thuộc trong tổ chức được giao một số quyền tự do trong việc ra quyết định. Sự phân cấp quản lý không có nghĩa là một nhà quản lý bộ phận có thẩm quyền đưa ra tất cả quyết định liên quan đến hoạt động của bộ phận. Các nhà quản lý cấp cao sẽ xác định một cách có chọn lọc những loại quyết định nào được phân bổ xuống cho các quản lý cấp dưới và những loại quyết định nào thì giữ lại.

3. Các trung tâm trách nhiệm trong một tổ chức

Hệ thống kế toán trách nhiệm được xây dựng trên cơ sở xác định trách nhiệm của mỗi đơn vị, bộ phận trong tổ chức. Mỗi đơn vị hoặc bộ phận của tổ chức có một nhà quản lý được giao quyền ra quyết định và chịu trách nhiệm về những kết quả tài chính cụ thể của đơn vị hoặc bộ phận. Một đơn vị hoặc bộ phận như vậy gọi là một trung tâm trách nhiệm (responsibility center).

Trung tâm chi phí

Một Trung tâm chi phí (cost center) là một bộ phận trực thuộc của tổ chức, mà nhà quản lý của bộ phận chỉ có quyền ra quyết định và chịu trách nhiệm sự phát sinh các chi phí của bộ phận. Nhà quản lý của một trung tâm chi phí sẽ được đánh giá dựa trên khả năng kiểm soát chi phí của bộ phận.

Trung tâm doanh thu

Một trung tâm doanh thu (a revenue center) là một bộ phận trực thuộc trong tổ chức, trong đó nhà quản lý chỉ chịu trách nhiệm về việc tạo ra doanh thu và không có thẩm quyền kiểm soát việc thiết lập giá bán hoặc chi phí. Nhà quản lý của một trung tâm doanh thu được đánh giá căn cứ trên khả năng tạo ra doanh thu của bộ phận.

Trung tâm lợi nhuận

Trong các trung tâm lợi nhuận (profit center), các nhà quản lý chịu trách nhiệm về việc tạo ra doanh thu, đồng thời chịu trách nhiệm về tất cả các chi phí của bộ phận.

Trung tâm đầu tư

Một trung tâm đầu tư (investment center) là một bộ phận trực thuộc của tổ chức trong đó nhà quản lý của bộ phận chịu trách nhiệm về việc hoạch định và kiểm soát chi phí; tạo ra doanh thu; mua sắm, sử dụng và thanh lý các tài sản của bộ phận. Nói một cách khác, nhà quản lý của một trung tâm đầu tư chịu trách nhiệm về việc tạo ra lợi nhuận và có thẩm quyền quyết định và vốn đầu tư của bộ phận.

4. Báo cáo kết quả của trung tâm trách nhiệm

Một báo cáo kết quả phản ánh những kết quả tài chính chủ yếu của từng trung tâm trách nhiệm trong tổ chức dựa trên thẩm quyền ra quyết định và trách nhiệm của nhà quản lý về chi phí hoặc/và doanh thu, hoặc/và vốn đầu tư của trung tâm trách nhiệm mà họ quản lý. Như vậy, báo cáo kết quả có thể bao gồm hai dạng: (1) Báo cáo kết quả được thiết lập riêng cho nhà quản lý và cho bộ phận, trong đó báo cáo kết quả của nhà quản lý chỉ liệt kê các chi phí kiểm soát được của nhà quản lý, và báo cáo kết quả của bộ phận thì trình bày tất cả các chi phí của bộ phận; (2) Dạng báo cáo kết quả trình bày tất cả các chi phí của bộ phận, trong đó tách biệt rõ các chi phí kiểm soát được và chi phí không kiểm soát được bởi nhà quản lý của bộ phận.

Có các loại báo cáo kết quả tương ứng với các loại trung tâm trách nhiệm như sau:

- Đối với trung tâm chi phí : Báo cáo tình hình thực hiện chi phí
- Đối với trung tâm doanh thu : Báo cáo tình hình thực hiện doanh thu
- Đối với trung tâm lợi nhuận : Báo cáo thu nhập theo số dư đảm phí
- Đối với trung tâm đầu tư : Báo cáo thu nhập theo số dư đảm phí

5. Đo lường hiệu quả của trung tâm đầu tư

Tỷ suất sinh lời của vốn đầu tư – ROI

$$\begin{array}{l}
 \text{ROI} = \frac{\text{Lợi nhuận hoạt động}}{\text{Vốn đầu tư}} \\
 \text{ROI} = \frac{\text{Lợi nhuận hoạt động}}{\text{Doanh thu}} \times \frac{\text{Doanh thu}}{\text{Vốn đầu tư}} \\
 \text{ROI} = \text{Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu} \times \text{Sức sản xuất của vốn đầu tư}
 \end{array}$$

Tỷ số giữa lợi nhuận và doanh thu được gọi là lãi trên doanh thu (sales margin). Chỉ tiêu này cho biết khi thực hiện được 1 đồng doanh thu thì doanh nghiệp đạt được bao nhiêu phần trăm lợi nhuận trong một đồng doanh thu.

Tỷ số giữa doanh thu và vốn đầu tư được gọi là sức sản xuất của vốn (capital turnover). Chỉ tiêu này cho biết bao nhiêu đồng doanh thu có thể tạo ra từ một đồng vốn đầu tư.

Biện pháp cải thiện ROI

- Tăng doanh số.
- Cắt giảm chi phí.
- Giảm vốn đầu tư.

Các hạn chế của ROI

- ROI có khuynh hướng chú trọng đến sự thực hiện ngắn hạn hơn là quá trình sinh lợi dài hạn.
- ROI không phù hợp với các mô hình vận động của dòng tiền sử dụng trong phân tích vốn đầu tư
- ROI có thể không hoàn toàn chịu sự kiểm soát của trung tâm đầu tư, vì sự hiện diện của trung tâm đầu tư cấp cao hơn có quyền điều tiết ROI.

Thu nhập thặng dư

Thu nhập thặng dư (residual income - RI): là chênh lệch giữa lợi nhuận của một trung tâm đầu tư và mức lợi nhuận để đạt được tỷ lệ sinh lời tối thiểu (chính là chi phí sử dụng vốn) của vốn đầu tư.

$$\text{Thu nhập thặng dư} = \text{Lợi nhuận của trung tâm đầu tư} - \text{Chi phí sử dụng vốn}$$

Ưu và nhược điểm của RI

Ưu điểm: Khi thu nhập thặng dư được sử dụng để đánh giá việc thực hiện, thì mục tiêu mà các nhà quản lý của trung tâm đầu tư nhắm đến là tối đa hóa thu nhập thặng dư RI.

Rất nhiều nhà quản lý cho rằng, thu nhập thặng dư - RI là một cách đánh giá thực hiện công việc của trung tâm đầu tư tốt hơn chỉ tiêu sức sinh lời của vốn ROI.

Nhược điểm: Không thể được sử dụng để so sánh hiệu quả hoạt động của các trung tâm đầu tư có quy mô khác nhau.

PHẦN II: CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

Câu hỏi trắc nghiệm

1. Hệ thống kế toán trách nhiệm, một bộ phận của hệ thống kế toán quản trị trong một tổ chức, là một công cụ hữu hiệu có thể giúp tổ chức đạt được sự đồng thuận về mục tiêu.
 - a. Đúng

b. Sai

2. Trong một tổ chức sử dụng mô hình quản lý phân quyền (hay còn gọi là phân cấp quản lý), nhà quản lý một bộ phận/đơn vị có thẩm quyền đưa ra tất cả quyết định liên quan đến hoạt động của bộ phận.

a. Đúng

b. Sai

3. Một trung tâm chi phí là một bộ phận trực thuộc của tổ chức, mà nhà quản lý của bộ phận có quyền ra quyết định và chịu trách nhiệm về toàn bộ các chi phí của bộ phận.

a. Đúng

b. Sai

4. Một trung tâm lợi nhuận là một bộ phận/đơn vị trong một tổ chức, mà nhà quản lý của bộ phận/đơn vị chịu trách nhiệm về việc tạo ra doanh thu của bộ phận, đồng thời chịu trách nhiệm về các chi phí của bộ phận mà nhà quản lý ấy có thẩm quyền ra quyết định.

a. Đúng

b. Sai

5. Một trung tâm đầu tư là một bộ phận/đơn vị trực thuộc của tổ chức trong đó nhà quản lý của bộ phận/đơn vị chịu trách nhiệm về việc hoạch định và kiểm soát chi phí; tạo ra doanh thu; mua sắm, sử dụng, và thanh lý các tài sản của bộ phận/đơn vị.

a. Đúng

b. Sai

6. Các số liệu ghi nhận được tại Công ty XYZ trong năm 2015 như sau: Lợi nhuận hoạt động là 4 tỷ đồng, Doanh thu là 50 tỷ đồng, và Vốn đầu tư bình quân là 20 tỷ đồng.

Tỷ suất sinh lời của vốn đầu tư (ROI) của công ty năm 2015 là 8%.

a. Đúng

b. Sai

7. Để đo lường kết quả của công việc của các nhà quản lý các trung tâm trách nhiệm, các chi phí của các trung tâm trách nhiệm nên được phân loại thành:

A. Chi phí sản xuất và chi phí ngoài sản xuất

B. Chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp

C. Chi phí kiểm soát được và chi phí không kiểm soát được

D. Chi phí sản phẩm và chi phí thời kỳ

8. Nhà quản lý trung tâm trách nhiệm nào có thẩm quyền ra quyết định và chịu trách nhiệm về cả doanh thu và chi phí phát sinh của trung tâm?

A. Trung tâm bán hàng

B. Trung tâm đầu tư

C. Trung tâm doanh thu

D. Trung tâm chi phí

9. Tỷ suất lợi nhuận của vốn đầu tư (ROI) có thể được cải thiện bằng cách tăng:

A. Giá vốn hàng bán và vốn đầu tư

B. Vốn đầu tư và lợi nhuận

C. Doanh thu và vốn đầu tư

D. Sức sản xuất của tài sản hoặc tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu

10. Sử dụng giá trị còn lại của tài sản để tính toán tỷ suất sinh lời của vốn đầu tư (ROI) thường tạo ra sự gia tăng ROI dễ gây hiểu nhầm và tranh cãi vì:

A. Giá trị còn lại không phản ánh được giá thị trường thay đổi

B. Các trung tâm đầu tư với những tài sản cũ thường có ROI thấp hơn các trung tâm với những tài sản mới

C. Các trung tâm đầu tư với những tài sản cũ thường có ROI cao hơn các trung tâm với những tài sản mới

D. Không có sự khác biệt giữa ROI của các trung tâm đầu tư với những tài sản cũ và ROI của các trung tâm đầu tư với những tài sản mới

Câu hỏi tự luận

1. Sự phù hợp mục tiêu của tổ chức là gì? Hãy giải thích vì sao sự phù hợp mục tiêu đóng vai trò quan trọng đối với hoạt động của tổ chức.

2. Mục tiêu quan trọng nhất của nhân viên kế toán quản trị khi xây dựng hệ thống kế toán trách nhiệm trong một tổ chức là gì?

3. Hệ thống kế toán quản trị đóng góp vào sự phù hợp mục tiêu hoạt động của tổ chức như thế nào?

4. Hãy giải thích một phương pháp quản trị có tên gọi là “quản trị theo mục tiêu” (management by objectives - MBO).

5. Liệt kê các lợi ích và chi phí của việc phân cấp quản lý.

6. Định nghĩa và cho ví dụ về các trung tâm trách nhiệm sau đây: trung tâm chi phí, trung tâm doanh thu, trung tâm lợi nhuận, và trung tâm đầu tư.

7. Theo bạn, khi nào một trung tâm lợi nhuận sẽ trở thành một trung tâm đầu tư?

8. Làm thế nào để hệ thống kế toán trách nhiệm có những ảnh hưởng tích cực đến hành vi và thái độ của nhà quản lý?

9. Báo cáo thực hiện (performance report) là gì? Hãy trình bày trình tự và phương pháp thiết lập báo cáo thực hiện trong tổ chức.

10. Chỉ tiêu nào được sử dụng để đánh giá hiệu quả của trung tâm đầu tư? Chỉ tiêu này được tính toán như thế nào?

11. Bằng cách nào nhà quản lý của Công ty bia Huda - Huế có thể cải thiện tỷ suất sinh lời trên vốn đầu tư - ROI của công ty?
12. Thu nhập thặng dư - RI của một trung tâm đầu tư được tính toán như thế nào? Cho một ví dụ minh họa cho việc tính toán này? Thông tin nào được sử dụng khi tính toán RI mà không được sử dụng khi tính ROI?
13. Nhược điểm của việc sử dụng ROI để đánh giá hiệu quả hoạt động của một trung tâm đầu tư là gì? Chỉ tiêu thu nhập thặng dư - RI sẽ khắc phục nhược điểm này như thế nào?
14. Khi sử dụng RI làm chỉ tiêu để so sánh hiệu quả của các trung tâm đầu tư, nhược điểm của việc này là gì? Cho một ví dụ minh họa.
15. Hãy cho biết vì sao ROI hoặc RI của một trung tâm đầu tư có thể có xu hướng tăng theo thời gian? Hiện tượng này có thể dẫn đến hành động không mong muốn nào của nhà quản lý?
16. Trong tính toán ROI của một trung tâm đầu tư, thành phần dưới mẫu số (vốn đầu tư) thường được tính theo giá trị còn lại của tài sản thay vì nguyên giá của tài sản. Hãy cho biết tính hợp lý của việc này?
17. Một số nhà quản lý thì cho rằng, khi tính toán ROI, vốn đầu tư nên được tính theo nguyên giá mà không nên sử dụng giá trị còn lại? Vì sao?
18. Theo bạn, ngoài việc sử dụng ROI và RI để đánh giá hiệu quả của trung tâm đầu tư, những chỉ tiêu nào khác có thể sử dụng (liệt kê ít nhất 3 chỉ tiêu)?
19. Sự phân biệt giữa việc đánh giá hiệu quả hoạt động của một trung tâm đầu tư và đánh giá hiệu quả quản lý của nhà quản lý trung tâm đầu tư đó là quan trọng. Hãy giải thích vì sao?
20. Mục tiêu quan trọng của nhân viên kế toán quản trị trong việc lựa chọn một chính sách định giá chuyển nhượng là gì?
21. Hãy phân tích nguyên tắc chung trong xác định giá chuyển nhượng?
22. Liệt kê và giải thích về các phương pháp xác định giá chuyển nhượng.
23. Khi bộ phận chuyển nhượng (bộ phận bán) còn thừa năng lực sản xuất, theo nguyên tắc chung trong xác định giá chuyển nhượng thì giá chuyển nhượng được thiết lập như thế nào?
24. Theo bạn, khi đơn vị mua sản phẩm từ một đơn vị khác trong nội bộ doanh nghiệp và không có mức giá thị trường nào có thể thiết lập cho sản phẩm này, giá chuyển nhượng sẽ được xác định bằng cách nào?
25. Nhược điểm việc xác định giá chuyển nhượng theo chi phí là gì? Bằng cách nào để khắc phục nhược điểm này?

Bài tập

Bài tập 1: Trong mỗi một loại hình tổ chức sau đây, bạn hãy thảo luận những ưu điểm và nhược điểm của việc phân cấp trong quản lý tổ chức? Nếu bạn là nhà quản lý cấp cao của tổ chức, bạn sẽ chọn mô hình quản lý tập trung hay phân tán (phân cấp)?

1. Một công ty đa quốc gia (ví dụ, Coca-cola).
2. Chuỗi cửa hàng bán thức ăn nhanh (ví dụ, Mc-Donald).
3. Một trường Đại học (ví dụ, trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế).
4. Một bệnh viện (ví dụ, Bệnh viện Trung ương Huế).
5. Một đài truyền hình (ví dụ, Đài truyền hình Việt Nam).

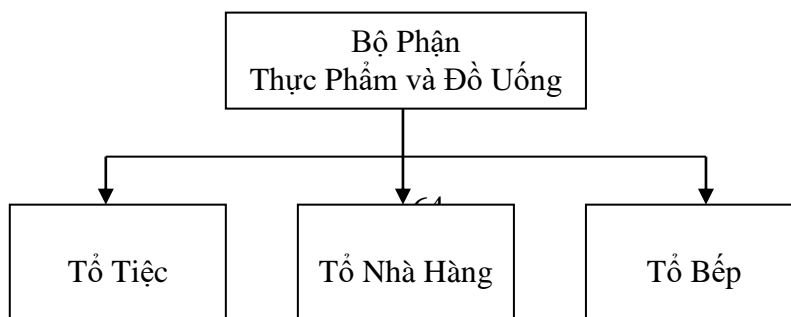
Bài tập 2: Đối với mỗi một bộ phận/đơn vị dưới, hãy cho biết nó thuộc loại trung tâm trách nhiệm nào?

1. Công ty Điện lực III ở Đà Nẵng (trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam).
2. Bưu điện Tỉnh Thừa Thiên Huế (là đơn vị trực thuộc Tổng công ty Bưu chính Việt Nam).
3. Một văn phòng bán vé máy bay (của Việt Nam Airlines).
4. Nhà máy đóng chai của Công ty Coca-cola Việt nam.
5. Phân xưởng sản xuất của Công ty Bia Huda Huế.
6. Trường Đại học Kinh tế của Đại học Huế.
7. Văn phòng Tỉnh uỷ của Tỉnh Thừa Thiên Huế.
8. Một rạp chiếu phim của một Công ty điện ảnh.

Bài tập 3: Tập đoàn Xerox quyết định thay đổi Bộ phận phân phối và hậu cần từ một trung tâm chi phí thành một trung tâm lợi nhuận. Bộ phận này có chức năng quản lý hàng tồn kho và cung cấp các dịch vụ hậu cần cho các bộ phận kinh doanh của công ty. Trước đây, nhà quản lý bộ phận này chỉ chịu trách nhiệm về chi phí hoạt động của bộ phận. Bây giờ Bộ phận này cung cấp/bán các dịch vụ của nó cho các bộ phận khác trong công ty, và nhà quản lý bộ phận được đánh giá thông qua lợi nhuận đạt được của bộ phận. Ban giám đốc tập đoàn Xerox cảm thấy rằng sự thay đổi này là có lợi cho công ty. Sự thay đổi này đã đem lại bầu không khí làm việc và động lực mới trong bộ phận vì quản lý cấp cao của công ty đã giao một số quyền ra quyết định cho cấp thấp hơn.

Yêu cầu: Hãy thảo luận về quyết định thay đổi loại hình trung tâm trách nhiệm của Bộ phận phân phối và hậu cần của ban giám đốc tập đoàn Xerox.

Bài tập 4: Bộ phận thực phẩm và đồ uống (Food and Beverage Department) của một Khách sạn có ba đơn vị trực thuộc được mô tả trong sơ đồ dưới đây. Tổ Tiệc có chức năng tiếp nhận và tổ chức các buổi tiệc cho khách hàng, nó là một trung tâm doanh thu; tổ Nhà Hàng có chức năng cung cấp các dịch vụ ăn uống cho khách hàng, nó cũng là một trung tâm doanh thu; và tổ Bếp chịu trách nhiệm nấu nướng và chuẩn bị thức ăn cho các buổi tiệc và nhà hàng để phục vụ khách hàng, nó là một trung tâm chi phí.



Số liệu ghi nhận được trong tháng ba tại các đơn vị trực thuộc Bộ Phận Thực Phẩm và Đồ Uống như sau:

	Dự toán*	Thực tế*
Tổ Tiệc	\$65.000	\$65.800
Tổ Nhà Hàng	180.000	179.400
Tổ Bếp		
Lương	(8.500)	(86.000)
Thực phẩm	(69.000)	(69.000)
Chi phí chung biến đổi	(7.500)	(7.800)
Chi phí chung cố định	(9.000)	(9.300)

* Những con số trong ngoặc đơn là chi phí, những con số không đặt trong dấu ngoặc đơn là lợi nhuận.

Yêu cầu: Hãy lập báo cáo thực hiện cho Bộ phận Thực Phẩm và Đồ Uống. Lưu ý rằng, trong bài này chúng ta chỉ lập báo cáo cho Tổ Bếp và Bộ phận Thực Phẩm và Đồ Uống. Hãy vẽ mũi tên để thể hiện mối quan hệ giữa các con số trong báo cáo thực hiện được thiết lập.

Bài tập 5: Các số liệu ghi nhận được tại Công ty XYZ trong năm 2005 như sau:

Lợi nhuận	\$4.000.000
Doanh thu	50.000.000
Vốn đầu tư bình quân	20.000.000

Yêu cầu

1. Tính tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu, hệ số quay vòng của vốn, và sức sinh lời trên vốn đầu tư của công ty.
2. Hãy chỉ ra hai cách mà nhà quản lý của công ty XYZ có thể sử dụng để tăng ROI của công ty lên thành 25%.
3. Giả sử rằng giá sử dụng vốn của công ty là 10%. Hãy tính thu nhập thặng dư – RI của công ty trong năm 2005.

Bài tập 6: Số liệu được ghi nhận tại Công ty thương mại X trong năm 2005 như sau:

Doanh thu	\$2.000.000
Giá vốn hàng bán	1.100.000
Chi phí hoạt động	800.000
Vốn đầu tư bình quân	1.000.000

Yêu cầu:

1. Tính tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu, hệ số quay vòng của vốn, và sức sinh lời trên vốn đầu tư của công ty trong năm 2005.
2. Nếu doanh thu và vốn đầu tư trong năm tới (năm 2006) vẫn giữ nguyên như năm 2005, để tăng ROI của công ty lên thành 15% thì tổng chi phí của công ty phải được cắt giảm đến mức nào?
3. Giả sử chi phí đã được cắt giảm. Hãy tính tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu của công ty năm 2006 và chỉ ra chỉ tiêu này đã cải thiện ROI của công ty như thế nào?

Bài tập 7: Số liệu về tình hình kinh doanh của công ty X trong năm 2004 như sau:

Chi phí biến đổi đơn vị	=	30.000đ
Chi phí cố định	=	320.000.000đ
Giá bán đơn vị	=	50.000đ
Vốn hoạt động bình quân	=	500.000.000đ
Sản lượng tiêu thụ (cái)	=	20.000

Yêu cầu:

1. Hãy thiết lập báo cáo kết quả kinh doanh theo số dư đảm phí của công ty trong năm 2004. Tính sức sinh lời trên vốn đầu tư - ROI công ty đạt được trong năm 2004.
2. Hãy tính lại tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu, hệ số quay vòng tài sản và ROI của công ty trong từng trường hợp sau đây (từng trường hợp được xét độc lập nhau):
 - a) Công ty có khả năng tiết kiệm được chi phí lao động trực tiếp 10.000.000đ mỗi năm bằng cách thuê mướn lao động rẻ hơn.
 - b) Công ty có thể cắt giảm mức tồn kho bình quân 100.000.000đ mỗi năm bằng cách áp dụng mô hình tồn kho tối ưu.
 - c) Công ty dự định sẽ tăng chi phí quảng cáo lên thêm 20.000.000đ mỗi năm để thúc đẩy việc tiêu thụ sản phẩm. Với cách làm này, công ty hy vọng doanh số sẽ tăng lên 10%. Công ty nên thực hiện quyết định này hay không? Nếu thực hiện thì ROI mà công ty đạt được sẽ là bao nhiêu?

Bài tập 8: Công ty N có hai đơn vị trực thuộc. Số liệu về kết quả hoạt động của hai đơn vị trong năm 2005 được ghi nhận như sau:

	Đơn vị I	Đơn vị II
Lợi nhuận	\$200.000	\$900.000
Vốn đầu tư bình quân	1.000.000	6.000.000

Yêu cầu:

1. Nếu sử dụng ROI là tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả của hai đơn vị, đơn vị này sẽ được đánh giá hoạt động hiệu quả hơn trong năm 2005?

- Giả sử rằng, giá sử dụng vốn của công ty là 10%. Đơn vị nào sẽ được đánh giá hoạt động thành công hơn trong năm 2005 theo tiêu chuẩn thu nhập thặng dư?
- Với giá sử dụng vốn của công ty là bao nhiêu thì thu nhập thặng dư trong năm 2005 của hai đơn vị sẽ bằng nhau?

Bài tập 9: Tổng công ty H quyết định đầu tư \$100.000 vào một thiết bị mới cho một đơn vị trực thuộc, Công ty X, hai năm trước đây. Vào thời điểm đó, nhân viên của bộ phận kế toán của Công ty X đã chỉ ra rằng, thiết bị mới này sẽ tiết kiệm cho công ty \$36.400 chi phí hoạt động hàng năm trong thời đoạn 5 năm. Trước khi có thiết bị mới này, sức sinh lời trên vốn đầu tư ROI của công ty là 20%.

Nhà quản lý công ty đã tin tưởng rằng, thiết bị này phát huy tác dụng như mong đợi. Tuy nhiên, báo cáo thực hiện công việc của công ty cho thấy rằng, sức sinh lời trên vốn đầu tư của công ty trong năm đầu tiên đưa thiết bị mới vào sử dụng không được cải thiện như mong muốn. Nhà quản lý yêu cầu bộ phận kế toán cung cấp các thông tin liên quan đến thiết bị được đầu tư để tìm nguyên nhân vì sao việc đầu tư này không cải thiện ROI của công ty.

Bộ phận kế toán có khả năng cung cấp các thông tin liên quan đến sự đóng góp của thiết bị vào kết quả hoạt động của công ty. Báo cáo được kế toán soạn thảo và cung cấp cho nhà quản lý vào cuối năm thứ nhất như sau:

Chi phí hoạt động được cắt giảm do sử dụng thiết bị mới	\$36.400
Trừ: Khấu hao thiết bị	20.000
Phần đóng góp (Lợi nhuận tăng thêm)	\$16.400
Vốn đầu tư đầu năm	\$100.000
Vốn đầu tư cuối năm	\$80.000
Vốn đầu tư bình quân	\$90.000

$$\text{ROI} = \$16.400/90.000 = 18.2\%$$

Nhà quản lý cảm thấy ngạc nhiên vì ROI qua thấp, trong khi thiết bị vận hành tốt và cắt giảm chi phí hoạt động hàng năm cho công ty. Nhân viên kế toán quản trị của bộ phận kế toán giải thích với nhà quản lý rằng, sức sinh lời trên vốn đầu tư - ROI được sử dụng để đánh giá hiệu quả hoạt động khác với sức sinh lời được sử dụng trong các quyết định đầu tư.

Yêu cầu: Hãy thảo luận các vấn đề liên quan đến chỉ tiêu ROI được sử dụng làm tiêu chuẩn để đánh giá hiệu quả hoạt động của một bộ phận. Nhà quản lý công ty X sẽ quyết định như thế nào trong tương lai khi có một đề nghị mua một thiết bị mới tương tự? Vì sao?

Chương 8

THÔNG TIN THÍCH HỢP CHO VIỆC RA QUYẾT ĐỊNH

PHẦN I: TÓM TẮT LÝ THUYẾT

1. Quá trình ra quyết định

Bước 1: Làm rõ vấn đề ra quyết định

Bước 2: Lựa chọn tiêu chuẩn

- Tối đa hóa lợi nhuận, hoặc;
- Tăng thị phần, hoặc;
- Giảm thiểu chi phí, hoặc;
- Cải thiện hình ảnh của công ty trước công chúng.

Bước 3: Xác định các phương án ra quyết định

Phương án 1: Sửa chữa thiết bị.

Phương án 2: Thay thế thiết bị.

Bước 4: Xây dựng mô hình ra quyết định

Bước 5: Thu nhập số liệu

Bước 6: Ra quyết định

Mỗi khi bài toán ra quyết định đã được xác định, các tiêu chuẩn được lựa chọn, các phương án so sánh được nhận diện, và các số liệu liên quan đến việc ra quyết định được thu thập, nhà quản lý sẽ tiến hành phân tích và lựa chọn một phương án khả thi nhất. Việc này gọi là ra quyết định.

2. Vai trò của nhân viên kế toán quản trị đối với quá trình ra quyết định

Vai trò chủ yếu của nhân viên kế toán quản trị trong quá trình ra quyết định là cung cấp thông tin thích hợp (relevant information) cho các nhà quản lý ở các lĩnh vực, các cấp quản lý trong tổ chức để ra các quyết định.

Vai trò chủ yếu của nhân viên kế toán quản trị trong quá trình ra quyết định của nhà quản lý thể hiện ở hai điểm:

- Quyết định xem thông tin nào là thích hợp cho vấn đề ra quyết định.
- Cung cấp thông tin chính xác và kịp thời cho việc ra quyết định. Trong quá trình này nhân viên kế toán quản trị còn phải cân nhắc sự đánh đổi giữa tính chính xác và nhanh chóng của thông tin.

3. Thông tin thích hợp

Các thông tin về chi phí và thu nhập phải liên quan đến sự kiện trong tương lai.

Thông tin có sự khác biệt giữa các phương án so sánh.

4. Phân tích thông tin cho các quyết định đặc biệt

Chấp nhận hoặc từ chối một đơn hàng đặc biệt

Còn năng lực nhàn rỗi thì chấp nhận đơn hàng khi biến phí nhỏ hơn giá bán.

Không còn năng lực nhàn rỗi thì chấp nhận đơn hàng khi giá bán còn cao hơn tổng biến phí và chi phí cơ hội.

Quyết định duy trì hay ngưng hoạt động một bộ phận

Duy trì bộ phận khi số dư đảm phí mang lại còn cao hơn chi phí tránh được khi ngưng hoạt động của bộ phận.

Quyết định nên làm hay nên mua

Nên làm khi chi phí tránh được cao hơn mức giá đề nghị.

Quyết định nên bán hay nên tiếp tục sản xuất

- Nếu như thu nhập tăng thêm lớn hơn chi phí tăng thêm do tiếp tục sản xuất thì quyết định tiếp tục sản xuất.
- Nếu thu nhập tăng thêm bé hơn chi phí tăng thêm do tiếp tục sản xuất thì quyết định bán sản phẩm tại điểm phân chia.

Quyết định trong điều kiện năng lực sản xuất của công ty có giới hạn

Người ta sử dụng các phương pháp định lượng mà thông thường là bài toán quy hoạch tuyến tính để tìm ra lời giải tối ưu. Bài toán quy hoạch tuyến tính là một công cụ toán học được sử dụng để trợ giúp cho nhà quản lý trong quá trình ra quyết định về việc phân bổ các nguồn lực hạn chế nhằm đạt được các mục tiêu của nhà quản lý một cách tối ưu. Bài toán quy hoạch tuyến tính có thể được thiết lập và giải quyết thông qua các bước căn bản sau đây:

- Xác định (xây dựng) hàm mục tiêu.
- Thiết lập các ràng buộc của bài toán.
- Tìm lời giải tối ưu của bài toán.

PHẦN II: CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

Câu hỏi trắc nghiệm

1. Các chi phí lịch sử rất hữu ích trong việc dự báo chi phí tương lai, do vậy cũng rất hữu ích cho việc ra quyết định.

- a. Đúng
- b. Sai

2. Nếu nhà quản lý của một công ty ra quyết định tiếp tục mua nguyên vật liệu từ một nhà cung ứng bởi vì mối quan hệ giữa hai bên đã được xây dựng từ nhiều năm qua, quyết định của nhà quản lý đã dựa trên yếu tố định tính.

- a. Đúng
- b. Sai

3. Tất cả các chi phí biến đổi đều thích hợp cho việc ra quyết định, còn tất cả các chi phí cố định đều không thích hợp cho việc ra quyết định.

a. Đúng

b. Sai

4. Doanh thu của một bộ phận giữ nguyên (không thay đổi) từ năm này sang năm khác được xem là một thông tin không thích hợp cho việc ra quyết định.

a. Đúng

b. Sai

5. Giá trị bút toán/giá trị ghi sổ của một thiết bị sản xuất là thông tin không phù hợp trong việc ra quyết định thay thế thiết bị.

a. Đúng

b. Sai

6. Trong việc ra quyết định, nhà quản lý thực hiện cả phân tích định lượng lẫn phân tích định tính.

a. Đúng

b. Sai

7. Trong việc so sánh giữa các phương án, tất cả các chi phí và doanh thu khác nhau giữa các phương án là thông tin thích hợp cho việc ra quyết định chọn phương án.

a. Đúng

b. Sai

8. Chi phí cơ hội là chi phí phát sinh từ một phương án đã bị bỏ qua trong việc ra quyết định.

a. Đúng

b. Sai

9. Thông tin kế toán được gọi là hữu ích cho việc ra quyết định nếu thông tin đó trung thực và hợp lý xét trên các khía cạnh trọng yếu.

a. Đúng

b. Sai

10. Hệ thống kế toán cung cấp các thông tin kế toán hữu ích cho các quyết định phân bổ nguồn lực trong một tổ chức.

a. Đúng

b. Sai

Câu hỏi tự luận

1. Trình bày vai trò của nhân viên kế toán quản trị trong quá trình ra quyết định.

2. Liệt kê và giải thích 6 bước trong quá trình ra quyết định.

3. Phân biệt giữa phân tích định lượng và phân tích định tính.
4. Các tiêu chuẩn của thông tin hữu ích là gì? Hãy giải thích từng tiêu chuẩn của thông tin hữu ích. Có phải lúc nào thông tin cũng đảm bảo tính chính xác và kịp thời cho việc ra quyết định không?
5. Liệt kê và giải thích hai tiêu chuẩn của thông tin thích hợp.
6. Giải thích vì sao giá trị còn lại trên sổ sách của tài sản cố định (ví dụ như máy móc thiết bị) không phải là một thông tin thích hợp?
7. Cho hai ví dụ về chi phí chìm. Giải thích vì sao chúng không thích hợp cho việc ra quyết định?
8. Vì sao một nhà quản lý thường có khuynh hướng xem xét không đúng chi phí chìm trong quá trình ra quyết định? Họ có thể mắc sai lầm là xem chi phí chìm là một chi phí thích hợp khi ra quyết định.
9. Các chi phí và thu nhập phát sinh trong tương lai có thể không thích hợp cho việc ra quyết định. Trong trường hợp nào điều này sẽ đúng. Cho một ví dụ minh họa.
10. Định nghĩa chi phí cơ hội. Cho một ví dụ minh họa. Chi phí cơ hội có phải là thông tin thích hợp cho việc ra quyết định không? Vì sao?
11. Sự tồn tại năng lực hoạt động nhàn rỗi có ảnh hưởng như thế nào đến quyết định chấp nhận hoặc từ chối một đơn hàng đặc biệt.
12. Khi ra quyết định tiếp tục hoặc ngưng hoạt động một bộ phận kinh doanh hoặc một sản phẩm, nhà quản lý sẽ sử dụng phương pháp phân tích như thế nào? Trong trường hợp nào thì quyết định duy trì và trong trường hợp nào thì quyết định ngưng hoạt động một bộ phận kinh doanh hoặc ngưng sản xuất một sản phẩm?
13. Khi ra quyết định nên làm hay nên mua các linh kiện/bộ phận cấu thành hoặc sản phẩm, nhà quản lý sẽ phân tích như thế nào? Trong trường hợp nào thì quyết định mua ngoài và trường hợp nào thì quyết định sản xuất?
14. Phương pháp nào được nhà quản lý sử dụng để ra quyết định trong điều kiện các nguồn lực sản xuất bị hạn chế?
15. Phân tích độ nhạy được sử dụng như thế nào để giải quyết các yếu tố không chắc chắn trong quá trình ra quyết định?

Bài tập

Bài tập 1. Hãy chọn một doanh nghiệp mà bạn biết (ví dụ: Công ty bia Huda Huế). Hãy cho ví dụ minh họa về một tình huống ra quyết định cụ thể của công ty. Mô tả từng bước trong quá trình ra quyết định này.

Bài tập 2. Công ty P mua một lò nướng pizza cách đây hai năm với giá 90.000.000 đồng. Lò nướng này có thể sử dụng hữu ích thêm một năm nữa. Lò nướng này được khấu hao theo mô hình khấu hao đều. Công ty P có thể mua một lò nướng bánh mới có giá 20.000.000 đồng và có thời gian sử dụng hữu ích trong một năm. Việc đưa lò nướng bánh này vào hoạt động sẽ tiết kiệm được cho công ty 26.000.000 đồng chi phí hoạt động hàng năm (so với việc sử dụng lò nướng cũ).

Nhà quản lý Công ty P đã quyết định không mua lò nướng mới, vì ông ta cho rằng, việc mua lò nướng mới sẽ gây thiệt hại cho công ty 4.000.000 đồng trong năm tới.

Yêu cầu:

1. Theo bạn, nhà quản lý Công ty tính toán như thế nào để có được mức lỗ 24.000.000 đồng trong năm tới nếu lò nướng pizza được mua?
2. Bạn hãy đánh giá về cách nhà quản lý công ty đã phân tích và ra quyết định.
3. Là nhân viên kế toán quản trị, bạn phân tích tình huống trên như thế nào? Theo bạn, Công ty nên mua lò nướng mới để sử dụng không?

Bài tập 3. Công ty H có một số phụ tùng tồn kho trị giá 200.000.000 đồng. Số phụ tùng này đã lỗi thời do sự thay đổi các tiêu chuẩn kỹ thuật thiết kế. Số phụ tùng này có thể bán ra thị trường với giá 120.000.000, hoặc chúng sẽ được hiệu chỉnh lại cho phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành và sau đó bán ra thì sẽ thu được 235.000.000 đồng. Chi phí cho việc hiệu chỉnh là 120.000.000 đồng.

Yêu cầu:

1. Những thông tin nào là thích hợp cho quyết định liên quan đến số phụ tùng tồn kho?
2. Công ty nên bán số phụ tùng ngay hay sửa chữa/hiệu chỉnh rồi bán.

Bài tập 4. Công ty thương mại X đang xem xét có nên tiếp tục kinh doanh hay ngưng kinh doanh ngành hàng A, vì hiện nay ngành hàng này đem lại mức lợi nhuận âm 23 triệu đồng trong tháng 1/2006. Báo cáo thu nhập theo số dư đảm phí các ngành hàng của công ty như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ Tiêu	Ngành hàng			Tổng cộng
	A	B	C	
Doanh thu	280,0	700,0	520,0	1.500,0
Trừ: Chi phí khả biến	156,0	435,6	312,0	903,6
Số dư đảm phí	124,0	264,4	280,0	596,4
Trừ: Chi phí bất biến:	147,0	218,5	174,5	540,0
1. Quảng cáo trực tiếp	26,0	40,0	31,5	97,5
2. Quảng cáo chung	5,6	14,0	10,4	30,0
3. Lương	36,0	58,0	42,0	136,0
4. Thuê nhà xưởng	19,0	31,5	26,0	76,5
5. Phục vụ (điện nước)	8,0	13,6	6,3	30,9
6. Thuế lao động	5,4	8,7	6,3	20,4
7. Khấu hao quày hàng	10,8	16,3	12,9	40,0
8. Bảo hiểm hàng bán	1,2	1,4	1,1	3,7
9. Quản lý chung	20,0	20,0	20,0	60,0
10. Chi phí phục vụ khác	15,0	15,0	15,0	45,0
Lãi/Lỗ	(23)	45,9	33,5	56,4

Nếu bạn được giao nhiệm vụ tư vấn cho ban giám đốc công ty, theo bạn công ty nên tiếp tục kinh doanh hay ngừng kinh doanh ngành hàng A? Cho biết các thông tin như sau:

- Các ngành hàng kinh doanh trong cùng một tòa nhà. Công ty thuê toàn bộ tòa nhà với tiền thuê là chi phí cố định trả hàng năm.
- Có một nhân viên có kinh nghiệm công tác lâu năm trong ngành hàng A, mức lương hàng năm của nhân viên này là 4 triệu đồng/tháng. Nếu ngành hàng A ngưng kinh doanh thì nhân viên này sẽ được chuyển sang ngành hàng khác và công ty vẫn phải trả cho nhân viên này theo mức lương hiện tại.
- Nếu ngành hàng A ngưng kinh doanh thì các chi phí phục vụ điện nước sẽ cắt giảm được 7 triệu đồng/tháng.
- 1/4 chi phí bảo hiểm của bộ phận A được phân bổ từ tổng chi phí bảo hiểm cháy nổ của tòa nhà và phần còn lại là chi phí bảo hiểm kho hàng của bộ phận A.
- Công ty có hai bộ phận phục vụ là thu mua và kho hàng, nếu ngành hàng A ngưng hoạt động thì công ty cắt giảm được 5,5 triệu đồng tiền lương nhân viên phục vụ, chi phí quản lý chung không đổi.

Yêu cầu: Bằng việc phân tích các chi phí thích hợp (nhận diện ra các chi phí có thể tránh được và những chi phí không thể tránh được), bạn hãy chứng minh bằng những số liệu cần thiết để đưa ra lời khuyên cho ban giám đốc công ty: nên hay không nên tiếp tục kinh doanh ngành hàng A. Xét hai trường hợp:

1. Khi ngành A ngừng kinh doanh thì phần diện tích mà ngành hàng này chiếm dụng trong tòa nhà chưa thể sử dụng vào việc gì khác.
2. Công ty có thể sử dụng phần diện tích chiếm dụng của ngành hàng A để cho thuê với giá 75 triệu đồng/quý.

Bài tập 5. Romeo 's Pizza Shoppe là một cơ sở sản xuất bánh pizza. Ông chủ Stefano tập trung vào 2 loại pizza phổ biến (được tiêu thụ mạnh) là Romeo 's Special và Juliet's Pepperoni. Quá trình sản xuất pizza gồm 2 công đoạn là (1) Chuẩn bị và (2) Nướng. Thời gian chuẩn bị và nướng của 2 loại pizza trên như sau:

	Romeo's Special	Juliet's Pepperoni
Chuẩn bị (phút)	2	1,5
Nướng (phút)	6	9

Khả năng sản xuất hàng tuần của Romeo 's Pizza Shoppe:

- Lao động: 40 giờ cho việc chuẩn bị.
- Khả năng nướng của lò: 120 giờ.

Ông chủ Stefano muốn xác định số lượng sản xuất cho mỗi loại pizza sao cho lợi nhuận thu được từ việc sản xuất và tiêu thụ 2 loại pizza này đạt cực đại. Biết rằng, lợi nhuận thu được khi sản xuất và tiêu thụ 2 loại pizza này là:

- Loại Romeo's Special: \$ 1.5/sản phẩm.

- Juliet's Pepperoni: \$1/sản phẩm.

Bài tập 6. Công ty Fashion, chuyên cung cấp quần áo thời trang cho phụ nữ. Để thu hút khách hàng mới, công ty đang xem xét thực hiện một chiến lược quảng cáo. Công ty dự định sẽ chọn 4 phương tiện quảng cáo: quảng cáo trên truyền hình, trên sóng phát thanh, trên báo, và gửi thư trực tiếp. Chi phí quảng cáo hiện tại trên mỗi phương tiện quảng cáo như sau:

Truyền hình	\$1.000/một lần quảng cáo
Sóng phát thanh	\$150/mỗi lần thực hiện
Báo chí	\$400 cho mỗi ¼ trang đăng tải quảng cáo
Thư trực tiếp	\$5/mỗi thư

Mục tiêu của Công ty khi thực hiện chiến dịch quảng cáo này là tối đa hóa hình ảnh của công ty đối với khách hàng thông qua chiến dịch quảng cáo này. Mức điểm được đánh giá cho mỗi phương tiện quảng cáo như sau:

Truyền hình	20.000 điểm
Sóng phát thanh	4.000 điểm
Báo chí	10.000 điểm
Thư trực tiếp	200 điểm

(Lưu ý: Mức điểm càng cao, nghĩa là hiệu quả quảng bá hình ảnh của công ty từ phương tiện quảng cáo càng lớn).

Ban giám đốc công ty đã dành một ngân sách \$30.000 cho chiến dịch quảng cáo này và cũng đã đưa ra chính sách quảng cáo như sau: (1) Chi phí quảng cáo bằng thư trực tiếp chiếm ít nhất 10% tổng ngân sách cho quảng cáo; (2) Chi phí quảng cáo trên truyền hình ít nhất phải là \$5.000; (3) số lượng quảng cáo trên báo chí ít nhất phải là 10; và (4) tổng chi phí quảng cáo trên truyền hình và trên sóng phát thanh tối thiểu phải bằng với tổng chi phí quảng cáo trên báo chí và thư trực tiếp.

Yêu cầu:

1. Thiết lập hàm mục tiêu của chiến dịch quảng cáo (tối đa hóa hình ảnh của công ty thông qua chiến dịch quảng cáo).
2. Thiết lập các ràng buộc của bài toán.
3. Xác định số lượng quảng cáo cần thực hiện trên mỗi phương tiện quảng cáo sao cho công ty tối đa hóa việc quảng bá hình ảnh của mình đối với khách hàng từ chiến lược quảng cáo này. (Nguồn: Lee S., Shim J., 1990).

Bài tập 7. Công ty ABC đang xem xét ngưng hoạt động Bộ phận đóng gói của nó. Ban giám đốc công ty nhận được một lời đề nghị từ một công ty bên ngoài sẽ cung cấp toàn bộ nhu cầu đóng gói sản phẩm cho ABC. Để ra quyết định, giám đốc công ty yêu cầu nhân viên kế toán quản trị phân tích chi phí hoạt động của Bộ phận đóng gói. Trong số các chi phí hoạt động của bộ phận này có một khoản chi phí \$9.000 được phân bổ từ chi

phí thuê văn phòng làm việc của công ty hàng năm. Nếu Bộ phận đóng gói ngưng hoạt động, không gian của bộ phận này sẽ được chuyển thành kho lưu trữ hàng hoá. Hiện tại, Công ty ABC phải thuê kho để lưu trữ hàng hóa tại một nhà kho gần công ty với chi phí \$10.000 mỗi năm. Chi phí thuê kho lưu trữ hàng hóa này sẽ được loại bỏ nếu Bộ phận đóng gói ngưng hoạt động.

Yêu cầu:

1. Hãy thảo luận về những con số được đề cập trong ví dụ trên theo khía cạnh chúng là thông tin thích hợp hoặc không thích hợp cho việc ra quyết định ngưng hoạt động Bộ phận đóng gói.
2. Chi phí thuê kho lưu trữ \$10.000 là loại chi phí gì, xét theo góc độ nó là chi phí của Bộ phận đóng gói?
3. Nếu Bộ phận đóng gói ngưng hoạt động, nhà quản lý bộ phận này sẽ được bổ nhiệm làm quản lý Bộ phận cắt. Lương của nhà quản lý Bộ phận đóng gói là \$45.000/năm. Trong khi đó, để thuê một nhà quản lý cho Bộ phận cắt thì công ty phải chi trả \$60.000/năm. Hãy thảo luận về tính thích hợp của các số liệu về chi phí lương đối với quyết định ngưng hoạt động Bộ phận đóng gói.

Bài tập 8. Ông chủ của một cửa hàng dịch vụ ăn uống đang lo lắng, vì kết quả kinh doanh không tốt của quầy bán kem. Hiện tại quầy bán kem đang kinh doanh bị lỗ. Ông ta tiến hành phân tích kết quả hoạt động của quầy bán kem như sau:

Doanh thu	\$45.000
Trừ: Giá vốn	20.000
Lãi gộp	25.000
Trừ: Các chi phí hoạt động	
Lương nhân viên quầy kem	12.000
Chi phí khăn giấy sử dụng	4.000
Chi phí tiện ích (được phân bổ cho quầy kem)	3.000
Khấu hao tài sản của quầy hàng	2.500
Khấu hao cửa hàng (được phân bổ cho quầy kem)	4.000
Lương quản lý (được phân bổ cho quầy kem)	3.000
Tổng cộng	28.500
Lỗ của Quầy bán kem	\$(3.500)

Yêu cầu: Hãy thảo luận về phân tích của ông chủ cửa hàng. Nếu phân tích trên là không đúng, bạn hãy hiệu chỉnh lại.

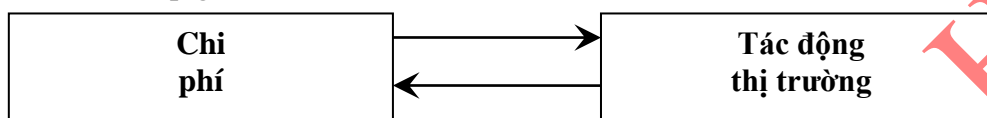
Chương 9

PHÂN TÍCH CHI PHÍ CHO QUYẾT ĐỊNH GIÁ BÁN

1. Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định giá bán

Các nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến quyết định về giá bán sản phẩm hoặc dịch vụ bao gồm: nhu cầu của khách hàng; chi phí của tổ chức; các hành động của đối thủ cạnh tranh và các vấn đề về luật pháp, chính trị, hình ảnh của công ty trong dân chúng.

Cách thiết lập giá bán có thể tóm tắt như sau:



Giá bán được xác định bởi thị trường, tất nhiên giá phải trang trải đủ các chi phí trong dài hạn

Giá bán được thiết lập dựa trên chi phí, xem xét đến nhu cầu và đối thủ cạnh tranh

2. Lý thuyết kinh tế của việc định giá sản phẩm

Lý thuyết kinh tế học cho rằng, mức giá tốt nhất thiết lập cho một sản phẩm là mức giá làm cho lợi nhuận đạt được giá trị tối đa, nghĩa là mức giá làm cho độ chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí là cực đại. Mức giá tốt nhất mà công ty thiết lập cho sản phẩm là mức giá mà tại đó công ty đạt được lợi nhuận tối đa.

$$\text{Lợi nhuận} = \text{Doanh thu} - \text{Chi phí}$$

$$\pi(Q) = TR(Q) - TC(Q)$$

Lấy đạo hàm của hàm lợi nhuận theo sản lượng Q , ta có:

$$\pi'(Q) = TR'(Q) - TC'(Q)$$

$$\pi'(Q) = MR(Q) - MC(Q)$$

Như vậy, để đạt lợi nhuận tối đa, công ty phải hoạt động tại mức sao cho doanh thu cận biên cân bằng với chi phí cận biên.

3. Phương pháp định giá dựa trên chi phí

Công thức định giá công thêm vào chi phí có thể được biểu diễn dưới hình thức tổng quát như sau:

$$\text{Giá bán} = \text{Chi phí} + (\text{Tỷ lệ cộng thêm vào chi phí} \times \text{Chi phí})$$

Thành phần chi phí nên có thể chọn là chi phí bình quân (chi phí đơn vị), hoặc chi phí sản xuất đơn vị, hoặc chi phí biến đổi đơn vị.

Chi phí nền là chi phí đơn vị

$$\text{Tỷ lệ cộng thêm (vào chi phí) (\%)} = \frac{\text{Lợi nhuận mục tiêu}}{\text{Sản lượng dự kiến} \times \text{Chi phí đơn vị}}$$

Chi phí nền là chi phí sản xuất đơn vị

$$\text{Tỷ lệ cộng thêm (vào chi phí) (\%)} = \frac{\text{Lợi nhuận mục tiêu} + \text{Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý DN}}{\text{Sản lượng dự kiến} \times \text{Chi phí sản xuất đơn vị}}$$

Chi phí nền là chi phí biến đổi đơn vị

$$\text{Tỷ lệ cộng thêm (vào chi phí) (\%)} = \frac{\text{Lợi nhuận mục tiêu} + \text{Chi phí cố định}}{\text{Sản lượng dự kiến} \times \text{Chi phí biến đổi đơn vị}}$$

4. Định giá theo thời gian lao động và nguyên liệu sử dụng

Theo phương pháp này, doanh nghiệp thiết lập giá sản phẩm hoặc dịch vụ căn cứ trên thời gian lao động và nguyên liệu sử dụng cho sản phẩm hoặc dịch vụ. Giá của sản phẩm hoặc dịch vụ bao gồm hai thành phần: mức giá tính cho yếu tố thời gian lao động và mức giá tính cho yếu tố nguyên liệu sử dụng. Mức giá tính cho từng yếu tố được tính toán sao cho bù đắp các chi phí của sản phẩm hoặc dịch vụ và đảm bảo mức sinh lời mong muốn.

- **Giá tính cho yếu tố gian lao động:** Mức giá tính cho một giờ lao động được xác định gồm 3 thành phần:

$$\left(\begin{array}{c} \text{Đơn giá} \\ \text{của 1 giờ} \\ \text{lao động} \end{array} \right) + \left(\begin{array}{c} \text{Chi phí chung} \\ \text{hàng năm} \\ \text{(không kể chi phí quản lý,} \\ \text{lưu trữ NVL)} \\ \hline \text{Số giờ lao động trong năm} \end{array} \right) + \left(\begin{array}{c} \text{Mức lợi nhuận} \\ \text{mong muốn} \\ \text{tính cho 1 giờ lao động} \end{array} \right)$$

- **Giá tính trên nguyên liệu sử dụng:** Giá của nguyên liệu sử dụng được xác định gồm hai thành phần:

$$\left(\begin{array}{c} \text{Chi phí NVL} \\ \text{sử dụng} \\ \text{cho công việc,} \\ \text{sản phẩm} \end{array} \right) + \left\{ \left(\begin{array}{c} \text{Chi phí NVL} \\ \text{sử dụng} \\ \text{cho công việc,} \\ \text{sản phẩm} \end{array} \right) \times \left(\begin{array}{c} \text{Chi phí quản lý,} \\ \text{lưu trữ NVL} \\ \text{hàng năm} \\ \hline \text{Tổng chi phí NVL} \\ \text{sử dụng hàng năm} \end{array} \right) \right\}$$

PHẦN II: CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

Câu hỏi trắc nghiệm

1. Ba yếu tố chính tác động đến quyết định giá bán sản phẩm/dịch vụ là chi phí, khách hàng, và đối thủ cạnh tranh.

a. Đúng

b. Sai

2. Trong điều kiện thị trường không cạnh tranh, các nhà quản lý thường ít thận trọng trong việc thiết lập giá bán sản phẩm/dịch vụ

a. Đúng

b. Sai

3. Theo lý thuyết kinh tế về định giá sản phẩm/dịch vụ, mức giá tốt nhất mà một công ty thiết lập cho sản phẩm/dịch vụ là mức giá làm cho doanh thu của công ty đạt cực đại.

a. Đúng

b. Sai

4. Sự phân biệt giá là việc tính giá bán sản phẩm/dịch vụ cho một số khách hàng cao hơn so với giá bán sản phẩm cho các khách hàng khác.

a. Đúng

b. Sai

5. Định giá cho những đơn hàng đặc biệt chỉ duy nhất một lần là một dạng quyết định ngắn hạn.

a. Đúng

b. Sai

6. Độ co giãn nhu cầu theo giá đo lường mức thay đổi của giá bán sản phẩm khi nhu cầu tiêu thụ sản phẩm thay đổi.

a. Đúng

b. Sai

7. Nếu giá bán tăng 10% dẫn đến nhu cầu tiêu thụ giảm 20%, thì độ co giãn nhu cầu theo giá (E_p) bằng 2.

a. Đúng

b. Sai

8. Nếu giá bán sản phẩm tăng 5% dẫn đến nhu cầu tiêu thụ sản phẩm giảm 2%, quyết định tăng giá bán sẽ làm doanh thu tăng lên.

a. Đúng

b. Sai

Câu hỏi tự luận

1. Liệt kê và mô tả các nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến quyết định về giá bán.
2. Vị giám đốc của một doanh nghiệp phát biểu rằng: “Giá sản phẩm của doanh nghiệp chúng ta được xác định bởi thị trường. Chi phí sản xuất sản phẩm là không thích hợp cho việc thiết lập giá bán”. Bạn hãy bình luận về phát biểu của vị giám đốc này.
3. “Giá bán được xác định bởi chi phí sản phẩm. Thông tin về chi phí cận biên và doanh thu cận biên chỉ mang tính lý thuyết”. Bạn hãy đánh giá câu phát biểu trên.
4. “Trong việc xem xét hành động của đối thủ cạnh tranh, việc định vị sản phẩm của doanh nghiệp là điều hết sức quan trọng”. Hãy giải thích câu phát biểu này.
5. Hãy giải thích câu phát biểu sau: “Việc xác lập giá bán cần duy trì sự cân bằng giữa các nhân tố tác động của thị trường và chi phí của doanh nghiệp”.
6. Hãy trình bày phương pháp định giá để đạt lợi nhuận tối đa trong kinh tế học. Bạn có thể sử dụng đồ thị để minh họa cho câu trả lời của mình.
7. Hãy trình bày các hạn chế của mô hình định giá để đạt lợi nhuận tối đa.
8. Độ co giãn nhu cầu theo giá là gì? Vì sao việc tìm hiểu về độ co giãn nhu cầu theo giá là quan trọng đối với các quyết định về giá bán?
9. “Việc tìm ra được một phương pháp định giá tốt nhất là một sự đánh đổi giữa lợi ích và chi phí”. Hãy giải thích câu phát biểu này.
10. Trình bày công thức xác định giá bán dựa trên phương pháp định giá cộng thêm vào chi phí. Khi áp dụng công thức này trong định giá, những loại chi phí nào có thể được sử dụng là thành phần chi phí trong công thức này?
11. Hãy trình bày các lợi ích của việc xác định giá bán dựa trên chi phí biến đổi (chi phí biến đổi được sử dụng làm thành phần chi phí nền trong công thức định giá bán).
12. Hãy giải thích khái niệm “Định giá để đạt được sức sinh lời trên vốn đầu tư mong muốn”.
13. Hãy trình bày phương pháp định giá bán dựa trên thời gian lao động và nguyên liệu sử dụng.
14. Hãy giải thích tầm quan trọng của vấn đề còn thừa năng lực hoạt động trong việc định giá đấu thầu cạnh tranh.
15. Hãy trình bày hai phương pháp định giá sản phẩm mới: phương pháp định giá thoáng (skimming pricing) và phương pháp định giá thâm nhập (penetration pricing).

Bài tập

Bài tập 1. Số liệu về chi phí, vốn đầu tư và mức sản lượng dự kiến của công ty sản xuất lò nướng bánh như sau:

Chi phí biến đổi đơn vị (AVC) =	\$10
Chi phí cố định (FC) =	\$300.000
Sản lượng dự kiến (Q_E) =	50.000
Vốn đầu tư (tổng tài sản) =	\$1.000.000

Yêu cầu:

1. Tính chi phí bình quân. Xác định giá bán cho một sản phẩm lò nướng bánh để công ty có thể đạt được tỷ lệ hoàn vốn ROI là 20%.
2. Giả sử rằng, nhu cầu tiêu thụ sản phẩm của công ty được xác định theo quy luật như sau:

$$Q = 100.000 - 3.000P$$

Với giá bán đã thiết lập (ở câu a) thì công ty tiêu thụ được bao nhiêu sản phẩm lò nướng. Lúc này tổng doanh thu, tổng chi phí và lợi nhuận của công ty là bao nhiêu. Tính suất thu lợi ROI mà công ty đạt được lúc này.

3. Xác định điểm bán tối ưu (Q^* , P^*) cho công ty (điểm bán đạt lợi nhuận tối đa). Lợi nhuận tối đa công ty đạt được là bao nhiêu?
4. Vẽ đồ thị của hàm chi phí cận biên (MC), doanh thu cận biên (MR) và hàm cầu $P = D(Q)$ trên cùng một hệ trục tọa độ vuông góc. Xác định giao điểm của đường MC và MR. Từ đó, xác định điểm bán tối ưu cho công ty trên đồ thị này.

Bài tập 2. Số liệu về chi phí và tình hình sản xuất sản phẩm X tại một công ty được ghi nhận như sau:

Chi phí sản xuất biến đổi	\$400
Chi phí sản xuất cố định phân bổ	250
Chi phí bán hàng và quản lý biến đổi	50
Chi phí bán hàng và quản lý cố định	100

Các chi phí này là chi phí tính cho một đơn vị sản phẩm và được ước tính cho mức sản xuất và tiêu thụ 480 sản phẩm mỗi năm. Lợi nhuận mục tiêu của công ty là \$60.000.

Yêu cầu: Hãy xác định mức cộng thêm vào chi phí và xác định giá bán sản phẩm, bằng cách sử dụng công thức xác định giá bán cộng thêm vào chi phí trong các trường hợp:

1. Thành phần chi phí trong công thức định giá là chi phí biến đổi đơn vị.
2. Thành phần chi phí trong công thức định giá là chi phí sản xuất đơn vị.
3. Thành phần chi phí trong công thức định giá là chi phí đơn vị.

Bài tập 3. Số liệu về chi phí sản xuất dự kiến loại sản phẩm A của công ty M trong năm 2000 như sau:

Chi phí/1 sản phẩm	Số tiền (đồng)
Nguyên vật liệu trực tiếp	75.000
Lao động trực tiếp	60.000
Sản xuất chung khả biến	5.000
Sản xuất chung bất biến	40.000
Chi phí lưu thông và quản lý khả biến	10.000
Chi phí lưu thông và quản lý bất biến	30.000

Sản lượng sản xuất và tiêu thụ ước tính trong năm là 5.000 sản phẩm. Vốn hoạt động bình quân là 500.000.000 đồng. Công muốn đạt được sức sinh lời trên vốn đầu tư $ROI = 20\%$.

Yêu cầu:

1. Công ty phải bán sản phẩm với giá bao nhiêu? Thiết lập các công thức tính giá cho công ty theo 3 cách:
 - a. Sử dụng chi phí đơn vị làm chi phí nền.
 - b. Sử dụng chi phí sản xuất làm chi phí nền.
 - c. Sử dụng chi phí khả biến làm chi phí nền.
2. Giả thiết rằng, năng lực sản xuất tối đa của công ty là $Q_{max} = 7.000$ sản phẩm mỗi năm. Công ty nhận được một đơn đặt hàng từ nước ngoài với lượng cần mua là 1.500 sản phẩm, với mức giá là 180.000 đồng/1 sản phẩm (giá FOB). Công ty có chấp nhận đơn hàng này không? Giải thích tại sao?

Bài tập 4. Số liệu chi phí của sản phẩm X được thu thập tại Công ty ABC như sau:

Chi phí sản xuất biến đổi	\$250
Chi phí sản xuất cố định phân bổ	50
Chi phí bán hàng và quản lý biến đổi	60
Chi phí bán hàng và quản lý cố định	?

Để thiết lập mức giá bán là \$450/sản phẩm, công ty xác định mức cộng thêm vào chi phí đơn vị là 12.5%.

Yêu cầu:

1. Chi phí bán hàng và quản lý cố định phân bổ cho mỗi đơn vị sản phẩm là bao nhiêu?
2. Thiết lập công thức xác định giá bán sản phẩm sao cho mức giá được xác lập là \$450/sản phẩm. Xét các trường hợp:
 - a. Chi phí nền là chi phí sản xuất đơn vị.
 - b. Chi phí nền là chi phí biến đổi đơn vị.

Bài tập 5. Công ty X, chuyên cung cấp dịch vụ sửa chữa ô tô. Bộ phận sửa chữa của công ty nhận được một đơn hàng sửa chữa từ khách hàng Y.

Số liệu liên quan đến tình hình hoạt động của bộ phận sửa chữa như sau:

Đơn giá lao động (bao gồm cả phụ cấp)	\$18.00/giờ
Tổng số giờ lao động trong năm	10.000 giờ
Chi phí chung trong năm:	
Quản lý và lưu trữ NVL	\$40.000

Chi phí chung khác (tiện ích, bảo hiểm, khấu hao, lương gián tiếp...)	\$200.000
Chi phí phụ tùng sử dụng trong năm	\$1.000.000

Công ty ước tính rằng, công việc sửa chữa ô tô cho khách hàng Y cần \$8.000 chi phí phụ tùng và 200 giờ lao động để hoàn thành. Công ty X yêu cầu một mức lời tính cho một giờ lao động là \$7 và mức cộng thêm vào chi phí nguyên liệu của công việc (bao gồm cả chi phí quản lý và lưu trữ nguyên liệu) là 5%.

Yêu cầu

- Viết công thức xác định mức giá tính cho yếu tố nguyên vật liệu sử dụng cho công việc sửa chữa.
- Xác định mức giá tính cho dịch vụ sửa chữa ô tô cho khách hàng Y.

Bài tập 6. SH là công ty chuyên lắp đặt hệ thống lò sưởi cho các ngôi nhà mới. Công ty định giá cho dịch vụ của dịch bằng phương pháp định giá theo thời gian và nguyên liệu sử dụng. Các số liệu ước tính cho hoạt động của công ty trong năm 2005 như sau:

Đơn giá lao động (bao gồm cả phụ cấp)	\$16.00/giờ
Tổng số giờ lao động trong năm	12.000 giờ
Chi phí chung trong năm:	
Quản lý và lưu trữ NVL	\$25.000
Chi phí chung khác (tiện ích, bảo hiểm, khấu hao, lương gián tiếp,...)	\$108.000
Chi phí phụ tùng sử dụng trong năm	\$250.000

Công ty yêu cầu một mức lợi nhuận tính cho một giờ lao động là \$4, nhưng không tính mức cộng thêm vào chi phí nguyên liệu sử dụng.

Nhà quản lý của công ty đang tính toán mức giá tính cho một công việc cần sử dụng 400 giờ lao động và sử dụng hết \$60.000 nguyên liệu và phụ tùng.

Yêu cầu

- Viết các công thức xác định mức giá tính cho thành phần lao động và mức giá tính cho thành phần nguyên liệu.
- Xác định mức giá tính cho công việc nêu trên.
- Mức giá tính cho công việc sẽ như thế nào nếu công ty cộng thêm mức lời 15% tính trên chi phí nguyên liệu và phụ tùng sử dụng (bao gồm cả chi phí quản lý và lưu trữ nguyên liệu)? (Nguồn: Hilton, 1991).

Chương 10: DỰ TOÁN VỐN ĐẦU TƯ

1. Khái niệm về đầu tư

Đầu tư là một khái niệm gắn liền với việc sử dụng vốn hiện tại nhằm mục đích nhận được lợi ích mong muốn trong tương lai dài hạn. Trên quan điểm tài chính và kinh tế, đầu tư có thể được định nghĩa là sự cam kết dài hạn các nguồn lực kinh tế với mục đích là tạo ra và thu nhận lợi nhuận trong tương lai. Khía cạnh cốt lõi của sự cam kết này là sự chuyển đổi các nguồn lực kinh tế (vốn riêng của chủ sở hữu và vốn vay) thành các tài sản sinh lợi, thể hiện qua các khoản đầu tư vào tài sản cố định và vốn lưu động ròng (Hiền, 2004). Các quyết định đầu tư thường liên quan đến dòng tiền qua nhiều năm (Hilton, 1991).

Quyết định sàng lọc là những quyết định chỉ liên quan đến một dự án, xét xem dự án này có thỏa mãn được các tiêu chuẩn đã đề ra hay không.

Quyết định ưu tiên là những quyết định liên quan đến sự lựa chọn từ nhiều phương án khác nhau.

2. Lãi tức và tính toán lãi tức

a. Lãi tức và lãi suất

Giá trị theo thời gian của tiền được biểu hiện thông qua lãi tức. Lãi tức là lượng tăng lên từ số vốn gốc đem đầu tư ban đầu (hay cho vay) đến số vốn tích lũy được cuối cùng:

$$\text{Lãi tức} = \text{Tổng số vốn tích lũy (cuối cùng)} - \text{Vốn đầu tư ban đầu}$$

Khi lãi tức biểu thị theo tỷ lệ phần trăm đối với số vốn ban đầu cho một đơn vị thời gian thì được gọi là lãi suất. Lãi suất thường được biểu thị theo khoảng thời gian tính lãi là một năm. Tuy vậy, người ta cũng tính lãi theo thời đoạn quý, tháng...

$$\text{Lãi suất} = (\text{Lãi tức trong một đơn vị thời gian} / \text{vốn gốc}) * 100\%$$

b. Lãi tức đơn và lãi tức ghép

Lãi tức đơn (Simple interest): Lãi tức chỉ tính theo số vốn gốc mà không tính thêm lãi tức tích lũy phát sinh từ tiền lãi ở các thời đoạn trước. Công thức lãi tức đơn như sau:

$$SI = P.r.N$$

Trong đó:

P: Số vốn đầu tư (cho vay) ban đầu.

r: Lãi suất đơn.

N: Số thời đoạn trước khi thanh toán (rút vốn).

Lãi tức ghép (Compound Interest): Lãi tức ở mỗi thời đoạn được tính theo số vốn gốc và cả số tiền lãi tích lũy được trong các thời đoạn trước đó được gọi là lãi tức ghép. Như vậy, lãi tức ghép phản ánh được hiệu quả giá trị theo thời gian của đồng tiền cho cả phần tiền lãi trước đó. Cách tính lãi tức ghép này thường được sử dụng trong việc giải quyết các vấn đề tài chính thực tế và trong phân tích đầu tư.

$$\text{Lãi tức ghép} = P[(1+i)^N - 1]$$

Trong đó:

P: Số vốn đầu tư (cho vay) ban đầu.

N: Số thời đoạn trước khi thanh toán (rút vốn).

i: Lãi suất ghép/thời đoạn.

c. Lãi suất danh nghĩa và lãi suất hiệu dụng

Lãi suất danh nghĩa (nominal rate). Lãi suất danh nghĩa là mức lãi suất được công bố hoặc niêm yết (Brigham and Houston, 2001).

Lãi suất hiệu dụng (effective rate). Chúng ta có thể hiểu rằng, lãi suất hiệu dụng là mức lãi suất thực tế có được sau khi điều chỉnh lãi suất danh nghĩa theo số lần ghép lãi (Nguyễn Ninh Kiều, 2006). Lãi suất hiệu dụng có thể được xác định bằng công thức tổng quát như sau:

$$i = \left(1 + \frac{r}{m_1}\right)^{m_2} - 1$$

Trong đó:

i : Lãi suất hiệu dụng trong một thời đoạn tính toán.

r: Lãi suất danh nghĩa trong thời đoạn phát biểu.

m_1 : Số thời đoạn ghép lãi trong một thời đoạn phát biểu.

m_2 : Số thời đoạn ghép lãi trong một thời đoạn tính toán.

3. Phương pháp quy đổi tương đương

Để thuận lợi cho việc nghiên cứu, chúng ta quy ước các ký hiệu sau đây:

PV: Giá trị hoặc tổng số tiền ở một mốc thời gian quy ước nào đó được gọi là hiện tại. Thuật ngữ “hiện tại” ở đây chỉ có tính tương đối.

FV: Giá trị hoặc tổng số tiền ở một mốc thời gian quy ước nào đó được gọi là tương lai. Thuật ngữ “tương lai” ở đây chỉ có tính tương đối.

AV: Một chuỗi các giá trị tiền tệ có trị số bằng nhau ở cuối các thời đoạn 1, 2, 3,... và kéo dài trong một số thời đoạn. (còn được gọi là dòng niên kim đều).

N: Số thời đoạn (năm, quý...).

i: Lãi suất (luôn luôn hiểu theo nghĩa là lãi suất ghép nếu không có ghi chú) hay lãi tức trong một thời đoạn tính lãi, thường biểu thị theo %. I còn được gọi là suất chiết tính.

a. Giá trị tương lai của một khoản tiền hiện tại

$$FV = PV(1 + i)^N$$

Ký hiệu: $(1 + i)^N = (F/P, i\%, N)$, và gọi là “Hệ số giá trị tích lũy đơn” (Single Payment Compound Amount Factor: SPCAF).

b. Giá trị hiện tại của một khoản tiền tương lai

$$P = F \left(\frac{1}{1 + i} \right)^N$$

Ký hiệu: $1/(1+i)^N = (P/F, i\%, N)$ và gọi là “Hệ số giá trị hiện tại đơn” (Single Payment Present Worth Factor: SPPWF).

c. Giá trị tương lai của dòng tiền đều

Với chuỗi dòng tiền đều AV, giá trị tương đương FV của nó ở cuối thời đoạn thứ N sẽ là:

$$FV = AV(1+i)^{N-1} + AV(1+i)^{N-2} + \dots + AV(1+i) + AV$$

$$FV = AV[1 + (1+i) + (1+i)^2 + \dots + (1+i)^{N-1}]$$

hay

$$FV = AV \left(\frac{(1+i)^N - 1}{i} \right)$$

Ký hiệu: $[(1+i)^N - 1]/i = (F/A, i\%, N)$ và gọi là “Hệ số giá trị tích lũy chuỗi phân bố đều” (Uniform Series Compound Amount Factor: USCAF).

Ngược lại, chúng ta có thể quy đổi một khoản tiền trong tương lai (FV) thành một chuỗi dòng tiền đều bằng công thức:

$$AV = FV \left(\frac{i}{(1+i)^N - 1} \right)$$

Ký hiệu: $i/[(1+i)^N - 1] = (A/F, i\%, N)$, và gọi là “Hệ số vốn chìm” (Sinking Fund Factor: SFF).

d. Giá trị hiện tại của dòng tiền đều

Dựa vào các biểu thức tính PV từ FV và công thức tính FV từ AV ta có:

$$PV = AV \left[\frac{(1+i)^N - 1}{i} \right] \left[\frac{1}{(1+i)} \right]^N = AV \left[\frac{(1+i)^N - 1}{i(1+i)^N} \right]$$

Ký hiệu: $[(1+i)^N - 1]/[i(1+i)^N] = (P/A, i\%, N)$, và gọi là “Hệ số giá trị hiện tại chuỗi phân bố đều” (Uniform Series Present Worth Factor: USPWF).

Ngược lại, chúng ta có thể quy đổi một khoản tiền ở hiện tại (PV) thành một chuỗi dòng tiền đều bằng công thức:

$$AV = PV \left[\frac{i(1+i)^N}{(1+i)^N - 1} \right]$$

Ký hiệu: $[i(1+i)^N]/[(1+i)^N - 1] = (A/P, i\%, N)$, và gọi là “Hệ số hoàn trả vốn” (Capital Recovery Factor: CRF).

Nhằm đơn giản thủ tục tính các giá trị tương đương khi ghép lãi rời rạc, người ta lập sẵn các bảng tính các hệ số quy đổi tương đương. Khi có số thời đoạn N và giá trị lãi suất i ta có thể tìm các hệ số quy đổi tương ứng của chúng.

4. Ước lượng dòng tiền

Dòng tiền hay còn gọi là ngân lưu (cash-flows) của dự án là một chuỗi các khoản thu chi xảy ra qua một số thời kỳ nhất định (ví dụ, trong suốt tuổi thọ kinh tế của dự án).

Dòng tiền ròng (hay còn gọi là ngân lưu ròng) của dự án là chênh lệch giữa dòng tiền vào (khoản thu) và dòng tiền ra (khoản chi).

$$\begin{aligned} \text{Dòng tiền ròng của dự án} &= \text{Dòng tiền ròng hoạt động} \\ &+ \text{Dòng tiền ròng đầu tư} \\ &+ \text{Dòng tiền ròng tài trợ} \end{aligned}$$

Để ước lượng dòng tiền, chúng ta có thể sử dụng hai phương pháp: phương pháp trực tiếp và phương pháp gián tiếp. Hai phương pháp này chỉ khác nhau trong việc ước lượng dòng tiền hoạt động. Dòng tiền đầu tư và dòng tiền tài trợ luôn được xác định bằng phương pháp trực tiếp, tức lấy khoản thu (dòng tiền vào) trừ khoản chi (dòng tiền ra).

Phương pháp trực tiếp: Theo phương pháp này dòng tiền hoạt động của dự án được xác định trực tiếp dựa trên dòng tiền thu vào từ các hoạt động dự án và dòng tiền chi ra cho các hoạt động của dự án.

$$\text{Dòng tiền ròng} = \text{Dòng tiền thu vào} - \text{Dòng tiền chi ra}$$

Phương pháp gián tiếp: Theo phương pháp này, dòng tiền hoạt động của dự án được xác định bắt đầu từ lợi nhuận sau thuế và điều chỉnh cho khấu hao, sự thay đổi nhu cầu vốn lưu động.

$$\text{Dòng tiền ròng} = \text{Lợi nhuận sau thuế} + \text{Khấu hao} \pm \text{Thay đổi vốn lưu động}$$

5. Phân tích và lựa chọn dự án

5.1. Phương pháp giá trị hiện tại

Giá trị hiện tại của dự án còn được gọi là hiện giá ròng (Net Present Value - NPV) chính là tổng dòng tiền ròng của dự án đã được chiết khấu về gốc hiện tại theo một suất chiết khấu được yêu cầu.

$$NPV = \sum_{t=0}^N \frac{NCF_t}{(1+i)^t}$$

Trong đó:

NPV ký hiệu cho giá trị hiện tại ròng của dự án.

NCF_t là dòng tiền ròng năm t , i là suất chiết khấu của dự án.

N là thời kỳ phân tích hoặc là tuổi thọ kinh tế của dự án.

Tiêu chuẩn đánh giá dự án theo NPV

- Đối với một dự án độc lập

+ Khi NPV của dự án bé hơn không ($NPV < 0$): Bác bỏ dự án.

+ Khi NPV của dự án lớn hơn không ($NPV \geq 0$): Chấp nhận dự án.

- **Đối với các dự án loại trừ nhau**

Trong tình huống không bị giới hạn về ngân sách nhưng phải chọn một dự án trong số các dự án loại trừ nhau, với cùng một lãi suất chiết khấu dự án nào đem lại lợi ích cao nhất sẽ là dự án được lựa chọn thực hiện. Như vậy, tiêu chuẩn hiệu quả trong trường hợp này là cực đại giá trị hiện tại ròng.

5.2. Phương pháp sức sinh lời nội bộ

Sức sinh lời nội bộ (Internal Rate of Return-IRR) chính là mức lãi suất mà nếu dùng nó làm suất chiết khấu để quy đổi dòng tiền của dự án về giá trị hiện tại thì giá trị hiện tại của các khoản thu (PV_R) của dự án sẽ cân bằng với giá trị hiện tại của các khoản chi (PV_C) của dự án. Nói một cách khác, suất thu lợi nội tại của một dự án là suất chiết khấu làm cho hiện giá ròng (NPV) của một dự án bằng không.

IRR của một dự án được xác định bằng cách giải phương trình sau:

$$NPV = \sum_{t=0}^N \frac{NCF_t}{(1+i)^t} = 0$$

Trong đó:

NCF_t là dòng tiền năm t .

N là tuổi thọ kinh tế của dự án. Nghiệm i thỏa mãn phương trình trên đây chính là sức sinh lời nội bộ của dự án.

Tính toán IRR bằng phương pháp thử công: Người phân tích thường chọn hai giá trị của suất chiết khấu: một suất chiết khấu i_1 đủ nhỏ để hiện giá ròng của dự án tại suất chiết khấu này (NPV_1) lớn hơn không ($NPV_1 > 0$), và một suất chiết khấu i_2 đủ lớn để hiện giá ròng của dự án tại suất chiết khấu này (NPV_2) bé hơn không ($NPV_2 < 0$). Như vậy, suất thu lợi nội bộ - IRR của dự án là một giá trị nằm giữa hai giá trị i_1 và i_2 ($i_1 < IRR < i_2$). Sử dụng phương pháp nội suy, chúng ta sẽ xác định được giá trị IRR của dự án.

$$IRR = i_1 + (i_2 - i_1) \frac{NPV_1}{NPV_1 + |NPV_2|}$$

Tiêu chuẩn đánh giá dự án theo IRR

- *Đối với việc thẩm định một dự án độc lập*

$IRR \geq MARR \rightarrow$ dự án là đáng giá

$IRR < MARR \rightarrow$ dự án không đáng giá

- *Đối với việc so sánh các dự án loại trừ nhau*

Khi đánh giá và so sánh các dự án loại trừ nhau theo sức sinh lời nội bộ (IRR), cần phải tuân theo các nguyên tắc sau đây:

Nguyên tắc 1: Bất kỳ dự án nào có IRR bé hơn MARR có thể loại bỏ ngay.

Nguyên tắc 2: So sánh phương án có đầu tư ban đầu lớn hơn với phương án có vốn đầu tư nhỏ hơn chỉ khi phương án có đầu tư nhỏ hơn là đáng giá, nghĩa là phương án đó phải có $IRR \geq MARR$.

Nguyên tắc 3: Tiêu chuẩn để lựa chọn phương án là: chọn phương án đầu tư ban đầu lớn hơn nếu gia số vốn đầu tư là đáng giá, nghĩa là $IRR(\Delta) \geq MARR$. Nếu gia số đầu tư không đáng giá ($IRR(\Delta) < MARR$), dự án có vốn đầu tư bé hơn sẽ được chọn với điều kiện bản thân dự án đó là đáng giá.

5.3. Phương pháp thời gian hoàn vốn

a. Thời gian hoàn vốn không chiết khấu

Theo cách tính toán đơn giản, thời gian hoàn vốn (payback period - T_p) là số năm cần thiết để dòng tiền ròng chưa chiết khấu bù đắp toàn bộ vốn đầu tư của dự án. Thời gian hoàn vốn không chiết khấu được xác định qua biểu thức sau:

$$C_0 = \sum_{t=1}^{T_p} NCF_t$$

Trong đó:

C_0 là vốn đầu tư ban đầu.

NCF_t là dòng tiền ròng ở thời đoạn t .

Chúng ta có thể sử dụng công thức sau đây:

$$T_p = n + \frac{\left| \sum_{t=0}^n NCF_t \right|}{NCF_{n+1}}$$

Trong đó, n là số năm để dòng tiền tích lũy của dự án bé hơn không (<0), nhưng dòng tiền tích lũy đến năm $n+1$ sẽ lớn hơn không (>0).

b. Thời gian hoàn vốn chiết khấu

Công thức tính toán thời gian hoàn vốn có chiết khấu tương tự như công thức tính thời gian hoàn vốn không chiết khấu, nhưng dựa trên dòng tiền đã chiết khấu theo một lãi suất chiết khấu (i) được lựa chọn.

$$C_0 = \sum_{t=1}^{T_p} \frac{NCF_t}{(1+i)^t}$$

Tiêu chuẩn ra quyết định lựa chọn dự án theo thời gian hoàn vốn

Thời gian hoàn vốn của dự án phải ngắn hơn thời gian hoàn vốn được yêu cầu. Trong so sánh dự án, dự án nào có thời gian hoàn vốn ngắn hơn, dự án đó được đánh giá cao hơn.

PHẦN II: CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

Câu hỏi trắc nghiệm

1. Tỷ suất sinh lời yêu cầu/Tỷ suất sinh lời tối thiểu chấp nhận được (MARR) của một dự án đầu tư thường được xác định căn cứ vào chi phí sử dụng vốn của công ty và mức độ rủi ro của dự án đầu tư đó.

a. Đúng

b. Sai

2. Trong đánh giá dự án đầu tư, phương pháp sức sinh lời nội bộ (IRR) là một phương pháp tính toán các khoản lợi ích ròng của một dự án bằng cách chiết khấu tất cả các khoản thu, chi dự kiến trong tương lai về thời điểm hiện tại.

a. Đúng

b. Sai

3. Chi phí đầu tư ban đầu một thiết bị sản xuất không bao gồm các khoản tiền chi ra cho việc vận chuyển và lắp đặt thiết bị.

a. Đúng

b. Sai

4. Trong đánh giá dự án, phương pháp giá trị hiện tại thật sự hữu ích khi một doanh nghiệp không yêu cầu một tỷ suất sinh lời cụ thể cho từng năm trong suốt thời kỳ hoạt động của dự án.

a. Đúng

b. Sai

5. Phương pháp thời gian hoàn vốn đo lường thời gian cần thiết để dòng tiền của dự án bù đắp được toàn bộ số tiền đầu tư trong một dự án.

a. Đúng

b. Sai

6. Sức sinh lời nội bộ (IRR) là mức lãi suất (chiết khấu) làm cân bằng giá trị hiện tại của dòng thu tiền và giá trị hiện tại của dòng chi tiền của một dự án.

a. Đúng

b. Sai

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp không ảnh hưởng lớn đến các khoản thu và các khoản chi tiền của một dự án.

a. Đúng

b. Sai

8. Khấu hao không phải là một khoản chi tiền, do vậy khấu hao không ảnh hưởng đến dòng tiền ròng sau thuế của một dự án.

a. Đúng

b. Sai

9. Khấu hao làm giảm khoản tiền chi ra để nộp thuế, do vậy khấu hao làm tăng dòng tiền ròng của doanh nghiệp.

a. Đúng

b. Sai

10. Thuế thu nhập doanh nghiệp không ảnh hưởng đến thời gian của dòng tiền của dự án.

a. Đúng

b. Sai

11. Các công ty có thể thay đổi thời gian hoàn vốn yêu cầu khi nó được sử dụng làm một tiêu chí lựa chọn dự án để phản ánh các mức độ rủi ro khác nhau của dự án.

a. Đúng

b. Sai

12. Nếu dự án A được chấp nhận theo tiêu chuẩn giá trị hiện tại ròng (NPV) thì cũng sẽ được chấp nhận theo tiêu chuẩn tỷ suất sinh lời nội bộ (IRR).

a. Đúng

b. Sai

13. Lãi suất danh nghĩa là 8%/năm, ghép lãi theo tháng thì lãi suất hiệu dụng của một năm là 8,12%.

a. Đúng

b. Sai

14. Một người gửi 1.000.000.000 đồng vào tài khoản tiền gửi tiết kiệm với lãi suất 6%/năm, ghép lãi hàng tháng.

Sau thời gian gửi tiết kiệm 2 năm, người này nhận về được một khoản tiền (cả vốn gốc và lãi) là 1.127.159.776 đồng. (ghi chú: kết quả được làm tròn đến hàng đơn vị)

a. Đúng

b. Sai

Câu hỏi tự luận

1. Dự toán vốn đầu tư là gì? Nêu các quyết định đầu tư liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp?

2. Phân biệt giữa quyết định sàng lọc và quyết định ưu tiên?

3. Hãy giải thích khái niệm “giá trị theo thời của tiền tệ” Vì sao khái niệm này quan trọng trong phân tích các dự án đầu tư?

4. Lãi suất ghép (compound interest) là gì? Cho một ví dụ minh họa.

5. Hãy phân biệt khái niệm lãi suất danh nghĩa (nominal rate) và lãi suất thực (effective rate)? Cho ví dụ minh họa.
6. Hãy giải thích các thành phần trong công thức sau: $FV_n = PV(1+i)^n$.
7. Định nghĩa khái niệm giá trị hiện tại (present value).
8. “Suất chiết khấu càng cao, giá trị hiện tại của một dòng tiền trong tương lai càng lớn”. Câu phát biểu này đúng hay sai? Giải thích câu trả lời của bạn.
9. “Nếu lãi suất là 10%, 100 triệu đồng hôm nay sẽ có giá trị kinh tế tương đương 161,05 triệu đồng vào thời điểm năm năm sau”. Hãy giải thích câu phát biểu này.
10. Phương pháp phân tích dòng tiền chiết khấu là gì? Nêu tên các phương pháp phân tích dòng tiền chiết khấu được sử dụng phổ biến.
11. Trình bày phương pháp tính giá trị hiện tại ròng (NPV) của một dự án đầu tư.
12. Suất thu lợi nội bộ (IRR) của một dự án là gì? Trình bày phương pháp tính IRR của một dự án?
13. Trình bày nguyên tắc chấp nhận hoặc bác bỏ một dự án đầu tư theo các phương pháp đánh giá sau: (a) Phương pháp NPV và (b) Phương pháp IRR.
14. Khi đánh giá một dự án, phương pháp NPV và phương pháp IRR đều dẫn đến cùng một kết luận là chấp nhận hoặc bác bỏ dự án? Hãy giải thích điều này. Bạn có thể sử dụng công thức toán học hoặc đồ thị để minh họa cho phần giải thích của mình.
15. Khi đánh giá và so sánh hai dự án đầu tư, phương pháp NPV và IRR có thể cho kết quả trái ngược nhau. Bạn có thể cho biết một số nguyên nhân của tình huống này.
16. Trình bày nguyên tắc và phương pháp so sánh các dự án đầu tư theo phương pháp IRR?
17. Hãy liệt kê và giải thích các ưu điểm của phương pháp NPV so với phương pháp IRR.
18. Hãy trình bày các giả thiết được sử dụng trong phương pháp phân tích dòng tiền chiết khấu.
19. Trình bày một cách ngắn gọn các kỹ thuật được sử dụng phổ biến trong trường hợp dòng tiền của dự án không chắc chắn.
20. Trình bày phương pháp xác định thời gian hoàn vốn không chiết khấu và thời gian hoàn vốn có chiết khấu của một dự án. Phương pháp thời gian hoàn vốn có những nhược điểm gì?
21. Trình bày phương pháp tính toán suất thu lợi bình quân trên giá trị sổ sách kế toán? Suất thu lợi này khác với suất thu lợi nội bộ IRR ở điểm nào?
22. Suất chiết khấu (discount rate) được sử dụng trong phân tích dự án là gì? Trình bày phương pháp tính toán và lựa chọn suất chiết khấu.
23. Theo bạn, khi dự án có độ rủi ro cao, người phân tích sẽ chọn suất chiết khấu cao hay thấp? Vì sao?

24. Hãy trình phương pháp xác định dòng tiền sau thuế (theo phương pháp gián tiếp) của một dự án? Việc ước lượng dòng tiền của dự án là rất khó khăn, vì sao?
25. Trình phương pháp tính khấu hao tài sản theo các mô hình khấu hao sau: (a) Mô hình khấu hao đều; (b) Mô hình khấu hao theo kết số giảm dần; (c) Mô hình khấu hao theo sản lượng.
26. Chi phí khấu hao ảnh hưởng như thế nào đến dòng tiền của dự án?
27. Chỉ số lợi nhuận (PI) là gì? Chỉ số lợi nhuận được sử dụng để đánh giá và sắp hạng các dự án như thế nào?

Bài tập

Bài tập 1. Hãy trả lời các câu hỏi sau đây:

1. Một khoản vay có lãi suất 12%/năm, ghép lãi theo tháng. Lãi suất thực của thời đoạn một năm là bao nhiêu?
2. Hãy tính lãi suất thực hàng tháng và lãi suất thực hàng năm của một khoản vay với lãi suất danh nghĩa là 12%/năm.
3. Một khoản vay có lãi suất 12%/năm, ghép lãi theo quý. Hỏi lãi suất thực của thời đoạn 2 năm là bao nhiêu?
4. Lãi suất 12%/năm, ghép lãi theo quý. Hỏi lãi suất thực hàng tháng là bao nhiêu?
5. Lãi suất 8%/năm, ghép lãi nửa năm. Hỏi lãi suất hàng tháng là bao nhiêu?

Bài tập 2. Hãy trả lời các câu hỏi sau:

1. Giá trị lúc đáo hạn của một khoản đầu tư 100 triệu đồng trong 5 năm là bao nhiêu, nếu lãi suất đầu tư 8%/năm ghép lãi theo quý?
2. Giá trị hiện tại của số tiền 450 triệu nhận được sau 6 năm là bao nhiêu nếu lãi suất là 10%/năm, ghép lãi theo quý?
3. Lãi suất danh nghĩa hàng năm là bao nhiêu để một đầu tư hôm nay là 450 triệu trở thành 538 triệu sau 3 năm? Biết rằng, thời đoạn ghép lãi là quý.
4. Sau bao lâu thì một khoản đầu tư \$10.000 tỷ đồng sẽ trở thành \$22.609,03 với lãi suất 12%/năm, ghép lãi 6 tháng?
5. Một người phải gửi vào ngân hàng hôm nay số tiền bao nhiêu để nhận được 3 triệu đồng hàng tháng trong 10 năm với lãi suất 8%/năm, ghép lãi theo quý.
6. Một người hàng quý gửi tiết kiệm 3 triệu đồng trong suốt 10 năm, với lãi suất 8%/năm ghép lãi theo quý. Số tiền người này nhận được sau 10 năm sẽ là bao nhiêu?
7. Bạn ký kết một hợp đồng vay thế chấp 900 triệu với lãi suất 8%/năm, ghép lãi theo tháng. Số tiền bạn phải trả hàng tuần là bao nhiêu nếu khoản vay được hoàn trả trong 20 năm?
8. Một người lập kế hoạch sẽ mua một chiếc ô tô có giá trị 600 triệu đồng sau 5 năm. Hàng năm người này phải gửi tiết kiệm bao nhiêu với mức lãi suất

8%/năm, ghép lãi theo quý để tích lũy được số tiền 600 triệu đồng sau thời đoạn 5 năm?

Bài tập 3. Hiện nay bạn 25 tuổi. Bạn vạch kế hoạch sẽ nghỉ hưu ở tuổi 50. Bạn mong muốn sẽ tích lũy được một số tiền vào thời điểm bạn nghỉ hưu sao cho bạn có thể rút 5 triệu đồng mỗi tháng trong khoảng thời gian 40 năm tính từ thời điểm nghỉ hưu. Kế hoạch của bạn là sẽ bắt đầu gửi tiền vào tài khoản tiết kiệm ở ngân hàng từ thời điểm bây giờ cho đến năm bạn 49 tuổi, theo đó mỗi tháng bạn sẽ gửi vào tài khoản tiết kiệm một lượng tiền cố định. Lãi suất bạn được hưởng là 0,8%/tháng.

Yêu cầu:

1. Lượng tiền bạn cần phải tích lũy được trong tài khoản tiết kiệm là bao nhiêu tính đến thời điểm bạn nghỉ hưu?
2. Mỗi tháng, bạn phải gửi vào ngân hàng bao nhiêu tiền để tích lũy được số tiền theo yêu cầu?
3. Bài toán trên đây thuộc dạng bài toán tính toán giá trị hiện tại hay giá trị tương lai? Giải thích.

Bài tập 4. Công ty đang xem xét mua một thiết bị mới để thay thế cho thiết bị cũ đang sử dụng. Giá mua thiết bị mới là 200 triệu đồng và chi phí lắp đặt, chạy thử là 50 triệu đồng. Thiết bị này có thời gian sử dụng là 10 năm. Nhân viên kế toán quản trị của công ty ước tính rằng, việc đưa thiết bị mới này vào sử dụng sẽ tiết kiệm được chi phí vận hành hàng năm 50 triệu đồng so với thiết bị cũ. Thiết bị cũ cũng sẽ sử dụng được thêm 10 năm nữa. Giá sử dụng vốn của công ty là 8%.

Yêu cầu:

1. Hãy tính giá trị hiện tại ròng - NPV của dự án đầu tư vào thiết bị mới. Dự án này có đáng giá để thực hiện không?
2. Hãy tính suất thu lợi nội bộ của dự án thiết bị mới. Dự án này có đáng giá thực hiện theo tiêu chuẩn IRR không? Kết luận này có giống với kết luận khi đánh giá theo tiêu chuẩn NPV không? Giải thích vì sao?

Bài tập 5. Một thiết bị công nghệ mới có giá 1,2 tỷ đồng. Thời gian sử dụng ước tính là 10 năm và giá trị thanh lý là 200 triệu đồng. Nhờ thiết bị mới, doanh nghiệp có thể cắt giảm 240 triệu đồng chi phí vận hành hàng năm. Thiết bị này được trích khấu hao theo mô hình khấu hao đều. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 28%. Suất thu lợi tối thiểu yêu cầu của doanh nghiệp là 8%.

Yêu cầu:

1. Lập bảng dòng tiền sau thuế cho thiết bị mới này cho thời đoạn 10 năm hoạt động.
2. Thiết bị này có đáng giá để đầu tư theo tiêu chuẩn NPV không?
3. Tính IRR của dự án đầu tư vào thiết bị này và đánh giá xem thiết bị mới này có đáng giá đầu tư không?

Bài tập 6. Một nhà đầu tư kinh doanh bất động sản dự kiến mua một biệt thự với giá 3,5 tỷ đồng. Doanh thu hàng năm trước thuế ước tính là 280 triệu đồng, có thể kéo dài trong 8 năm. Sau đó, nhà đầu tư có thể bán lại biệt thự này với giá khoảng 4,5 tỷ đồng. Chi phí vận hành hàng năm ước tính là 30 triệu đồng. Thuế suất thuế TNDN là 28%, thuế của các khoản đôi vốn là 28%.

Yêu cầu:

1. Lập bảng dòng tiền sau thuế (CFAT) trong 8 năm sở hữu ngôi biệt thự. Mô hình khấu hao đều, với thời gian cho phép trích khấu hao là 20 năm và giá trị thanh lý ước tính sau 20 năm bằng 40% giá trị ban đầu.
2. Dự án này có đáng giá để đầu tư không nếu suất thu lợi tối thiểu mong muốn là 10%.

(Nguồn: Phạm Phú, 1993)

Bài tập 7. Ban giám đốc một rạp hát đang xem xét thay thế hệ thống chiếu sáng của rạp hát. Hệ thống chiếu sáng mới có giá 850 triệu đồng. Nếu đưa vào sử dụng, hệ thống chiếu sáng mới sẽ tiết kiệm được cho rạp hát 180 triệu đồng hàng năm trong thời gian 8 năm tới.

Yêu cầu:

1. Tính giá trị hiện ròng - NPV của dự án hệ thống chiếu sáng mới theo các suất chiết khấu 8%, 10%, 12%, 14% và 16%.
2. Từ việc tính toán ở câu 1, vẽ đồ thị biểu diễn mối quan hệ của NPV theo suất chiết khấu. Dựa vào đồ thị này để xác định suất thu lợi nội bộ của dự án thay thế hệ thống chiếu sáng mới.
3. Giả sử rằng, giám đốc rạp hát không chắc chắn về khoản chi phí tiết kiệm hàng năm do hệ thống chiếu sáng mới đưa lại. Giá trị tối thiểu của khoản chi phí tiết kiệm được hàng năm là bao nhiêu để dự án hệ thống chiếu sáng mới là đáng giá thực hiện. Biết rằng, suất thu lợi tối thiểu của rạp hát là 12%.

Bài tập 8. Giám đốc một doanh nghiệp đang xem xét thay thế một thiết bị sản xuất cũ. Thiết bị cũ có giá trị còn lại bằng không (0), nhưng giá thị trường hiện nay là \$1.800. Một phương án là đầu tư một thiết bị sản xuất mới có giá mua hiện tại là \$40.000. Thiết bị mới này khi đưa vào sử dụng có khả năng tiết kiệm được chi phí hoạt động hàng năm của doanh nghiệp \$12.500. Thời gian sử dụng hữu ích của thiết bị mới là 4 năm. Doanh nghiệp sử dụng mô hình khấu hao đều. Giá trị thanh lý ước tính của thiết bị mới sau 4 năm sử dụng là \$2.000. Việc đầu tư vào thiết bị mới sẽ cần tăng thêm nhu cầu vốn lưu động \$3.000. Vốn lưu động tăng thêm sẽ được thu hồi sau 4 năm.

Nếu doanh nghiệp quyết định chấp nhận đầu tư vào thiết bị mới, việc đầu tư sẽ được tiến hành vào đầu năm 2006.

Yêu cầu:

1. Lập bảng dòng tiền của dự án đầu tư vào thiết bị mới.

2. Nếu suất thu lợi tối thiểu của doanh nghiệp là 10%, thiết bị mới có đáng giá đầu tư không? Bạn hãy sử dụng lần lượt các tiêu chuẩn NPV và tiêu chuẩn IRR để phân tích.

Bài tập 9. Bệnh viện N là một bệnh viện hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận. Ban Giám đốc bệnh viện đang xem xét một dự án mở một cơ sở khám và chữa bệnh cho bệnh nhân ngoại trú tại một thị trấn bên cạnh. Các thông tin ước lượng liên quan đến hoạt động của cơ sở khám bệnh này như sau:

- Chi phí xây dựng cơ sở khám bệnh này là 8 tỷ đồng, trong đó dòng tiền chi ra cuối năm 2005 là 4 tỷ và cuối năm 2006 là 4 tỷ. Cơ sở khám chữa bệnh này dự kiến đi vào hoạt động vào đầu tháng 1 năm 2007.
- Các thiết bị cần được trang bị cho cơ sở khám bệnh này sẽ được mua sắm vào cuối năm 2006, với tổng giá trị ước tính là 1,5 tỷ đồng.
- Chi phí tiền lương hàng năm của cơ sở này ước tính khoảng 800 triệu đồng.
- Các chi phí hoạt động khác của cơ sở ước tính khoảng 500 triệu đồng mỗi năm.
- Cơ sở khám chữa bệnh này đi vào hoạt động hy vọng sẽ gia tăng mức đóng góp của các nhà hảo tâm mỗi năm khoảng 2 tỷ đồng.
- Cơ sở khám bệnh này đi vào hoạt động hy vọng sẽ cắt giảm các chi phí hàng năm của Bệnh viện N. Mức cắt giảm chi phí ước tính là 8 tỷ đồng/năm.
- Dự kiến sẽ có một đợt đại tu và bảo trì cơ sở khám bệnh này vào cuối năm 2010, với chi phí dự kiến là 2 tỷ đồng.
- Do nhu cầu khám chữa bệnh trong vùng sẽ có sự thay đổi trong tương lai. Ban Giám đốc bệnh viện cho rằng, cơ sở khám chữa bệnh này sẽ không còn hữu ích sau năm 2015.
- Khi ngưng hoạt động, toàn bộ cơ sở khám bệnh này (bao gồm cả thiết bị y tế) có thể bán lại với giá 3 tỷ đồng vào cuối năm 2015.

Yêu cầu

1. Hãy thiết lập bảng dòng tiền của dự án mở cơ sở khám chữa bệnh mới này.
2. Với suất chiết khấu là 10%, dự án này có đáng giá thực hiện không? Bạn có thể sử dụng tiêu chuẩn NPV hoặc IRR để phân tích.

Bài tập 10. Giám đốc Công ty XYZ đang xem xét mua một thiết bị sản xuất kẹo bán tự động. Thiết bị này có giá 2,5 tỷ đồng và có thời gian sử dụng ước tính là 10 năm. Nhân viên kế toán quản trị của công ty ước tính rằng, thiết bị sản xuất mới này sẽ tăng được lợi nhuận sau thuế hàng năm của công ty 400 triệu đồng trong suốt thời gian sử dụng hữu ích.

Yêu cầu: Tính chỉ số lợi nhuận (PI) của dự án đầu tư vào thiết bị này, giả sử rằng, suất chiết khấu (sau thuế) là: (a) 8%, (b) 10%, (c) 12%.

Bài tập 11. Ban Giám đốc một ngân hàng đang xem xét lắp đặt các máy rút tiền tự động. Hệ thống máy rút tiền tự động này có giá \$124.000 và có thời gian sử dụng hữu ích là 7 năm. Nhân viên kế toán quản trị của ngân hàng ước tính rằng, việc đưa các máy rút

tiền tự động này vào hoạt động sẽ cắt giảm được \$27.000 chi phí sau thuế hàng năm (bao gồm cả chi phí thuế giảm do khấu hao) trong suốt thời gian sử dụng hữu ích của chúng. Giả sử rằng, giá trị thanh lý của các máy rút tiền tự động này bằng không (0).

Yêu cầu:

1. Tính thời gian hoàn vốn của dự án đầu tư vào các máy rút tiền tự động. Xét hai trường hợp: (a) Thời gian hoàn vốn không chiết khấu; (b) Thời gian hoàn vốn có chiết khấu.
2. Tính NVP của dự án này theo các suất chiết khấu 10%, 12% và 14%.
3. Với suất chiết khấu bao nhiêu, dự án này sẽ không đáng giá thực hiện.

Bài tập 12. Ban Giám đốc Công ty H đang xem xét xúc tiến một chương trình quảng cáo, với chi phí ban đầu ước tính khoảng 3 tỷ đồng. Chương trình quảng cáo này hy vọng sẽ làm tăng doanh thu của công ty trong 5 năm tới. Năm đầu tiên doanh thu của công ty dự kiến sẽ tăng 1,5 tỷ đồng, tương ứng với chi phí tăng thêm trong năm là 700 triệu đồng. Trong 4 năm tiếp theo, doanh thu và chi phí của công ty dự kiến sẽ gia tăng với tốc độ 10%/năm. Công ty H chịu một mức thuế thu nhập doanh nghiệp 28%.

Yêu cầu:

1. Tính thời gian hoàn vốn của chương trình quảng cáo này.
2. Theo tiêu chuẩn giá trị hiện tại (NPV), chương trình quảng cáo này có đáng giá để thực hiện không? Biết rằng, suất thu lợi tối thiểu chấp nhận được (MARR) của công ty H là 12%. (Gợi ý: Chi phí quảng cáo 3 tỷ đồng là một khoản chi phí, không phải là một khoản đầu tư).

Bài tập 13. Công ty N mua một dây chuyền sản xuất mới có giá 5 tỷ đồng. Ban giám đốc công ty hy vọng rằng, dây chuyền sản xuất này có thể tạo ra doanh thu và chi phí tăng thêm trong 6 năm sử dụng hữu ích như sau:

Doanh thu tăng thêm bình quân	2,5 tỷ đồng
Chi phí tăng thêm bình quân (chưa kể khấu hao)	1,0 tỷ đồng

Dây chuyền sản xuất có thời gian sử dụng hữu ích là 6 năm, được khấu hao theo mô hình khấu hao theo kết số giảm dần (DDB) có hiệu chỉnh (nếu mức khấu hao trong một năm nào đó tính theo mô hình DDB thấp hơn mức khấu hao tính theo mô hình khấu hao đều, tại năm đó công ty chuyển sang mô hình khấu hao đều). Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty là 28%.

Yêu cầu:

1. Lập bảng tính toán lợi nhuận ròng tăng thêm hàng năm trong 6 năm đưa dây chuyền mới vào sử dụng. Bạn có thể sử dụng mẫu bảng gợi ý như sau:

Năm	Doanh thu tăng thêm	Chi phí tăng thêm	Khấu hao tăng thêm	Lợi nhuận trước thuế	Thuế TNDN	Lợi nhuận ròng tăng

				tăng thêm	tăng thêm	thêm
--	--	--	--	-----------	-----------	------

2. Tính suất sinh lợi bình quân trên sổ kế toán (suất sinh lợi kế toán) của dây chuyền mới này.

Bài tập 14. Một công ty đầu tư vào một thiết bị giặt 150 triệu đồng. Sau 5 năm sử dụng, dự kiến giá trị thanh lý $SV = 0$. Ước tính rằng:

- Doanh thu hàng năm ước tính 70 triệu đồng.
- Chi phí hàng năm (chưa kể khấu hao) ước tính 10 triệu đồng.

Thiết bị được khấu hao theo mô hình khấu hao đều (SL). Thuế thu nhập doanh nghiệp 28%.

Yêu cầu: Lập bảng dòng tiền sau thuế của thiết bị trong 2 trường hợp:

1. Toàn bộ 150 triệu đồng là vốn của công ty.
2. Một nửa chi phí đầu tư là vốn vay ngân hàng, với lãi suất (lãi đơn) 10%/năm. Vốn gốc được trả đều trong 5 năm và lãi vay trả theo từng năm.

Bài tập 15. Tập đoàn Demmo sản xuất các thiết bị khoa học được sử dụng trong các trường phổ thông cơ sở. Vào tháng 12/2005, Ban Giám đốc công ty đang xem xét một dự án mua một dây chuyền sản xuất tự động để hiện đại hóa quy trình sản xuất. Kế toán trưởng của công ty ước tính các thông tin liên quan đến quyết định đầu tư này như sau:

1. Dây chuyền sản xuất có giá trị \$1.000.000, sẽ được mua sắm vào tháng 12/2005. Thời gian sử dụng hữu ích dự kiến là 8 năm. Dây chuyền này được trích khấu hao theo mô hình khấu hao theo kết số giảm dần kép có hiệu chỉnh.
2. Dây chuyền sản xuất tự động này cần phần mềm để vận hành. Phần mềm sẽ được phát triển trong hai đoạn 2 năm 2006 và 2007. Chi phí phát triển phần mềm là \$25.000 mỗi năm, sẽ được chi trả trong năm phát sinh.
3. Một chuyên gia máy tính sẽ được thuê để điều khiển sự hoạt động của dây chuyền sản xuất. Tiền lương và phụ cấp chi trả cho chuyên gia này là \$80.000 mỗi năm.
4. Các nhân viên bảo trì dây chuyền sản xuất cũng sẽ được tuyển dụng. Lương và phụ cấp hàng năm của các nhân viên bảo trì ước tính là \$150.000.
5. Một số công nhân sản xuất cần phải được đào tạo lại để có thể làm việc với dây chuyền sản xuất tự động này. Chi phí đào tạo được dự kiến như sau:

Năm 2006	\$35.000
Năm 2007	\$25.000
Năm 2008	\$10.000

6. Một số phụ tùng thay thế cho dây chuyền cần được mua ngay với giá ước tính là \$60.000. Khoản đầu tư vào vốn lưu động này sẽ được duy trì trong suốt 8 năm

hoạt động của dây chuyền. Khoản đầu tư này sẽ được thu hồi vào cuối thời gian hoạt động hữu ích của dây chuyền.

7. Giá trị thanh lý ước tính của dây chuyền vào cuối năm thứ 8 là \$50.000. Tại thời điểm này dây chuyền đã được trích khấu hao hết.
8. Công ty hy vọng rằng, việc đưa dây chuyền tự động này vào sản xuất sẽ cắt giảm chi phí sản xuất hàng năm của công ty \$480.000.
9. Khi đưa dây chuyền mới vào hoạt động, công ty sẽ bán một số thiết bị sản xuất cũ trong hai năm tới. Doanh thu từ việc bán các thiết bị này như sau:

	Chi phí mua	Khấu hao lũy kế	Giá bán
Năm 2006	\$150.000	\$100.000	\$20.000
Năm 2007	\$305.000	\$215.000	\$140.000

Yêu cầu:

1. Hãy tính toán và lập bảng dòng tiền sau thuế cho dự án đầu tư vào dây chuyền sản xuất tự động. Biết rằng, công ty chịu một mức thuế thu nhập doanh nghiệp là 30%.
2. Tính giá trị hiện tại ròng của dự án này, với suất thu lợi tối thiểu chấp nhận được của công ty là 12%. Dây chuyền có đáng giá để đầu tư không?
3. Tính suất thu lợi nội bộ của dự án.
4. Thời gian hoàn vốn của dự án này là bao nhiêu năm?
5. Mức giá cao nhất của dây chuyền sản xuất tự động này là bao nhiêu để dự án đáng giá đầu tư?